

F O R U M

RABINDRANATH TAGORE

1996

Bạn là ai kẻ đang tò mò đọc bài thơ này của tôi
sau đây một trăm năm ?
Đắm trong tình yêu của trái tim tôi,
liệu tôi có thể gửi tới bạn
nét mờ nhạt nhất của niềm vui buổi sáng mùa xuân này,
mùi hương của một đoá hoa,
một tiếng chim hót,
một tia lửa rực màu sắc hôm nay,
sau đây một trăm năm ?
Dấu sao, ít ra là một lần này thôi, xin bạn hãy mở
khung cửa sổ quay về hướng nam
và từ hàng bao lớn
hãy chăm chú nhìn về chân trời xa.
Rồi, chìm sâu trong tưởng tượng
hãy nghĩ tới những đê mê của niềm hoan lạc
đã trôi xuống
từ một cõi trời tuyệt phúc nào đó xa xăm
để chạm tới trái tim của thế giới
một trăm năm trước ;
hãy nghĩ tới ngày xuân tươi
mãnh liệt, cuốn hút và phóng khoáng
và tới ngọn gió nam
— sức nức phấn hoa —
đang ào ào lướt tới trên những chiếc cánh miên man
để tô lên trái đất

những sắc màu rạng rỡ của thanh xuân
một trăm năm trước ngày của bạn.

Và hãy nghĩ, trái tim y bùng bùng ngọn lửa,
toàn thân y ngất ngây trong ca khúc,
một kẻ làm thơ đã thức giấc ngày hôm ấy
để xoè ra như những đoá hoa
vô vắn ý nghĩ
thấm đượm biết bao là yêu đương ! —
vào một buổi sáng của một trăm năm về trước.

Sau đây một trăm năm,
ai sẽ là nhà thơ mới ca những khúc ca cho bạn ?
Qua dòng năm tháng tôi gửi tới nhà thơ ấy
lời chào hân hoan của mùa xuân này.
Ước chi ca khúc của tôi vang vọng trong khoảnh khắc,
vào ngày xuân của bạn,
trong nhịp đập của trái tim bạn,
trong tiếng thì thầm của bầy ong,
trong tiếng rì rào của cành lá, —
một trăm năm sau ngày hôm nay.

Tháng Hai, 1896.

bản dịch của **DIỄM CHÂU**

RABINDRANATH TAGORE (1861-1941), thi hào Ấn Độ, viết bằng tiếng *bengali* và tiếng Anh, Nobel Văn chương 1913, còn là một họa sĩ và người soạn ca khúc. **1996** trích trong tập *Chitra*. Bản dịch dựa trên bản Anh văn của Somnath Moitra in trong tập *Một trăm lẻ một bài thơ của Rabindranath Tagore*, nxb Asia Publishing House. Ấn Độ, 1966.

much luc

2 Ban đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

4 Tin tức

8 Đốt sách

10 Số tay

Hoà Vân

Phong Quang

The

Rabindranath Tagore (tr.1)
 Đỗ Trung Quân (tr. 31), Trương Nam
 Hương, Đặng Huy Giang (tr. 32)

Hồ sơ : tài liệu từ trong nước

12 Thư gửi Ôô. Đỗ Mười, Đào Duy Tùng La Văn Lâm

13 Thư ngỏ

15 Những ngày ở 3C Tôn Đức Thắng Đỗ Trung Hiếu

văn hoá & nghệ thuật & khoa học

18 Thân xác trong đao Phất... Bùi Mông Hùng

21 Về cung giọng tiếng Việt... A. de Rhodes

22 Đọc sách Cao Xuân Huy Nguyễn Thắng

24 Tranh thờ Việt Nam Văn Ngọc

28 Ngày Tết vui chơi tổ tôm, xóc đĩa Nguyễn Du

30 Ái Nguyệt (truyền ngắn) Miêng

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89
(ouvert tous les jours, sauf le lundi)
programme de mars 1996

EXPOSITION DE PEINTURE

Nguyễn Như Huy
exposition du 1er au 30 mars
vernissage : vendredi 1er mars à 18 h 30

EXPOSITION DE PHOTOGRAPHIE

Vietnam : Mosaïque d'une rencontre
Olivier Bourgoin
exposition du 1er au 30 mars
vernissage : vendredi 1er mars à 18 h 30

CONFERENCE :

Population et développement au Vietnam
par **Nguyễn Đức Nhuận**, de l'URA 393 (CNRS)
associée à l'Université Denis Diderot (Paris 7)
Vendredi 22 mars à 20 h 30

CLUB POÉSIE

Soirée Tardieu
Présentation et lecture de poèmes par **Claude Micoski**
Samedi 30 mars à 18 h

Vie et mort d'un poète
(7 tableaux de Sylvaine Hinglais sur des poèmes de Tardieu)
interprété par la **Compagnie du Pierrot Lunaire**
Samedi 30 mars à 20 h 30

Voyages au Vietnam & Indochine

Exemples de prix :

12 jours Paris-Paris : 10 950 F

15 jours Paris-Paris : 11 800 F

(Tarifs groupes) — Prestations standing : Hôtels 1ère catégorie, pension complète, transports aériens (vols réguliers), assurances, soirées-spectacles... Contacter :

Les AMIS du VIETNAM et de l'ASIE,

Association culturelle loi 1901

Agrément de Tourisme n°AG 075 95 0002

Spécialiste du Vietnam et de l'Indochine

Organisation des congrès, voyages d'études, circuits aventure... à la carte

Siège : 2, Square de la Salamandre, 75020 PARIS

Tél : (1) 44 24 08 76

Fax : (1) 45 86 25 05

Notre partenaire au Vietnam : VIETNAMTOURISM

Bạn đọc

&

Diễn đàn

Mở rộng quốc lộ và bảo vệ các di tích, thắng cảnh

Tôi được đọc trên báo *World Highways / Routes du Monde* (November-December 1995) một bài viết về các công trình cầu đường ở Việt Nam. Bài báo cho biết đoạn đường Hà Nội - Lạng Sơn 163 km sẽ được sửa chữa và mở rộng thành 4 làn (voie/lane).

Tác giả bài báo nhấn mạnh đến quan tâm của các công ti Mỹ Nhật không làm xáo trộn môi trường xã hội kinh tế... của dân, nhưng không thấy nói đến những di tích lịch sử rải rác dọc theo con đường này. Nhất là ải Chi Lăng, nơi mà núi mọc hiểm trở ra đến cạnh đường, và các thị trấn Đồng Đăng, Lạng Sơn (nơi mà hòn Vọng Phu - Nàng Tô Thị đã bị ngã sập cách đây vài năm khi chính quyền địa phương cho nổ núi lấy đá xây dựng).

Có thể là người Mỹ người Nhật không biết đến lịch sử Việt Nam, nhưng chính quyền Việt Nam có lưu ý họ đến việc này không ?

Tôi muốn đặt một câu hỏi khác : từ xưa đến nay con đường Hà Nội - Lạng Sơn (dẫn đến Ải Nam Quan, bây giờ gọi là Hữu Nghị Quan) chỉ dùng cho người Tàu : hàng hoá, người (và quân lính) chỉ từ bắc tràn xuống. Hiện nay con đường này rất tốt (còn tốt hơn quãng Đà Nẵng - Huế) vì do Trung quốc xây và sửa nhiều lần. Số lượng xe di chuyển cũng ít : khoảng 5-7 phút mới gặp một xe hơi đi ngược lại. Vậy tại sao phải mở rộng ra ?

Phải chăng trong chiến lược Thái Bình Dương của Mỹ, Nhật, họ muốn có một con đường giao thông khác trong trường hợp Biển Đông của ta (Ấu châu gọi là *Mer de Chine*, người Tàu gọi là *Nam Hải*) bị Trung Quốc hoàn toàn chi phối ?

N.X.T. (Paris, Pháp)

Một chút tâm tình

Mấy năm qua, thật sự Diễn Đàn Forum là nguồn tin tức, tài liệu, suy nghĩ cần thiết nhất và đáng tin cậy (và gần gũi nhất) đối với tôi. Báo chí Việt Nam dù nhiều nhưng chỉ để

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h 30

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 45 66 93 27
Métro : Cambonne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

xem hình ảnh đẹp, ngày càng không muốn đọc nữa. Đọc ĐĐ, ngoài những tài liệu quý giá từ trong nước (những bài của Lữ Phương, Phan Đình Diệu, Hoàng Minh Chính...), phần tóm tắt tin tức (dù rất thiếu) rất bổ ích. Những bài do mấy anh viết, tôi rất phục về nhiệt tình và sức dẻo dai. Đặc biệt là anh Bùi Mộng Hùng đặt rất đúng các vấn đề. Tuy nhiên, lý giải các vấn đề đều phải có nhiều công phu, thời gian và đôi khi là một công trình chung của nhiều người.

Lâu nay không làm báo nữa, đôi lúc lòng cũng thêm thường, thấy báo của các anh chị vẫn tồn tại, hơn nữa vẫn giữ được phong độ, bài vở không sai sót hay sơ hở, tôi thấy rất phục và muốn nói lời cảm ơn đến tờ báo và đến những tác giả các bài báo : NG, PQ, ĐT, NTN, PHĐ, LVC, HV, HV, BMH, VN... Cầu mong là Diễn Đàn vẫn tiếp tục sống và giúp ích bạn đọc. Phần tôi xin gửi một món tiền mọn mua báo, đồng thời tự hứa là trong năm nay, sẽ tích cực vận động bạn bè mua báo và tham gia tài chính.

L.C. (Montréal, Canada)

NHẮN BẠN :

Nhuộc Trần (Delft, Hà Lan) : Khi báo lên khuôn, chúng tôi nhận được bài viết của anh về Liên hoan điện ảnh quốc tế Rotterdam. Rất cảm ơn. Chúng tôi dự tính đăng trong số tới. Nếu khuôn khổ đòi hỏi, thì xin anh cho phép lược bớt phần đầu (giới thiệu chung Festival de Rotterdam và phim Xích Lô của Trần Anh Hùng), để tập trung đăng phần nói về phim *Thương nhớ đồng quê* của Đặng Nhật Minh, và phần nói về điện ảnh Việt Nam nói chung.

ĐÍNH CHÍNH :

1963 Trong bài *Hữu hạn và vô cùng* (Diễn Đàn số 49), vì ghi chép sai trong khi tra cứu, tác giả đã viết P. Cohen chứng minh tính bất khả định (*indécidabilité*) của *giả thiết về cái liên tục* (hypothèse du continu) vào năm 1966. Xin cáo lỗi độc giả và xin sửa lại cho đúng là năm 1963.

Hàn Thuỷ

Khải Ký Mĩ Gia Trong bài *Ăn ở Cali* (cùng số báo 49), tôi đã giới thiệu *Hải Ký Mĩ Gia*. Máy vi tính bị hư, mất hết cả bộ nhớ đã ghi chép nhật ký Mỹ du, nên đành dựa vào trí nhớ đã bị bão hoà. May được một độc giả Quận Cam, chị M.L. lưu ý, và sau khi thẩm tra, xin bạn đọc vui lòng sửa lại là : *Khải Ký Mĩ Gia* (gần quán McDonald, góc đường Westminster và Brookhurst, Garden Grove).

Kiến Văn

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang :	180 F
1/4 trang :	300 F
1/2 trang :	550 F
1 trang :	1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

.....

.....Điện thoại :

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

để tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu

Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Bắc Mỹ** (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, séc để tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Môi trường kêu cứu

Theo đánh giá của giáo sư Võ Quý (Đại học quốc gia Hà Nội), nguy cơ quan trọng nhất về mặt môi trường đối với Việt Nam là sự suy thoái đa dạng sinh học – tức của các hệ sinh thái cùng với hệ thực vật và động vật – mà nguyên nhân chính là sự mất rừng, nhất là rừng rậm nhiệt đới. Ông cho biết chỉ có khoảng 20 % rừng rậm nhiệt đới nguyên thủy còn sót lại ở Việt Nam, trong khi tỷ lệ này ở Thái Lan là 43 %, ở Lào là 55 %, ở Campuchia là 71 %.

Theo các cuộc điều tra mới nhất của bộ khoa học - công nghệ và môi trường, Việt Nam hiện có trên 13 triệu hecta đất suy thoái thành đất trống đồi trọc. Đặc biệt diện tích bị sa mạc hóa (mất hoàn toàn khả năng sinh sản) là 1,2 triệu hecta. Diện tích này tập trung ở các tỉnh miền núi Bắc bộ và duyên hải miền Trung.

Cuối tháng giêng vừa qua, một số tỉnh miền Trung đã tổ chức thả thú về rừng. Tại Quảng Trị, “ trước sự chứng kiến của đông đảo nhân dân ”, chính quyền đã thả về lại rừng 86 con chồn, 8 con khỉ, 6 con tắc kè, một con báo, 2 rắn hổ chúa và 40 kg rắn khác đủ loại – số thú này do tỉnh đã thu giữ được từ các vụ buôn bán trái phép động vật quý hiếm. Tại Quảng Nam - Đà Nẵng, chính quyền đã tổ chức thả lại vào rừng 6 thùng rắn, một sọt trăn, 3 thùng chồn và một thùng tê tê. Tháp tùng đoàn của chính quyền có hàng chục xe gắn máy của tư thương, là những chủ các lô hàng bị bắt giữ nói trên. Tại điểm thả, một cuộc náo loạn đã xảy ra, khi các chủ hàng tìm cách bắt lại những lô rắn – có người liều lĩnh nhảy lên công xa cướp lại nguyên cả bao hàng. Rốt cuộc, như báo Lao Động cho biết, “ số thú đã trở lại với chủ cũ nhiều hơn về lại... rừng ”!.

Trong vòng 6 năm ở Việt Nam, theo những thống kê chính thức, đã xảy ra 12 sự cố tràn dầu. Riêng năm 1995, cục bảo vệ môi trường cho biết có hơn 10 000 tấn dầu tràn gây ô nhiễm các vùng biển. Sự cố tràn dầu sau cùng xảy ra cuối tháng giêng vừa qua trên sông Đồng Nai, khi tàu Singapore Gemini đụng vào trụ cầu cảng Cát Lái, đổ ra sông 72 tấn dầu thô. Tác hại cho môi trường và kinh tế dân cư còn đang trong quá trình đánh giá. (Lao Động 25.1, 28.1 và 4.2 ; Tuổi Trẻ 6.2.96)

Thuyền nhân trên đảo Palawan được ở lại Philippin ?

Chính phủ Philippin đã quyết định bãi bỏ chương trình đóng cửa trại tị nạn Puerto Princesa trên đảo Palawan, cưỡng bách khoảng 2 500 thuyền nhân Việt Nam phải trở về nước trước ngày 15.3.1996. Quyết định này được ngoại trưởng Domingo Siazon thông báo ngày 15.2, một ngày sau khi cảnh sát philippin đã phải dùng lựu đạn cay giải tán

những người biểu tình ngăn chặn một chuyến bay chở 84 người “ tị nguyện ” hồi hương – Một trong 84 người này không nhận là tị nguyện, đã được trở lại Philippin ngày hôm sau. Theo ông Siazon, tổng thống Fidel Ramos đã lấy quyết định sau một cuộc gặp mặt với các giám mục Philippin. Giáo hội đã nhận giúp đỡ những người ở lại sau khi HCR chấm dứt tài trợ cho các trại tị nạn vào ngày 30.6 tới. Theo linh mục James Reuter phát ngôn viên của hội đồng giám mục Philippin, thực ra hội đồng không có ngân sách cho khoản này và sẽ trông chờ vào sự quyên góp của giáo dân. Chính phủ Philippin cũng chưa biết sẽ dành quy chế cư trú nào cho những người được phép ở lại.

Quyết định của tổng thống Ramos đặt các nước có trại tạm cư cho thuyền nhân Đông Dương vào tình trạng khó xử. Các nước này đều đã thông qua chương trình đóng cửa các trại vào giữa năm nay của HCR (xem DD các số 48, 49). Ngoại trưởng Siazon công nhận là Philippin sẽ phải nỗ lực giải thích với các nước bạn về quyết định của mình, theo ông là do “ nét đặc thù của Philippin, nước duy nhất ở châu Á có đa số dân theo đạo Thiên Chúa ”. Tuy nhiên, theo AFP, một nguồn tin từ bộ ngoại giao Philippin cho biết hình như quyết định này đang được coi lại. (Tin các hãng thông tấn 13-16 và 26.2.1996)

Thương lượng Việt - Trung có kết quả

Phiên họp thứ bảy trong vòng thương lượng Việt - Trung về đường biên giới trên đất liền đã kết thúc tại Hà Nội ngày 26.1 với “ những kết quả khả quan ”, theo các nguồn tin Việt Nam. Các chuyên viên hai nước đã soạn xong một chương trình giải quyết 170 điểm tranh chấp để tiến tới thoả thuận về đường biên giới vào tháng 10 năm nay. Trước đó, phiên họp thứ tám sẽ diễn ra tại Bắc Kinh vào tháng 4 này.

Đường xe lửa Hà Nội - Bắc Kinh đã chính thức mở lại với một buổi lễ tại các nhà ga biên giới Đồng Đăng và Pingxiang ngày thứ tư 14.2.1996. Một chuyến xe Trung Quốc khởi hành ngày 12.2 từ Bắc Kinh và một chuyến xe Việt Nam ngày hôm sau từ Hà Nội đã gặp nhau tại đây. Tham dự lễ có các thủ trưởng giao thông hai nước, Bùi Văn Sương và Guo Lin, những người đã ký kết nghị định thư về việc này ngày 31.1 tại Hà Nội. Tuyến xe lửa Hà Nội - Bắc Kinh trước mất mát 52 tiếng đồng hồ, và sẽ có hai chuyến mỗi tuần mỗi chiều. Ngoài ra, đường Lào Cai - Vân Nam cũng đã được mở lại. Hai nước đã thoả thuận nối lại các quan hệ đường sắt này trong chuyến đi thăm Trung Quốc của tổng bí thư đảng CSVN Đỗ Mười tháng 11 năm ngoái (xem DD số 48). Từ nay, du khách có thể đi từ Luân Đôn tới thành phố HCM bằng xe lửa. (AFP, Reuter 26 và 31.1, 12-14.2.1996)

Làm sao đánh thức 30 000 tỷ đồng ?

Trong buổi họp báo đầu năm, bộ trưởng Lê Xuân Trinh, chủ nhiệm văn phòng chính phủ, cho biết chính phủ dự kiến tổng số vốn đầu tư năm 1996 sẽ phải lên đến khoảng 70 000 tỷ đồng (6,4 tỷ đô la) để đạt mức tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) từ 9 đến 10 %. Theo dự kiến đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài chiếm 27 300 tỷ đồng ; nguồn vốn từ ngân sách nhà nước là 15 000 tỷ đồng, vốn từ các quỹ

tín dụng đầu tư là 4 800 tỷ đồng, vốn tự có của các doanh nghiệp nhà nước là 6 500 tỷ đồng ; nguồn vốn trong khu vực tư nhân khoảng 17 000 tỷ đồng. Tính chung, nguồn vốn từ nước ngoài chiếm 39 %, từ nhà nước là 37,5 % và trong dân 23,5 % tổng số vốn đầu tư.

Giữa các nguồn vốn trong nước, vốn tư nhân chiếm tỷ lệ còn ít so với tiềm năng : người ta ước tính hiện nay, trong dân, có khoảng 30 000 tỷ đồng nằm yên, chưa được dùng vào đầu tư. Tuần báo **Thời báo kinh tế Sài Gòn** nêu lên ba loại lý do : hệ thống pháp luật và các chế độ, chính sách của nhà nước chưa nhất quán và ổn định đủ để thúc đẩy mọi công dân mạnh dạn bỏ vốn ra làm ăn ; những ách tắc và phiền toái ở các khâu tổ chức của chính quyền ; những tâm lý trong xã hội đã biến thành một thứ “ trở lực vô hình ” đối với các nhà doanh nghiệp tư nhân. Bài báo cho rằng câu hỏi “ *làm gì để đánh thức 30 000 tỷ đồng trong dân* ” là một vấn đề vẫn phải được tiếp tục đặt trên bàn của chính phủ và hệ thống chính quyền các cấp. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 11.1.96)

Điện thoại thay đổi

Như Diễn Đàn đã đưa tin (số 46), bắt đầu từ 0 giờ ngày 1.3.1966, tất cả các số điện thoại ở Việt Nam sẽ được thay đổi như sau : tất cả các số sẽ có thêm số 8 (tám) ở đằng trước,

mã số của các vùng (area codes) không thay đổi. Nhân dịp này xin nhắc lại mã số của một số thành phố lớn, Hà Nội : 4 ; Thành phố Hồ Chí Minh : 8 ; Huế : 5 v.v..., và mã số của Việt Nam trong hệ thống điện thoại thế giới là 84. Như vậy, nếu bạn đang ở Hà Nội, gọi cho một số của Hà Nội, ví dụ 222222 (trước ngày 1.3), nay bạn sẽ phải làm số 8222222. Nếu bạn từ nước ngoài gọi về số ấy, trước phải làm 84 4 222222, nay thành 84 4 8222222.

Tổng cục Bưu điện và viễn thông cũng loan báo, tổng cục đang xin phép chính phủ hạ giá cước điện thoại gọi đi nước ngoài xuống từ 4 tới 10 %. Theo Việt nam thông tấn xã, một quan chức của tổng cục cho biết ông hy vọng sẽ có quyết định cụ thể vào tháng 4 tới. Chất lượng điện thoại của Việt Nam đã tăng đáng kể trong những năm qua, nhờ các hệ thống viễn thông qua vệ tinh, nhưng giá cước vẫn quá đắt so với các nước chung quanh. Việt Nam cũng vừa khai trương ngày 7.2 hệ thống đường cáp quang dưới biển nối với Hồng Kông và Thái Lan (xem Diễn Đàn số 42), cho phép vận hành cùng một lúc 60 000 liên hệ viễn thông. Về số lượng, Việt Nam hiện nay mới có khoảng 742 000 đường điện thoại (một máy cho 100 người dân, so với 13 ở Malaysia, 6,5 ở Thái Lan, 1,6 ở Indonesia và 1,4 ở Philippin). Kế hoạch của tổng cục là đưa tỷ lệ này lên gấp tư vào năm 2 000, nhưng các

Độc báo trong nước

Thư viện hay ...phòng cưới ?

Là thư viện lớn nhất ở phía Nam (tiền thân là Thư viện quốc gia cũ), với một triệu bản sách lưu trữ gồm đủ các chuyên ngành, Thư viện khoa học tổng hợp có khả năng đáp ứng những yêu cầu đa dạng của bạn đọc. Hiện nay, với ba phòng đọc chính, thư viện có thể phục vụ 700 bạn đọc cùng một lúc. Thế nhưng vài năm trở lại đây, cùng với sự gia tăng nhanh chóng số lượng sinh viên, sự quá tải đang có xu hướng ngày càng trầm trọng. Trong một cuộc trả lời phỏng vấn của Tạp chí truyền thanh (Đài tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), phó tiến sĩ Huỳnh Ngọc Thu - giám đốc thư viện - đã bày tỏ sự lo lắng trước áp lực ngày càng lớn từ phía độc giả đối với thư viện. Bà cũng cho biết đã có dự án đề trình Sở văn hóa thông tin (cơ quan chủ quản) để xin kinh phí khá lớn nâng cấp và hoàn thiện cơ sở này đáp ứng yêu cầu sau năm 2000.

Sự thừa nhận thực tế của bà giám đốc là thế, nhưng cách đây mấy năm, thư viện lại sử dụng một đại sảnh có sức chứa 200 người để kinh doanh, tổ chức đám tiệc, hội họp ... Nhiều sinh viên thường xuyên học ở thư viện đã bức xúc khi thấy căn phòng khang trang, thoáng mát này hầu như chỉ hoạt động vào dịp cuối năm (tức mùa cưới), còn thường thì đóng cửa im ỉm, thật lãng phí ! Vậy mà mùa thi năm nay, trước sự quá tải đạt đến đỉnh điểm thì chẳng hiểu bằng cách nào thư viện lại khéo léo thu xếp thêm một căn phòng rộng rãi khác để tăng khả năng phục vụ ... hai tiệc cuối cùng một lúc ? Câu hỏi được đặt ra : phòng ốc của thư viện thật sự thừa hay thiếu ? (...)

Yên Khán Thu (Tuổi Trẻ chủ nhật 21.1.96)

Công viên hay ... tư viên ?

Xây dựng từ phần đất của mấy làng cổ đất Thăng Long xưa, công viên Lênin (Hà Nội) có tường rào bao quanh, tường chừng như đất đai khó có thể bị xâm phạm. Thế nhưng sự thực không phải thế. Công ty Công viên xây dựng trụ sở mới của mình ngay trong khuôn viên của công viên Lênin. Sau đó xây một nhà làm việc khác, trưng toàn tiếng nước ngoài, không hiểu có phải cho các công ty nước ngoài thuê hay không ? Ở phía đường Trần Nhân Tông, người ta khoanh một góc công viên lại, cho làm quán thịt dê. Ở phía đường Lê Duẩn, từ một vài gian nhà nhỏ, thấy nổi lên trụ sở Công ty Tư vấn đầu tư xây dựng giao thông công chính, và phía sau đó, là bãi đất bằng hiện thấy lỗ nhố các loại xe máy xây dựng.

Như vậy là rất từ từ, khu vực công viên Lênin đã bị lấn chiếm một cách hợp pháp. Có thể ở khu vực Công ty Tư vấn đầu tư xây dựng giao thông công chính, mai này có đối tác liên doanh, biết đâu lại biến thành một khách sạn mới, v.v ... bởi vì đã có một thực tế tiền lệ là góc bên kia công viên đã diễn ra như vậy.

Điều đáng để suy nghĩ là những công trình này được xây dựng một cách hợp pháp, có giấy phép hẳn hoi. Những người duyệt thiết kế xây dựng, những người cấp giấy phép xây liệu có nghĩ rằng làm như vậy là đã phá vỡ một quần thể vui chơi giải trí thuộc loại rộng và đẹp ở nước ta hiện nay hay không ?

Và thử hỏi Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Văn phòng kiến trúc sư trưởng có biết công viên đang bị biến thành ... tư viên như vậy không ?

Trương Cộng Hòa (Lao Động 30.1.96)

nhà hữu trách không nói họ tìm đâu vốn (hàng tỉ đôla) để thực hiện. Một hợp đồng đầu tư xây dựng 500 000 đường dây điện thoại mới với France-Télécom vẫn đang chờ được giấy phép của chính phủ. Nhiều đại công ty viễn thông quốc tế, như Telstra của Úc, Ericsson của Thụy Điển... đã hoặc đang nhảy vào thị trường béo bở này. Trong nước, tổng cục bưu điện và viễn thông, dù là của nhà nước, cũng đã phải từ bỏ độc quyền và phải chịu chia phần với công ty viễn thông quân đội. (AFP 8 và 11.12.1995, 7.2.1996, và tin trên Internet)

Thống kê và nói dối

Tại một hội nghị đầu năm giữa chính phủ và các chủ tịch của 53 tỉnh và thành phố, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã phê phán tập quán “*nói dối lẫn nhau*” giữa cấp trên và cấp dưới trong bộ máy nhà nước. Phó thủ tướng Phan Văn Khải còn cho biết: “*Khi muốn tìm hiểu về tiền lương, tôi thường phải dựa vào nguồn tin khác, chỗ không phải từ các doanh nghiệp báo cáo lên*”. Theo ông, hiện trạng phổ biến là các doanh nghiệp nhà nước bị lỗ nặng trong khi lương thưởng rất cao.

Báo Người Lao Động tiết lộ: căn cứ theo báo cáo của các địa phương thì năm 1995 sản lượng lương thực của Việt Nam đạt 30,5 triệu tấn, tăng 4,3 triệu tấn hay 16,4 % so với năm 1994; song Tổng cục thống kê nhận thấy rằng tốc độ tăng trưởng như trên quá cao, không phù hợp với thực tế mùa màng trong một năm gặp thiên tai, đã cho tiến hành phúc tra và phát hiện báo cáo của các địa phương đã khai khống đến 3 triệu tấn! Sản lượng thực của năm 1995 là 27,5 triệu tấn. (Phụ Nữ TPHCM 10.1; Tuổi Trẻ chủ nhật 14.1; Người Lao Động 26.1.96)

Thủy thủ bị bỏ rơi ở nước ngoài

Theo số liệu chưa đầy đủ, hiện có 36 thuyền viên Việt Nam làm thuê cho hãng tàu Hy Lạp Adriatic đang bị chủ bỏ rơi tại các nước Nga (12 người), Bungari (7 người), Hy Lạp (4 người), Australia (15 người). Lầm vào tình trạng rất khó khăn – không được trả lương mà cũng không được thu xếp hồi hương –, những thuyền viên Việt Nam đang sống một phần nhờ sự cứu trợ, giúp đỡ của các tổ chức xã hội và công đoàn tại những nước này.

Đó là trường hợp của 15 thủy thủ Việt Nam của tàu Capestar đang bị giữ lại ở cảng Cairns ở Australia từ đầu năm nay. Do hãng Adriatic có nguy cơ phá sản, ngân hàng Scotland Bank – một trong những chủ nợ của hãng Adriatic – đã thu giữ lại con tàu để bắt nợ. Sự can thiệp của công đoàn thủy thủ Australia ITF, đã buộc ngân hàng vừa rồi phải thanh toán một phần lương cho thuyền viên Capestar. Tuy nhiên, tàu vẫn bị phong tỏa và các thuyền viên phải sống như tù giam lỏng – đã có hai thủy thủ Việt Nam bỏ trốn lên đất liền.

Công ty hợp tác lao động với nước ngoài (INLACO) thuộc cục hàng hải Việt Nam, là công ty ký hợp đồng cung ứng thuyền viên Việt Nam cho hãng tàu Adriatic, cho biết hiện nay có đến 70 người Việt Nam đang bị kẹt ở nước ngoài trên các tàu của hãng Adriatic. Theo tin của báo Lao Động, INLACO, khi nhận được điện kêu cứu của các thuyền viên

Việt Nam trên tàu Capestar, đã trả lời họ “*phải tự lo, vì bản thân INLACO đang rất khó khăn*”. Song khi được biết ngân hàng Scotland Bank trả lương cho các thuyền viên, INLACO đã lên tiếng đòi hưởng 30 % “*theo đúng hợp đồng*” đã ký với người lao động! (Lao Động 8.2.96)

Buôn bán phụ nữ

Trong năm 1995, công an biên phòng tỉnh Lạng Sơn cho biết đã phát hiện 29 chuyến buôn bán phụ nữ qua biên giới Việt - Trung. Trên thực tế, con số đó phải lớn hơn nhiều, và hội phụ nữ Lạng Sơn ước tính, trong ba năm qua có hơn 3 000 phụ nữ Việt Nam bị bán sang Trung Quốc qua cửa khẩu Lạng Sơn.

Hiện tượng này xuất phát từ tình trạng thiếu phụ nữ của Trung Quốc, nhất là ở các vùng nông thôn. Theo điều tra của báo Phụ Nữ Thành phố Hồ Chí Minh, các chuyến “*hàng người*” nói trên gồm nhiều đối tượng khác nhau: những phụ nữ bị dụ sang Trung Quốc chơi, rồi bị giữ lại bằng vũ lực, không cho về; những phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, lớn tuổi, bị chồng bỏ; những người bị viễn cảnh hào nhoáng ở Trung Quốc cuốn hút; những người có mối quan hệ quen biết, yêu đương bên kia biên giới. Song dù trường hợp nào thì tình cảnh “*làm vợ hồ*” không kéo dài lâu và khi bị phát hiện, người phụ nữ Việt Nam bị nhà chức trách Trung Quốc bắt rồi trục xuất ra biên giới. Điều oái oăm là công an biên phòng Việt Nam không được nhận họ lại trước khi có điều tra chính xác. Và đã có những trường hợp người bị đẩy đi, đẩy lại vì không có bên nào nhận, phải đi lang thang hết cửa khẩu này đến cửa khẩu khác...

Ở Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động buôn bán phụ nữ được tập trung vào những “*tour*” du lịch của người Đài Loan sang Việt Nam. Trong năm 1995, chỉ tính ở một phường (phường 3, quận 11), người ta ghi nhận 35 thủ tục đăng ký kết hôn với người Đài Loan. Thượng úy phó công an phường này còn cho biết số đông những chú rể Đài Loan là nông dân, người lớn tuổi và một tỷ lệ không nhỏ là người dị tật. Theo báo Phụ Nữ thành phố, “*giá*” của những cuộc hôn nhân này, cách đây vài năm, là 6 000 đô la và hai lượng vàng, song nay đã hạ xuống còn 3 000 đô la. Dư luận cho rằng, hoặc những người đàn ông Đài Loan thấy việc hạ ấy là “*đúng giá*” với “*chất lượng*” các cô vợ Việt Nam; hoặc các tay mối lái lợi dụng sự kém hiểu biết của các cô gái và gia đình đã ăn chặn ngày càng nhiều... (Phụ Nữ TPHCM 10.1 và 3.2.96)

TIN NGẮN

- **Luật sư Đoàn Thanh Liêm**, bị bắt năm 1990 và bị tòa án TPHCM kết án 12 năm tù năm 1992 về tội “*chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa*”, “*tuyên truyền đa nguyên chính trị*” (xem DD số 9, tháng 6.1992), đã được **trả tự do** đầu tháng 2 vừa qua. Luật sư và gia đình đã đi định cư ở Mỹ.

- Các nhà ngoại giao Liên hiệp châu Âu (EU) đang tự hỏi có phải những thủ tục hành chính rườm rà của Việt Nam là nguyên do chính khiến cho hai bên đã không thông qua được thoả ước mới về **quota hàng may mặc** của Việt Nam xuất

sang EU. Hay có gì khác bên trong ? Theo thoả ước này, đối lại với một *quota* tăng 15 %, Việt Nam nhận giảm thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng của các nước EU.

- Thủ tướng Võ Văn Kiệt và ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm sẽ đại diện Việt Nam tham dự **hội nghị thượng đỉnh Á - Âu** đầu tiên, họp tại Băng-Cốc hai ngày 1 và 2.3 này. Hội nghị gồm các nguyên thủ của hai khối ASEAN và EU, và ba nước châu Á khác là Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc.

- Bộ trưởng tư pháp Pháp **Jacques Toubon** đã đi thăm Việt Nam 3 ngày 24-26.2.1996. Trong chương trình làm việc tại Hà Nội, ông sẽ gặp bạn đồng sự Nguyễn Đình Lộc, đại diện các công ty Pháp và các luật sư Pháp đang hành nghề tại Việt Nam, và đi thăm Đại học Luật Hà Nội.

- Theo một thông cáo chung ngày 29.1.1996 của các ông Ngô Quang Xuân và Ivan Zdravko Misic, đại sứ Việt Nam và đại diện thường trực lâm thời **Bosnie-Herzégovine** tại Liên hiệp quốc, hai nước đã thiết lập ngoại giao ở cấp đại sứ.

- Các toà án Việt Nam đã **tuyên án tử hình 104 tội phạm trong năm 1995**, trong số này có 95 trường hợp vì tội giết người, 8 vì buôn lậu ma tuý và một vì cưỡng dâm. Theo những nguồn tin chính thức, 11 trong số 104 án này đã được thi hành.

- Theo niên giám thống kê Việt Nam, **tổng số khách nước ngoài** đến Việt Nam năm 1994 là 940 707 người chứ không phải 1,018 triệu người như tổng cục du lịch đã từng báo cáo. Trong tổng số đó, du lịch thuần túy chỉ có 431 308 người (48 %), còn lại là thương nhân (235 677 người), Việt Kiều (202 046 người) và khách đến vì những mục đích khác (71 676 người).

- Trong năm 1995, sau 7 tháng thực hiện luật quốc tịch, có hơn **750 người nước ngoài đã xin vào quốc tịch Việt Nam**. Phần lớn là người Campuchia đã sang Việt Nam lánh nạn Pol Pot ; ngoài ra, còn có một số người Đài Loan mong muốn được làm ăn và ổn định cuộc sống ở Việt Nam.

- Theo thống kê của bộ lao động, trong 5 năm qua (1991 - 1995), 5 triệu người đã tìm được công ăn việc làm và **tỷ lệ thất nghiệp** ở thành thị đã giảm từ 9 - 10 % xuống còn 6 - 7 %. Song, theo Tổ chức lao động quốc tế OIT, **tỷ lệ tạo ra công ăn việc làm ở Việt Nam là 2,5 %** trong khi tỷ lệ gia tăng lực lượng lao động là 3 %, và riêng ở thành phố là 5 %.

- Tại Thành phố Hồ Chí Minh, những đợt kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm vừa cho biết có **4,5 % xí nghiệp chế biến, 30 % số chợ và 40 % thực phẩm thuộc loại kém vệ sinh**, phần lớn là thực phẩm bày bán lộ thiên. Báo Người Lao Động đã điều tra về 11 loại rau quả có lượng thuốc trừ sâu vượt từ 50 đến 200 lần mức cho phép.

- Hiện tượng **vay tiền ngân hàng** dưới danh nghĩa phát triển sản xuất để dùng vào việc **chơi số đề** đang phát triển mạnh ở các tỉnh miền Bắc. Nhiều cán bộ ngân hàng thuộc các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Lai Châu, Yên Bái, Hà Bắc... còn giúp đỡ đắc lực các con bạc lập những dự án sản xuất giả !

- Theo thống kê mới nhất của bộ nội vụ, Việt Nam có **2,9 triệu xe gắn máy**. Thành phố Hồ Chí Minh : 900 000 chiếc

xe (bình quân 3,5 người dân có một chiếc). Hà Nội : 500 000 chiếc xe (bình quân 5 người dân có một chiếc).

- Theo bộ trưởng công nghiệp Đặng Vũ Chu, **tỷ lệ thất thoát điện hiện nay vào khoảng 25 %**. Nếu trừ phần mất trên đường dây (tổn thất kỹ thuật) thì số thất thoát điện do thiếu dụng cụ đo đếm và trộm cắp lên đến 15 %.

- Cuối tháng giêng vừa qua, nhà nước đã công bố **pháp lệnh về dân quân tự vệ**, theo đó, công dân Việt Nam, nam từ 18 tuổi đến 45 tuổi và nữ từ 18 đến 40 tuổi, có nghĩa vụ tham gia dân quân (tổ chức ở xã, phường) hay tự vệ (tổ chức ở các cơ quan hành chính, đoàn thể, doanh nghiệp). Thời gian tham gia được qui định là 4 năm.

- Công ty dầu khí Pháp Total cho biết sẽ đấu thầu dự án xây dựng **nhà máy lọc dầu thứ hai** của Việt Nam có công suất 5 triệu tấn/năm. Địa điểm của nhà máy sẽ được chính phủ xác định trước tháng 6.

- Nhà nước đã quyết định cho **bán đấu giá nhà máy điện Việt Trì** vì không còn hiệu quả kinh tế và đã ngừng sản xuất từ năm 1990. Nhà máy được xây năm 1958 với công suất thiết kế 16 000 kw, và trong chiến tranh đã bị ném bom và được khôi phục nhiều lần.

- Liên doanh giữa ba tập đoàn Nhật Bản Kyoei Steel, Itochu, Mitsui với Tổng công ty thép Việt Nam vừa khánh thành ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu **nhà máy thép** lớn nhất Việt Nam (công suất : 240 000 tấn/năm). Tổng số vốn đầu tư : 46 triệu đô la.

- Từ đầu năm nay, tổ chức phi chính phủ Pháp Thầy thuốc thế giới (Medecins du Monde), đã mở tại Nhà văn hóa thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh “ **Quán cà phê AIDS** ” để phát không bao cao su cho người dân và vận động phòng chống SIDA. Kinh phí hàng năm của chương trình này là 50 000 đô la.

- Công ty Microsoft sẽ phát hành trong quý một năm nay hệ điều hành **Windows 95 bản tiếng Việt**. Sau đó công ty sẽ lần lượt cho phát hành tiếp bản tiếng Việt các hệ điều hành phổ biến khác : Microsoft Office 95 và Windows NT.

- Một cuộc thăm dò ý kiến 1 135 người ở Thành phố HCM cho biết Tuổi Trẻ là tờ **báo nhiều người đọc nhất** tại thành phố (72,7 %). Kế đến là Công An TPHCM (72,2 %), Sài Gòn Giải phóng (42,5 %), Thanh Niên (38,1 %).

- Việt Nam đã quyết định **giảm nhập khẩu xe** trong năm 1996. Tổng số xe hơi sẽ được cấp giấy nhập khẩu, theo bộ thương mại, là 20 000 chiếc, kể cả xe lắp ráp trong nước, trong đó xe con và xe du lịch dưới 12 chỗ là 5 000 chiếc, giảm 23 % so với 1995. Phần nhập xe gắn máy (2 bánh) được qui định không quá 350 000 chiếc, trong đó 200 000 lắp ráp trong nước.

- Theo Tổng công đoàn lao động VN, **46 vụ đình công đã nổ ra trong năm 1995**, tăng gần gấp đôi so với năm trước. Phần lớn các vụ đình công xảy ra trong khu vực phi quốc doanh, và tập trung ở thành phố HCM và các tỉnh lân cận. Tuy Luật lao động đã được ban hành từ tháng 6.1994 chỉ cho phép đình công sau khi đã tiến hành hết các bước hoà giải và phải do ban chấp hành công đoàn cơ sở quyết định

(ĐD số 32), trên thực tế không có cuộc đình công nào đi theo những bước đó.

- Trong số hơn 70 người bị bắt giữ trong vụ đụng độ với cảnh sát sau khi Việt Nam thua Thái Lan trong trận chung kết bóng đá SEA-Games vừa qua (ĐD số 49), **11 người đã bị toà án thành phố HCM xử tù** vì các tội phá rối trật tự công cộng và phá hoại tài sản xã hội chủ nghĩa. Hai người bị án nặng nhất, mỗi người 3 năm tù giam.

- Toà án nhân dân thành phố HCM đã xử phạt 4 năm tù giam một người bị bắt trong khi chuyên chở **40 000 bánh pháo để bán lậu** tại thành phố. Sáu người khác bị bắt tại Hà Nội vì làm hoặc bán pháo sẽ bị đưa ra xử nay mai.

- Theo Bộ tài chính (thông tư ngày 17.1.1996) từ nay tất cả các cơ sở hành chính hoặc kinh tế quốc doanh phải **gọi thầu công khai** bất cứ trang thiết bị gì trị giá hơn 100 triệu đồng (9 000 đôla), trừ một số mặt hàng quốc phòng không được thông tư nêu rõ. Các công ty nước ngoài có phép hoạt động tại Việt Nam được tham gia những cuộc đấu thầu này.

- PMC Jinwon, một công ty xây dựng Hàn Quốc đã được phép đầu tư xây dựng một **trung tâm du lịch trên Côn Đảo**, trị giá 8,5 triệu đôla. Hợp doanh với một số công ty Việt Nam, trong đó có Công ty dịch vụ hàng không Việt Nam, Jinwon sẽ xây dựng một khách sạn 250 phòng trên đảo.

- Tác giả bài thơ “ Ông đồ ”, **nhà thơ Vũ Đình Liên** vừa qua đời ở Hà Nội, thọ 83 tuổi. Đậu cử nhân luật khoa, từng phụ trách quản lý báo Tinh Hoa và phụ trách khoa tiếng Pháp của trường đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội, ông mới xuất bản gần đây tập thơ dịch Baudelaire.

- Số đầu tiên của tạp chí **Văn nghệ nước ngoài**, do Hội nhà văn Việt Nam chủ trương, đã ra mắt bạn đọc đầu tháng 2 tại Hà Nội. Tạp chí ra nửa tháng một lần, do nhà văn Ma Văn Kháng làm tổng biên tập.

- Bộ khoa học - công nghệ và môi trường đã rút giấy phép hoạt động của hãng chế tạo bột ngọt Đài Loan Vedan vì xả chất thải làm hư hại môi trường. Tháng trước, hãng này đã bị phạt phải **bồi thường 15 tỉ đồng** cho những nông dân nuôi tôm trên sông Đồng Nai, vì chất thải của nhà máy làm chết trúng tôm.

- **37 trọng tài kinh tế** đầu tiên đã được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam. Năm 1995, Hà Nội đã quyết định gia nhập công ước quốc tế Nữ Ước 1958 về trọng tài kinh tế. Các trung tâm trọng tài đã được thiết lập tại một số thành phố lớn.

- Một Việt kiều mang quốc tịch Canada, ông Trần Triệu Quân, đã bị toà án thành phố Hồ Chí Minh **xử tù chung thân về tội mua bán gian lận**. Theo các báo, ông Quân đã nhân danh một công ty Mỹ Excel Cotton ký với Công ty may mặc Sài Gòn một hợp đồng cung cấp 800 tấn bông sợi trong hai năm 1992-93. Excel thực chất là một công ty ma.

Triệu không phải là tỷ

Dự trữ ngoại tệ của Việt Nam năm 1995 là 66,4 triệu đô la, chứ không phải 66,4 tỷ đô la như Diễn Đàn đã in nhầm trong số báo tháng 2.1996.

Hơn 30 000 cuốn băng video, 12 000 băng cát xét, 13 000 đĩa laser CD, 10 000 đĩa mềm vi tính, 32 000 cuốn lịch, 1 700 cuốn sách, và nhiều bộ phim, trò chơi video v.v... đã được đem ra đốt trước hơn một ngàn “ công chúng ” thành phố HCM ngày 18.1.1996.

Đây không phải là cuộc đốt sách duy nhất được tổ chức trong thời gian vừa qua tại thành phố HCM, cũng như tại nhiều thành phố khác trên cả nước, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai v.v... Chúng tôi không có đủ báo chí trong nước, nhưng chỉ riêng trên vài tờ báo chính ở Sài Gòn trong khoảng 2 tháng từ giữa tháng 12.1995 đến nay, người ta có thể kiểm thấy hầu như thường xuyên có tin, bài về cái gọi là đợt truy quét sản phẩm văn hoá độc hại, dựa trên nghị định mang số 87/CP (của chính phủ) và chỉ thị 814/TTg (của thủ tướng). Nghị định nói trên được ban hành ngày 12.12.1995, là về Tăng cường quản lý, thiết lập trật tự kỷ cương trong các hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá, đẩy mạnh bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng, có kèm theo một quy chế về lưu hành, kinh doanh phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc ; bán, cho thuê xuất bản phẩm ; hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá nơi công cộng ; quảng cáo, viết, đặt biển hiệu. Chỉ thị ra cùng ngày giao cho các bộ, ngành, địa phương tổ chức hoạt động nhằm thực hiện các mục tiêu trên, trong đó có hoạt động tuyên truyền, giải thích trong nhân dân (tháng 1.1996) và thực hiện kiểm tra, xử lý các vi phạm (từ 1.2.1996). Báo Tuổi Trẻ 14.12.1995 giới thiệu chỉ thị có nhắc tới yêu cầu chú ý sản xuất và nhập khẩu những phim ảnh, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc có nội dung lành mạnh, có chất lượng nghệ thuật đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Song, toàn bộ những hoạt động được phản ánh trên báo chí là đợt truy quét sản phẩm văn hoá độc hại nói trên, nhằm tịch thu và tiêu huỷ các văn hoá phẩm có các nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực. Tại Hà Nội, công an đã tịch thu trong tháng giêng hơn 13 tấn sách, 15 000 băng video v.v... Khoảng cùng thời gian, công an thành phố HCM đã kiểm tra 1604 tụ điểm hoạt động văn hoá, “ tạm giữ ” 102 799 băng video, 3 483 đĩa CD, 2780 băng cát-xét, 980 sách ngoại văn, và hàng chục ngàn lịch, móc khoá có hình phụ nữ khoả thân v.v... Mặt khác, các băng hiệu quảng cáo của các công ty ngoại quốc “ lạm dụng tiếng nước ngoài, không có tiếng Việt hoặc lẫn áp tiếng Việt ” bị tháo gỡ, sơn đè lên.

Có nhiều điều cần nói về mẩu tin trên đây.

1. Một vài bức điện của thông tấn viên nước ngoài có nói tới phản ứng đồng tình của một bộ phận dân chúng, lo sợ trước sự lan tràn của các tệ nạn xã hội. Nhưng, liệu chiến dịch truy quét rầm rộ này có ngăn chặn được những khuynh hướng không lành mạnh trên thị trường sách báo, phim ảnh hiện nay ? Để trả lời câu hỏi, có thể so con số hơn 100 000 băng video bị tịch thu trên kia với con số khoảng 10 triệu băng video không được phép lưu hành của gần 4000 cửa hàng cho thuê băng tại thành phố HCM (theo báo Lao Động 5.1.1996). Giả dụ tỉ lệ băng “ xấu ” (sex, kích động bạo lực) trong hai lượng băng nói trên (số bị tịch thu và số lưu hành không có phép) là ngang nhau – một giả thuyết hợp quy luật thống kê ! –, thì hiệu lực của chiến dịch chỉ là một phần trăm

Đốt Sách

yêu cầu ! Còn như, nếu ngược lại, đúng là những băng xấu đã bị tịch thu gần hết, thì hoá ra tuyệt đại đa số băng “ ngoài luồng ” chẳng có gì phải cấm đoán. Và câu hỏi đặt ra là, cái quy chế quản lý nào đã khiến cho có tình trạng bất hợp pháp vô lý đó (bất hợp pháp mà vẫn sờ sờ tồn tại, nhưng đó lại là chuyện khác !), để rồi lại phải bỏ bao công sức, tiền của ra chỉ để giải quyết có 1 % sản phẩm “ xấu ”.

Có cần nhắc lại rằng những khuynh hướng không lành mạnh trong tiêu thụ văn hoá không phản ánh gì khác hơn một sự mất mát những tiêu chí đạo lý do phải sống hàng ngày với các khoảng cách quá lớn giữa những lời kêu gọi đạo đức của nhà cầm quyền và cuộc sống tha hoá, bất chấp pháp luật của số quá đông chính những người nắm quyền đó ? Rằng việc người dân mới làm ra tiền chạy theo hưởng thụ trước hết là do không thể vin vào đâu mà suy tính tương lai lâu dài, khi quá khứ đã chứng minh quá nhiều lần chính quyền có thể trở mặt bất cứ lúc nào, khép kín những cánh cửa mới hé mở về các quyền làm ăn sinh sống bình thường của họ ? Chưa nói tới những quyền tự do dân chủ khác. Kịch Tartuffe có nằm trong số các tác phẩm bị tịch biên và thiêu huỷ ? *Che cái bộ ngực kia đi, ta chẳng muốn nhòm...*

2. Các nhân vật phụ trách văn hoá của TPHCM mà báo **Tuổi Trẻ** phỏng vấn nhân chiến dịch này, ông Ca Lê Thuần, giám đốc sở văn hoá thông tin thành phố (trên số báo ngày 25.1), và ông Lê Hiếu Đằng, trưởng ban văn hoá - xã hội Hội đồng nhân dân thành phố (trên số báo chủ nhật đề ngày 28.1) đều nhấn mạnh, những phim ảnh chính*thống (cả sản xuất và nhập khẩu dưới sự độc quyền của Fafim !) chỉ đáp ứng 10 % nhu cầu của người dân. Về sách vở, không ai khác ngoài các cơ quan của đảng và nhà nước được phép lập nhà xuất bản. Và Xunhasaba vẫn độc quyền xuất, nhập sách báo. Trong khi đó, các ví dụ về phim, kịch, sách, bài hát có giá trị bị cấm vì không hợp với khẩu vị của các quan canh luồng tư tưởng không hiếm. Những văn nghệ sĩ phải gác bút, những nhà quay phim không được phép quay, lấy đâu tác phẩm văn hoá để đáp ứng các nhu cầu của người dân ? Ngay trong buổi họp Hội đồng nhân dân TPHCM về cuộc vận động thực hiện nghị định 87, một uỷ viên, ông Trương Quốc Khánh đã phải than “ *những văn hoá phẩm xấu thì vẫn cứ hoành hành, trong khi những vở kịch tốt, được công chúng nhiệt liệt hoan nghênh như **Đền không hắt bóng** lại bị ngành văn hoá cấm* ”. Ông nói tiếp : “ *Ngành văn hoá đầu tư không đúng địa chỉ. Chỉ đầu tư ra những tác phẩm « cúng cụ » trình lãnh đạo xem rồi về xếp xó, không ai coi.* ”. Làm sao người dân không tìm kiếm những tác phẩm “ ngoài luồng ” ?

3. Cả ba vị kể trên đều nêu ra những vấn đề cốt lõi, nhưng cũng dễ hiểu là họ khó có thể nói trực tiếp hơn về một số sự kiện đang xảy ra trong lĩnh vực văn nghệ : những bài báo bản thủ gần đây đánh vào một số nhà văn trên tờ **Công an thành phố HCM** chẳng hạn (tờ báo thuộc lĩnh vực quản lý của ngành “ văn hoá tư tưởng ”). Ý Nhi bị xuyên tạc về

bài trả lời phỏng vấn của chị cho đài RFI trong dịp chị sang Pháp vừa qua. Nhà xuất bản Hà Nội, qua tuyển tập truyện ngắn của Phạm Thị Hoài (tháng 10.1995) bị đánh là “ xúc phạm đạo đức văn hoá và làm tổn thương tri thức tâm hồn của độc giả (sic) ”. Bài đánh Báo Ninh là một kẻ “ bệnh hoạn ” được cẩn thận kết thúc với lời nhắc nhở hội đồng giải thưởng của Hội nhà văn đã trao giải cho tác phẩm **Mỗi buồn chiến tranh**, rằng “ *nguyên nhân chính của sự tan vỡ Liên Xô là sự xét lại, và ngay lúc này đây sự xét lại đó vẫn luôn ngấm ngấm trong cái « diễn biến hoà bình » của người phương Tây* ”. Mặt khác, ban biên tập của một số báo như **Tuổi Trẻ**, **Phụ nữ thành phố HCM**, vẫn còn đang chờ đợi được “ uốn nắn ” và “ cải tổ ”, vào một thời điểm thuận tiện... Hiển nhiên, đặt “ *đợt truy quét văn hoá phẩm độc hại* ” bên các chiến dịch đánh nhà báo, nhà văn nói trên, là làm bộc lộ quá rõ một mưu đồ chính trị, một việc làm nguy hiểm mà các quan chức nói trên không thể tự cho phép !

Một câu hỏi, có tính chất bí sử của thâm cung, có lẽ cũng đáng được nêu lên, liên quan tới mưu đồ nói trên : quá trình đấu đá trước đại hội 8 của đảng cộng sản đã diễn biến ra sao để các thành phần bảo thủ trong đảng ép buộc được “ chính phủ ” ra cái nghị định và chỉ thị kia ? Thay vì đề ra những chủ trương khuyến khích và thúc đẩy các hoạt động văn hoá sáng tạo của văn nghệ sĩ trong nước – là cách hiển nhiên duy nhất có khả năng đẩy lùi các phim truyện “ đen ” vào một góc rất nhỏ của xã hội, như trong nhiều xã hội khác trên thế giới. Nhưng, nói sáng tạo là nói tự do. Lại một câu hỏi quen thuộc, điều này có cất nghĩa điều kia ?

4. Sau cùng, xin ghi thêm một ít thông tin về những tác phẩm có giá trị, hoặc chỉ là vô thưởng vô phạt, có tính chất giải trí như phần lớn văn hoá phẩm trên thị trường thế giới, đã bị thiêu huỷ. Nạn nhân của những mưu đồ chính trị đen tối kia, và cũng của một tình trạng dân trí cho tới nay vẫn bị các chính sách giáo dục ngu tối kềm giữ không cho phép phát huy. Báo **Tuổi Trẻ** ngày 10.2 cho biết, trong những băng, đĩa bị tịch thu, người ta có thể thấy các tên tuổi cổ điển như **Andrès Segovia**, **Leonard Bernstein**, **Vivaldi**, **Beethoven**, vở nhạc kịch **Romeo & Juliet**, chương trình balê của nhà hát **Bolshoi**. Nhạc mới có **The Beatles**, các nhóm disco **Abba**, **Boney M**. Phim có **Ben Hur**, **Cuốn theo chiều gió**, **Forest Gump**, **Peter Pan**, **101 con chó đốm**... Tại Hà Nội, trong số 17 349 băng hình bị thu giữ, chỉ có 4 băng có nội dung đồi trụy và 22 băng kích động bạo lực (tỉ lệ 0,15 %). Tờ báo không nói tới những tên sách in bị bắt giữ và phải làm mồi oan cho lửa. Song, những người chủ trương chiến dịch “ truy quét ” này có thể nào trốn tiếng đốt sách, tập tễnh đua đòi những Tần Thuỷ Hoàng, những giáo hoàng của các pháp đình Thiên chúa giáo thời Trung cổ (Inquisition), những Hitler, Mao Trạch Đông, Khomeiny v.v... ? Họ có đo được hậu quả của việc học làm phù thuỷ đó ?

Hoà Ván

sổ tay

Ngày 29 Tết, nhận được quà của một anh bạn trong nước : bản dịch cuốn sách của Jacques Derrida, *Les spectres de Marx* (nhà xuất bản Galilée, Paris, 1993). Năm ngoái, đọc bài Lữ Phương, biết rằng bản dịch *Những bóng ma của Mác* (Hà Nội, 1994) là rất ấu tả, nay cầm đọc nó trong tay, mới thấy là sự ấu tả vượt quá tưởng tượng, đến mức đáng sợ.

Đáng sợ từ cái bìa trở đi : cuốn sách in mang tên hai nhà xuất bản. Một là Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia còn giữ nguyên cái lôgô ST của nhà xuất bản Sự Thật cũ. Hai là Tổng cục II Bộ quốc phòng. Cũng nên nhắc lại để độc giả chưa đọc lá *Thư Hà Nội* của N.S.P. (Diễn Đàn số 40) biết : Tổng cục II là Tổng cục tình báo của Quân đội, trong suốt hai cuộc kháng chiến, và cả trong những năm 80, Việt Nam bị cô lập chưa từng thấy, nó chỉ là một cục, nay sang thời bình, *Việt Nam muốn làm bạn với mọi người*, thì nó được nâng cấp thành Tổng cục, làm thêm cả công việc của những C 78, A 18 của Bộ nội vụ. Cái công việc được gọi là *bảo vệ văn hoá*, nôm na hơn : trấn áp mọi cá nhân, tổ chức liên quan tới lãnh vực văn hoá. Nhà triết học Jacques Derrida hẳn sẽ bàng hoàng một cục khi được biết tác phẩm của mình được ai xuất bản.

Ông sẽ kinh hoàng hơn nếu có ai dịch sang tiếng Pháp cái gọi là bản dịch Việt ngữ của *Les spectres de Marx*. Dịch là một công việc vô cùng khó khăn, điều đó ai cũng biết. Văn của Jacques Derrida, và tư tưởng của ông, lại càng khó diễn dịch, độc giả chỉ cần đọc một đoạn Derrida là hiểu tôi muốn nói gì. Cho nên, không ai có thể khất khe, mà ngược lại, chỉ có thể thông cảm với người nào... mắc dịch Derrida.

Song, dịch đến như (những) dịch giả vô danh của *Những bóng ma của Mác* thì thật là *hết cỡ*. Tôi không có can đảm đọc hết 360 trang, chỉ đọc nháy cóc, mở bất kỳ trang nào ra, chọn một đoạn, rồi so thử với nguyên tác, thì đoạn nào cũng có ít nhất một sự phản nghĩa khổng lồ. Ngay từ lời mở đầu (tr.11, bản Việt ngữ) : “ *trong tiến trình của một sự khéo léo không thể đảo ngược được và không đối xứng thường truyền từ cha đến con...* ”. Nguyên tác (tr.13) : “ *dans le cours d'une adresse irréversible et dissymétrique, celle qui va le plus souvent du père au fils...* ”. *Adresse* đây không phải là địa chỉ hay sự khéo léo bày vẽ gì cả, nó là lời nói, lời dạy, huấn từ...

Tương tự, “ *s'entretenir de quelque fantôme...* ” (nói chuyện ma) trở thành “ *tự duy trì được bằng một cái bóng ma nào đó...* ” (tr.13), “ *corpus de Marx* ” (hệ thống từ ngữ của Marx) đã biến thành... “ *thân thể của Mác* ” (tr.24, chú thích cuối trang). Một đỉnh cao có lẽ là trang 203 (ứng với trang 159 nguyên tác) : “ *l'ombre de Marx, le revenant dont tant de voix s'élèvent aujourd'hui pour conjurer le retour...* ” (bóng ma của Marx mà ngày nay biết bao người đang lên

tiếng khẩn cầu để ngăn ngừa nó trở lại) đã được dịch giả, chắc vì nghĩ tới tiếng nói của Khối tư tưởng và Khối an ninh, nên đã dịch ngược thành : “ *một bóng ma mà bao tiếng nói cất lên hôm nay để nguyện cầu nó trở về...* ”. Dưới đó mấy dòng, “ *assourdissant consensus* ” (một sự đồng thuận ồn ào) đã trở thành (một sự triệu hồn) “ *át cả cảm quan chung* ”. Hội đồng dịch thuật của Hội nhà văn còn đợi gì mà không trao ngay giải dịch thuật cho tác phẩm này ? Cuộc bỏ phiếu chỉ có thể là *nhất trí*, chứ không phải chỉ là *đồng thuận*, bất kể các giám khảo *cảm quan* hay nghẹt mũi cảm mạo. Và giải thưởng đó chắc sẽ không bị báo Công an Thành phố phê bình, như nó đang làm với cuốn *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, được giải từ năm 1991.

Ở trên, tôi đã nói tư tưởng của Derrida rất khó hiểu, văn của ông rất khúc mắc. Người ta có thể chờ đợi khi dịch những đoạn văn trích của những tác giả cổ điển, dịch giả sẽ thoải mái hơn và tránh cho người đọc những tai hoạ mà tôi vừa đơn cử vài thí dụ. Khổ một nỗi, cảm quan của dịch giả cũng bất chấp luôn cả Shakespeare, Valéry hay Hugo. Cái *terrasse* (sân thượng) của lâu đài Elsenieur trong vở kịch Hamlet đã trở thành “ *một dải đất mênh mông* ” (tr.23). Câu nói nổi tiếng của Paul Valéry : “ *Nous autres, civilisations, nous savons maintenant que nous sommes mortelles...* ” (Chúng ta, những nền văn minh, giờ đây chúng ta biết rằng mình không bất tử...), được biến thành : “ *Chúng ta, những nền văn minh khác, bây giờ chúng ta biết rằng chúng ta cũng chết...* ”. Chưa hết, khôn khổ hơn là số phận của Victor Hugo. Derrida trích một đoạn dài của tiểu thuyết *Les misérables*, một đoạn văn khẩu thuật, không có gì khó hiểu. “ *Qu'il nous soit donc permis...* ” (Chúng tôi xin phép...) được dịch thành “ *Nó cho phép chúng ta...* ” (tr. 200). V. Hugo viết : phong trào cách mạng Tháng 6-1848 biết rõ hơn hẳn (*en savait plus long*) phong trào Tháng 6-1832. Bản dịch : “ *tháng 6 năm 1848, đã chứng kiến điều đó, được kéo dài hơn cả tháng 6 năm 1832* ”. Chẳng lẽ tháng 6 năm 1848 có 31 ngày !

Dài dòng như vậy, *nó cho phép chúng ta* hiểu rằng cái người ta cần, không phải là một bản dịch nghiêm chỉnh của một trước tác triết học, mà là một cuốn sách giấy trắng mực đen, đọc không ai hiểu và không cần ai đọc, miễn là người ta có thể nói rằng : thấy không, một triết gia phương Tây, tư sản, không phải là mácxít, mà cũng còn thừa nhận là phải gìn giữ di sản của Marx nữa kia kia ! Khi chết đuối về tư tưởng, người ta sẵn sàng bám vào bất cứ cái gì, kể cả hình bóng của một cái sào.

Sau khi được cầm trong tay cuốn sách *xuất bản tại gia* **Viết cho Mẹ và cho Quốc hội** của ông Nguyễn Văn Trấn (xem bài giới thiệu và trích đoạn trong *Diễn Đàn* số trước), tôi nhận được bản in, đẹp hơn, của nhà xuất bản Văn Nghệ (California). Xin cảm ơn nhã ý tặng sách và cảm ơn thiện ý của nhà xuất bản mang đến cho bạn đọc một chứng từ quý báu. Vì Văn Nghệ là một nhà xuất bản đứng đắn, nên cũng xin thẳng thắn nói lên hai ba điều đáng tiếc : lỗi in quá nhiều, hai câu giới thiệu chính ỉnh trên trang bìa 1 đã làm giảm hẳn giá trị cuốn sách, nếu không nói là một sự vô lễ đối với tác giả. Cuối sách, chắc vì hoàn cảnh trên đe dưới búa của thị trường California, nhà xuất bản đã thấy cần phải thêm 2 trang lời bạt. Người viết lời bạt, chắc vì đọc vội mấy trăm trang sách, nên khi tóm tắt tiểu sử ông Nguyễn

Văn Trấn, đã cho ông “ du học ở Nga (trước 1940) ” trong khi, từ lúc ra đời đến năm 1950, ông chưa ở xa Kháms Lớn Sài Gòn và Chợ Đệm quê hương quá 300-400 km, và cuối lời bạt, đã ân cần hạ một câu rất rộng lượng hải hà : “ Một tác phẩm đáng khen ngợi ”. Tôi chỉ ước mong được ngồi bên ông Bảy Trấn để nghe ông cười khà khi đọc mấy lời khen đó, nếu một ngày kia, ông phải đọc nó.

Thôi, hãy bỏ qua sự việc đáng tiếc này, và ghi nhớ cái công của nhà xuất bản Văn Nghệ.

Số trước, chúng tôi đã giới thiệu sơ lược nội dung phong phú và giá trị của cuốn sách và nói lên ý nghĩa của việc một cuốn sách như vậy đã được viết, làm chế bản, in, xếp, khâu, đóng và phát hành ngoài vòng kiểm soát của chính quyền, một chấm son trong lịch sử đấu tranh cho tự do báo chí và xuất bản ở nước ta.

Chính vì quý trọng tấm lòng và con người tác giả, nên tôi xin phép được nói thẳng điều này : một số câu chữ trong sách liên quan tới “ Bắc Kỳ ” làm tôi hết sức lo lắng.

Để có thể vào thẳng thực chất vấn đề, tôi xin nói trước và nói ngay vài điểm :

- tôi hoàn toàn đồng ý với ông Nguyễn Văn Trấn khi ông cho rằng một loạt quyết định và ứng xử của “ Trung ương ” hay nhân danh “ Trung ương ” chẳng qua là biểu hiện của một thứ chủ nghĩa địa phương, cục bộ (miền Bắc).

- tôi cũng hoàn toàn thông cảm với nghịch cảnh của cán bộ, đảng viên miền Nam tập kết phải sống hai mươi năm dưới chế độ “ xã hội chủ nghĩa ” ở miền Bắc.

- và chắc đa số bạn đọc cũng đồng ý rằng kinh tế miền Nam (và cả nước) sau 1975 đã lụn bại, nhân tâm (cả nước) ly tán, chủ yếu cũng vì người ta đã bệ nguyên xi những cuộc “ cải tạo xã hội chủ nghĩa ” từ miền Bắc vào.

Cái não trạng mà ông Nguyễn Văn Trấn gọi là của “ xứ uỷ Bắc Hà ” đó, thực chất nó là gì ? Chính là vấn đề cần bàn. Trước hết, một nhận xét về danh từ : trong ngôn ngữ Việt Nam, hai chữ Bắc Hà thường chỉ đi với những danh từ sĩ phu, sĩ khí, cũng như Đồng Nai đi đôi với dũng khí, hào khí vậy. Cái xứ uỷ ấy vốn có tên là xứ uỷ Bắc Kỳ, thiết tưởng cứ nên gọi nó là Bắc Kỳ. Về nội dung, nếu đọc kỹ những sự việc mà tác giả kể lại, thì cái gọi là “ xứ uỷ Bắc Hà ” lẽ ra nên gọi nó là “ tỉnh uỷ Nam Hà ”, nếu phải gọi tên theo gốc gác

địa phương của ông “ Sáu Búa ” Lê Đức Thọ và bộ sậu Ban tổ chức Trung ương. Còn nếu nhìn vào bản chất của cái não trạng bộ máy cầm quyền, qua các vụ chỉnh đảng, cải cách ruộng đất, đàn áp Nhân văn Giai phẩm, đàn áp xét lại... , thì tính chất xtaliniên, mao-ít mang màu sắc nông dân mới là cốt lõi, tính Bắc Kỳ có chăng chỉ là phong thái tiểu tiết (nuances). Nhìn vào sự ứng xử hiện nay của thành uỷ ĐCS thành phố Hồ Chí Minh trong các vấn đề văn hoá, văn nghệ, một sự ứng xử thô thiển, thô bạo, nói khác đi, vô văn hoá, chẳng lẽ ta cũng đổ oan cho nó là Nam Bộ sao ? Nam, Trung hay Bắc, Miền hay Lèo, Tàu hay Nga, chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao cũng vẫn “ bốn phương họ Xít đều là anh em ” cả mà thôi.

Chính vì lăng kính của tác giả quá chú mục vào khía cạnh Bắc Kỳ, nên cuộc thống nhất năm 1975, ông gọi là “ thống nhất Trường Chinh ” : kể cũng oan cho ông Đặng Xuân Khu, nghiệp chương đã nhiều, nay còn phải gánh thêm trách nhiệm của ông Lê Duẩn. Về phương thức cuộc thống nhất, người đọc đồng ý với tác giả khi ông phê phán tính chất hấp tấp, chiếm đoạt của nó, song không khỏi băng khuâng trước bức tranh Liên Bang mà ông vẽ ra : một miền Nam với Chính phủ Cách mạng Lâm thời và bà Bình nổi tiếng thế giới có thể làm ăn với ASEAN. Tác giả nghĩ ông Lý Quang Diệu ngây thơ đến mức đó sao ?

Tất nhiên, vết cắt Nam-Bắc hằn lên trong *Viết cho Mẹ và cho Quốc hội* trong chừng mực nào đó, cũng là hậu quả sự phân kỳ trong lịch sử ĐCSVN : nếu trong những năm đầu (1930-31), Trung ương (do Trần Phú đứng đầu) chịu sự chi phối lớn của xứ uỷ Trung Kỳ, thì sau cuộc đàn áp ở Nghệ Tĩnh, trọng tâm của Trung ương ĐCSVN đã chuyển vào Nam Kỳ. Tại đây, vai trò của những trí thức cộng sản (trong nhóm La Lutte và tiếp theo) cũng như sự tham gia của công nhân vào cao trào 1936 đã tạo ra cho ĐCSVN một tính chất hiện đại mà ĐCS Trung Quốc trong cảnh quan Diên An không thể có. Nhưng sau thất bại của Nam Kỳ khởi nghĩa, hàng ngũ lãnh đạo bị tiêu diệt gần như toàn bộ, thì trọng tâm lãnh đạo đã chuyển ra Bắc Kỳ...

Tìm hiểu diễn tiến xã hội học của ĐCSVN trong lịch sử, và lịch sử *hiện thực* của ĐCS, đó là đề tài mệnh mông còn đợi các nhà nghiên cứu. Ở đây, tôi chỉ xin nói lên sự lo lắng mỗi lần thấy nổi lên những mối chia rẽ Bắc/Nam, Phật giáo/Công giáo... mà thực chất, xét cho cùng, lại nằm ở chỗ khác.

Dường như để cho số tay này bớt nặng nề, hai tin mừng vừa tới :

1) Bản dịch Anh văn của **Tiểu thuyết vô đề** (*Novel without a Name*) của Dương Thu Hương, đã được nhà xuất bản Picador (thuộc nhóm xuất bản MacMillan) mua lại bản quyền của nhà xuất bản Mỹ Morrow. Lần in đầu, phát hành tại Anh : 3 tuần bán hết 12 500 cuốn. Picador đã phải tái bản sau chưa đầy một tháng.

2) Cuốn phim **Thương nhớ đồng quê** của Đặng Nhật Minh (từ một truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp) có thể sẽ tham dự chương trình *Quinzaine des réalisateurs* của Festival điện ảnh Cannes tháng 5 tới đây. Phim do hãng truyền hình Nhật NHK tài trợ, được giới điện ảnh trong nước đánh giá là cuốn phim hay nhất trong năm 1995.

Phong Quang

TÌM ĐỌC

Lữ Phương

CHỦ NGHĨA MÁC & CÁCH MẠNG VÔ SẢN Ở VIỆT NAM

Nhìn lại thực tiễn cách mạng cộng sản Việt Nam trong 75 qua — Phê phán *chủ nghĩa Mác* của Marx, của Engels, của Lenin...

Diễn Đàn xuất bản mùa xuân 1996

100 trang khổ A4. Giá đặt mua trước : 50 FF + cước phí : 10 FF (châu Âu) hay 20 FF (ngoài châu Âu). Ngân phiếu đề Journal DIENDAN (ghi chú : Lữ Phương) gửi về địa chỉ DIENDAN, BP 50, F-92340 BOURG-LA-REINE, FRANCE

Ông LA VĂN LÂM viết thư cho các ông ĐỖ MƯỜI, ĐÀO DUY TÙNG

Trong những ngày đầu năm 1996, ông La Văn Lâm (tức La Văn Liễm, tức Tám Lâm, tức Bảy Liễm), một cán bộ lão thành, đã liên tiếp gửi một lá thư cho tổng bí thư Đỗ Mười và hai lá thư cho ông Đào Duy Tùng, uỷ viên Bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN). Trong những thư này, ông Bảy Liễm đã kiên quyết yêu cầu lãnh đạo ĐCS phải dứt khoát đổi mới, từ bỏ chủ trương *chuyên chính vô sản* đã gây biết bao sai lầm, tội ác. Ông cũng lên tiếng ủng hộ ý kiến của ông Trần Độ (xem *Diễn Đàn* số 46) và thủ tướng Võ Văn Kiệt (xem *Diễn Đàn* số 48).

Sinh năm 1919 tại Bạc Liêu, ông La Văn Lâm từng làm chỉ huy trưởng các lực lượng Công an xung phong Sài Gòn (thời kỳ Kháng chiến lần thứ nhất), các lực lượng Trinh sát vũ trang An ninh T4 (Đặc khu Sài Gòn, trong cuộc Kháng chiến chống Mỹ). Từ 1975 đến 1981, ông làm Phân viện trưởng (miền Nam) Viện Nghiên cứu Kinh tế Tiền tệ thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương. Về hưu năm 1981 với cấp chuyên viên 5. *Diễn Đàn* số 45 đã đăng một lá thư của ông gửi ông Võ Trần Chí, bí thư thành uỷ.

Thư gửi tổng bí thư Đỗ Mười

LA VĂN LÂM Thành phố Hồ Chí Minh, 2.1.1996
371 K Hai Bà Trưng
P(huồng) 8 Q(uận) 3

Kính gửi Ngài Tổng bí thư
ĐCSVN
Hà Nội

Đầu năm mới, tôi kính chúc ngài và quý quyến nhiều sức khoẻ, kính chúc riêng ngài và Bộ chính trị thật sự đổi mới tư duy : triệt để DÂN CHỦ HOÁ sinh hoạt của Đảng cầm quyền, DÂN CHỦ HOÁ đời sống xã hội, thực sự HOÀ HỢP, HOÀ GIẢI DÂN TỘC.

Phát động tinh thần QUẬT KHỎI của toàn DÂN TỘC VIỆT NAM ngàn năm VĂN HIẾN, thông minh và sáng tạo, nhưng

Hỡi ôi ! vẫn phải chịu một đời sống cơ cực cả về tinh thần lẫn vật chất dưới sự cai trị hơn bốn chục năm của ĐCSVN.

Hơn nửa thế kỷ theo đảng làm cách mạng, tôi rất buồn thấy đảng không muốn nghe người dân nói lẽ phải để sửa đổi những lỗi lầm nghiêm trọng :

– chấn chỉnh tổ chức, thanh trừng nội bộ lúc còn kháng chiến, nhất là thời kỳ chống Pháp

– cải cách ruộng đất giết bao nhiêu đồng bào, đồng chí. Kể cả người lãnh đạo Đảng cao nhất là ngài Trường Chinh quá

sợ, phải lên đội CCRĐ đem giấu cha mình để khỏi bị đấu tố – “ Vụ án ” phản bội đồng chí bị vu cáo “ Xét lại ” — Nghị quyết 9.

– Cải tạo bậy bạ trong nông nghiệp, trong công thương nghiệp, làm triệt tiêu mọi động lực sản xuất trong mọi tầng lớp nhân dân v.v... Rồi, vừa rồi, khoá miệng những người cách mạng chân chính như Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Hà Sĩ Phu, (Lê) Hồng Hà để cho Đảng chuẩn bị nhệ nhàng Đại hội VIII (tức theo kiểu cũ hơn nửa thế kỷ qua), nên ĐCS lại dùng món chuyên chính vô sản một cách độc ác, bắt giam và xử tội những đồng chí rất tốt của mình.

Tôi chỉ còn cách gọi lại bản sao thư tôi ngày 30.4.1994 để các ngài lãnh đạo xem lại.

Xin cảm ơn và kính chào trân trọng.

K.S. La Văn Lâm,
tức La Văn Liễm, cán bộ hưu 77 tuổi

Thư gửi ông Đào Duy Tùng (6.1.96)

LA VĂN LÂM Thành phố Hồ Chí Minh, 6.1.1996
371 K Hai Bà Trưng
P(huồng) 8 Q(uận) 3

Kính gửi ông Đào Duy Tùng
U.V. Bộ Chính trị
Đảng Cộng sản Việt NAM

Tôi kính gửi lời chào trân trọng và xin gửi ông bản sao thư 30.4.94 và 2.1.96 tôi gửi ông Tổng bí thư mà chắc chắn không ai trả lời, thậm chí không màng đọc.

Vì có trách nhiệm với sự nghiệp xây dựng đời sống tự do, dân chủ cho nhân dân, mặc dầu đã 77 tuổi, tôi vẫn viết cho ông là người nghiên cứu lý luận của đảng cầm quyền.

Về “ Định hướng xã hội chủ nghĩa ” : Suốt hơn 70 năm, Liên Xô cũng không biết cụ thể nó là cái gì, Stalin lại lãnh đạo độc tài, ác độc, vô nhân đạo nên di hại đến Việt Nam tới bây giờ. Các ông muốn định hướng gì cũng được, nhưng tôi van các ông đừng dùng chuyên chính vô sản, nó sẽ tiếp tục làm triệt tiêu các động lực sản xuất các tầng lớp nhân dân, nhất là triệt tiêu những người trí thức yêu nước. Tôi cũng xin các ông đừng tham quyền cố vị, hãy chia sẻ quyền lực với nhân dân, nhất là người trí thức chân chính. Trong thời đại này, chuẩn bị vào thế kỷ 21, quyền lực phải ở trong tay nhân dân đứng đầu là trí thức.

Về “ Cách mạng ” : Những người trí thức cách mạng chân chính, qua những cuộc cách mạng vô sản hay xã hội chủ nghĩa gì đó, các nhà trí thức tiến bộ đã tổng kết :

– Cách mạng là do những nhà trí thức nghĩ ra (*La révolution ce sont les intellectuels qui la pensent*)

– Những anh cuồng tín thực hiện (*Les fanatiques la font*)

– Những tên lưu manh lợi dụng (*Les canailles en profitent*).

Về “ đảng lãnh đạo ” : Tôi hoàn toàn đồng ý với những ý kiến xây dựng đảng của hai đồng chí TRẦN ĐỘ gửi BCT ngày 10.6.95 và VÕ VĂN KIẾT gửi BCT ngày 9.8.95.

Xin-nói thêm : Nếu Đại hội 8 sắp tới không theo những ý

(xem tiếp trang 14)

Thư ngỏ của nhà thơ Bùi Minh Quốc : Trả ngay tự do cho HÀ SĨ PHU !

BÙI MINH QUỐC
3, Nguyễn Thượng Hiền
ĐÀ LẠT

Kính gửi :

- Quốc hội nước CHXHCNVN
- Ủy ban TƯ Mặt trận TQVN
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
- Các báo đài và các bạn hữu

Ngày 5/12/1995, cơ quan An ninh điều tra công an Hà Nội đã bắt ông Nguyễn Xuân Tú tức Hà Sĩ Phu, 55 tuổi, phó tiến sĩ sinh học, cán bộ Viện khoa học Việt Nam đã nghỉ hưu, hội viên Hội văn nghệ Lâm Đồng, tại một địa điểm nào đó ở Hà Nội khi ông từ Đà Lạt ra đây thăm gia đình và bạn hữu.

17 giờ 30 ngày 6/12/1995, cơ quan An ninh điều tra công an Lâm Đồng khám xét chỗ ở của ông Hà Sĩ Phu tại 4E Bùi Thị Xuân, Đà Lạt, theo lệnh của cơ quan An ninh điều tra công an Hà Nội. Lệnh ấy, bà Đặng Thị Thanh Biên vợ ông Hà Sĩ Phu chỉ được nghe ông Nguyễn Văn Tân, người chỉ huy cuộc khám xét đọc miêng, chứ đích thân bà không được cho cầm đọc. Sau đó, dù bà nhiều lần yêu cầu cho bà một bản sao chụp lệnh ấy, nhưng không được đáp ứng. Các tài liệu mà công an Lâm Đồng thu giữ từ nhà ông Hà Sĩ Phu chỉ gồm các bài viết của ông và các tài liệu phục vụ cho công việc của người cầm bút mà thôi.

Sau nhiều lần chất vấn, mãi đến chiều ngày 13/12/1995, bà Đặng Thị Thanh Biên mới được công an Lâm Đồng trao cho bản thông báo số 01 đề ngày 11/12/1995 của cơ quan An ninh điều tra công an Hà Nội chính thức báo chồng bà, ông Nguyễn Xuân Tú tức Hà Sĩ Phu bị “ tạm giữ vì đã có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước ”.

Theo một số nguồn tin đáng tin cậy, tôi được biết “ tài liệu bí mật nhà nước ” mà ông Hà Sĩ Phu có trong xắc lúc đó chỉ là bài phát biểu hồi tháng 8/1995 của ông Võ Văn Kiệt với Bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam [đã đăng toàn văn trong số 48, *Diễn Đàn*].

Luật tố tụng hình sự nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành luật ghi rõ việc tạm giữ công dân chỉ không quá 3 ngày, trường hợp thật đặc biệt mới gia hạn, tối đa không quá 9 ngày. Bà Đặng Thị Thanh Biên đã nhiều lần chất vấn cơ quan An ninh điều tra công an Hà Nội vì sao quá hạn tạm giữ mà chưa trả tự do cho chồng bà, vẫn không nhận được sự trả lời minh bạch.

Cho đến nay, 28/12/1995, ông Hà Sĩ Phu bị tạm giữ đã 23 ngày đêm. Điều đó cho thấy một cơ quan có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật lại đang cố ý vi phạm pháp luật.

Là người bạn và đồng nghiệp thân thiết với ông Hà Sĩ Phu, tôi biết rất rõ ông chỉ luôn dồn toàn bộ tâm sức của tuổi ngoài năm mươi vào một công việc là cầm bút nói lên những suy nghĩ của mình. Nếu ông Hà Sĩ Phu có trong tay bài phát biểu của ông Võ Văn Kiệt, thì chỉ là một bản sao chụp và cũng chỉ để phục vụ cho việc nghĩ và viết mà thôi. Theo chỗ tôi biết, bài phát biểu đó của ông Võ Văn Kiệt đã có không ít người được đọc qua bản sao chụp từ trước khi ông Hà Sĩ Phu bị bắt khá lâu.

Nhiều người đều biết, từ 1988, ông Hà Sĩ Phu đã có những bài viết với mong muốn đóng góp suy nghĩ riêng của mình làm sáng tỏ những điều rắc rối của đất nước và số phận người dân, như các bài :

- *Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ*
- *Đôi điều suy nghĩ của một công dân*
- *Biên chứng và nguy hiểm trong công cuộc đổi mới*
- *Chia tay ý thức hệ*

Các bài ấy tuy không được báo chí và xuất bản do Đảng, Nhà nước kiểm soát công bố (trừ bài *Biên chứng và nguy hiểm trong công cuộc đổi mới* đăng trên tạp chí *Sông Hương* bị cắt một đoạn quan trọng), nhưng đã bị nêu lên báo phê phán kịch liệt (báo *Nhân Dân*, báo *Quân Đội Nhân Dân*, tạp chí *Cộng Sản*, tài liệu hướng dẫn phổ biến nội dung dự thảo Cương lĩnh Đại hội 7 của Đảng v.v...). Đồng thời, số người tán thành quan điểm của ông Hà Sĩ Phu cũng không ít, dù họ không có chỗ nào để lên tiếng, và mọi người lấy làm kinh ngạc trước một hoạt động lý luận thiếu tự tin đến thế, xa lạ với văn hoá đến thế : phê phán một tác giả nhưng lại không dám công bố bài viết của tác giả ấy và ngang nhiên thủ tiêu cả quyền tự vệ của người bị phê phán. Tuồng cũng nên nhắc lại ở đây, nhà trí thức nổi tiếng Nguyễn Xiển, nguyên Tổng thư ký Đảng Xã hội Việt Nam, trong thư ngày 12/1/1994 gửi Tổng bí thư Đỗ Mười, đã tỏ rõ thái độ không đồng tình về việc báo chí không đăng bài của tiến sĩ Phan Đình Diệu, uỷ viên Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam đáp lại những bài phê phán ông.

Cũng như đối với các trang viết không được công bố của Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Khắc Viện, Lữ Phương, Phan Đình Diệu, Dương Thu Hương, Nguyễn Thanh Giang, Trần Minh Thảo, Hồ Hiếu, Trần Độ, Lê Giản, Ngô Thúc, Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Nguyễn Văn Trấn..., số người tìm đọc Hà Sĩ Phu đang ngày càng tăng lên, dù họ chỉ có được và truyền nhau các bản photocopy. Đây là một hiện tượng đáng mừng, tuy còn ở mức độ thấp của đổi mới tư duy, chứng tỏ vẫn có biết bao người không thể vừa lòng với tình trạng thông tin một chiều trên hệ thống báo chí chính thống.

Việc tạm giữ ông Hà Sĩ Phu quá hạn nhiều ngày so với luật định khiến tôi cho rằng người ta quy ông “ có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước ” thực chất chỉ là nhằm lấy cớ để đàn áp một người cầm bút kháng khái dám công khai nói lên những suy nghĩ riêng của mình. Ông Hà Sĩ Phu là phó tiến sĩ sinh học tốt nghiệp ở Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc hầu như cả đời chỉ quần quanh với phòng

thí nghiệm, bực giảng và bàn viết, sức khoẻ lại rất kém, lắm bệnh tật : viêm gan siêu vi trùng, viêm phế quản mãn tính, viêm đa khớp, gan nhiễm mỡ, viêm xoang... Một trí thức đơn độc yếu ớt như thế, làm sao lại có thể vượt qua được hệ thống bảo vệ cực kỳ nghiêm ngặt mà cả CIA Mỹ lẫn tình báo Bành trướng Bắc Kinh cũng không thể nào lọt, để “chiếm đoạt” tài liệu bí mật nhà nước (!!!).

Trong thư kháng nghị của mình, nhà văn Hoàng Tiến, bạn của ông Hà Sĩ Phu cho biết : ngày 29/11/1995 đã bị mời ra công an phường Thanh Xuân Bắc (Hà Nội) để kiểm tra hộ khẩu. Ra đây, nhà văn Hoàng Tiến mới vỡ lẽ rằng hộ khẩu chỉ là cái cớ giả để sắp đặt ông gặp một cán bộ của công an thành phố Hà Nội tên là Sơn. Ông Sơn hỏi về việc ông Hà Sĩ Phu ra Hà Nội, rồi với một thái độ thiếu văn hoá, ông ta quy kết các tác phẩm của Hà Sĩ Phu là tác phẩm xấu, bị cấm, dù ông ta chưa đọc các tác phẩm ấy. Việc này diễn ra có sự chứng kiến của hai cán bộ công an phường, một người tên là Đình, một người nữa nhà văn Hoàng Tiến chưa biết tên.

Rõ ràng, việc bắt ông Hà Sĩ Phu thực chất là nhằm vào các tác phẩm của ông, mà sự quy kết ông “chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước” chỉ là một cái cớ. Đàn áp tự do tư tưởng, dù với cớ này cớ nọ, có thể gây ra sự e ngại ở một số người một lúc nào đó, nhưng quyết không thể dập tắt được nhu cầu tự do tư tưởng (đồng thời là tự do ngôn luận) rất thiêng liêng của con người. Nhu cầu ấy đang tăng lên mạnh mẽ trong nhân dân. Người trí thức Việt Nam nhất định không thể tiếp tục chịu mãi nỗi nhục phải ngậm miệng gác bút trước những kẻ miệng hô “cởi trói”, “đổi mới tư duy”, “dân biết, dân bàn...” mà tay lại giơ công sắt. Ngay trong Đảng CSVN, không ít đảng viên đã tỏ ra không thể chấp nhận tình trạng quá quắt đảng viên có chức quyền thì có thể in sách tùy tiện nói trái đường lối của Đảng, còn các đảng viên thường với những phát biểu đầy tâm huyết, đầy trách nhiệm thì lại bị quy kết, bị khai trừ, bị xúc phạm rất tùy tiện. Những người cộng sản đầy dũng khí trong chiến đấu chống ngoại xâm, với phẩm chất “phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” nhất định không thể chịu mãi cái cảnh đồng chí ức hiếp lẫn nhau ngang ngược như thế.

Trong sinh hoạt xã hội nói chung mà Hiến pháp đã long trọng đảm bảo các quyền công dân, cũng như trong thời gian chuẩn bị Đại hội lần thứ 8 Đảng cộng sản Việt Nam mà nhu cầu đổi mới chính trị do Đại hội 6 và Đại hội 7 đã đề ra đang ngày càng trở nên bức xúc, đòi hỏi phải hết sức tôn trọng quyền tự do tư tưởng, quyền được công khai nói lên và trao đổi ý kiến của mọi người về mọi vấn đề. Bất cứ hành vi nào dù được sắp đặt dưới cớ này cớ nọ, cản trở nhu cầu ấy, xâm phạm các quyền ấy, đều là vi phạm nhân quyền, gây tổn hại nặng nề cho việc chuẩn bị Đại hội Đảng, cho công cuộc dân chủ hoá Đảng, dân chủ hoá đất nước.

Tôi khẩn thiết đề nghị **TRẢ NGAY TỰ DO CHO ÔNG NGUYỄN XUÂN TỰ TỨC HÀ SĨ PHU.**

Đà Lạt, ngày 28 tháng 12 năm 1995.

Bùi Minh Quốc

Ô. La Văn Lâm gửi thư cho các ông Đỗ Mười, D.D. Tùng

(tiếp theo trang 12)

kiến đó thì Việt Nam sẽ tụt hậu hơn nữa so với thế giới.

Vì ta không trừ được tham nhũng, GDP đầu người / một năm của ta chỉ ở mức chưa đầy 300 USD, mà bọn tham quan ô lại (phần nhiều là đảng viên ĐCSVN nắm quyền lực) ăn cắp hàng triệu, chục triệu đôla, không ai dám trị tội cả. Dân biết hết, không giấu được ai đâu ! Tức nước, vỡ bờ !

Trân trọng,

(La Văn Lâm ký tên)

Thư gửi ông Đào Duy Tùng (11.1.96)

Trong lá thư gửi tiếp theo, ông La Văn Lâm nói về các quyền tự do :

« Khẩu hiệu nổi tiếng Bác Hồ động viên toàn đảng, toàn quân, toàn dân đánh giặc cứu nước là *Không có gì quý hơn ĐỘC LẬP TỰ DO.*

« Dân tộc Việt Nam đã có độc lập nửa nước từ 7.1954 và cả nước từ 30.4.1975.

« Bốn mươi hai năm ấy, dân tộc này đã có độc lập, nhưng chưa thể coi là đã có TỰ DO.

« Dân tộc đã độc lập thì Dân quyền phải được tự do, thì Dân sinh mới hạnh phúc.

« Tại sao như vậy ? Tại sao để xảy ra những vụ bắt bớ, giam cầm và giết người hàng loạt trong một chế độ mệnh danh “XHCN” triệu lần tự do, dân chủ hơn chế độ tự bản ? ».

Sau khi nhắc lại các đợt đàn áp từ cải cách ruộng đất tới vụ bắt giam gần đây (Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà), tác giả nêu lên trường hợp ông Nguyễn Hộ, rồi kết luận :

« Làm sao dân tộc này được hạnh phúc nếu không được tự do, ngay cả tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do phát biểu ý kiến trong vòng luật pháp cũng không được (...)

« Trở về với tư duy Hồ Chí Minh là trở về với lòng yêu nước, yêu tự do, dân chủ để tiến tới đỉnh cao nhất là Hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam. Còn chủ nghĩa xã hội hả ? Tôi không phản đối, nhưng để tính sau ».

Tài liệu đính kèm là sao ảnh lá thư đề ngày 30.4.1994 của ông La Văn Lâm gửi tổng bí thư ĐCSVN, trong đó tác giả đề cập 2 điểm : (1) xây dựng một nhà nước pháp quyền đích thực, (2) bắt bớ, giam cầm, quản thúc rồi trả tự do cho ông Nguyễn Hộ, tất cả đều bằng “mệnh lệnh miệng của một cán bộ của Đảng”. Cuối thư, ông nhắc lại ý kiến mà giáo sư Phạm Thiều đã từng phát biểu nhiều lần trước khi tự vẫn (năm 1986). Nguyên chủ tịch Ủy ban kháng chiến Sài Gòn, giáo sư Phạm Thiều đã tổng kết căn bệnh trầm kha của lãnh đạo ĐCSVN bằng ba chữ D : « *DỐT mà lãnh đạo nên làm đại ; DAI mà muốn thành tích nên báo cáo DỐI. Đó là 3 điều làm cho các nước xã hội chủ nghĩa sụp đổ, làm cho nước ta đi từ sai lầm này đến sai lầm khác* ».

Đỗ Trung Hiếu

NHỮNG NGÀY

ở 3C

TÔN ĐỨC THẮNG

Trước khi bị bắt giam (tháng 6-95) và kết án 15 tháng tù, ông Đỗ Trung Hiếu đã bị giam gần 7 tháng, từ 23.4 đến 3.11.1990 trong các nhà ngục của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông và vợ ông là bác sĩ Đỗ Thị Văn đã từng bị chính quyền Sài Gòn giam giữ vì hoạt động cách mạng.

Những trang dưới đây trích từ hồi ký LÝ TUỒNG VÀ THỰC TẾ mà bạn đọc có thể đọc toàn văn trong ấn bản của nhà xuất bản TIN (54, Avenue Léon Blum, F-92160 ANTONY, France).

Tuần sau vào giữa tháng 8.1990, trung tá Phận gọi tôi lên làm việc tại phòng làm việc của ông ta. Với những lời lẽ và phong cách xã giao tỏ ra lịch sự thông thường, ông ta bắt đầu vào đề. Nét mặt nghiêm nghị, quan trọng pha chút vẻ bức dọc, ông ta vừa đứng vừa lục đồng hồ sơ nói lầm bầm như trách móc :

– Anh là cán bộ đảng viên gì ? Phải nói thẳng vào thực chất, anh là gián điệp, không phải loại gián điệp bình thường mà là loại gián điệp chiến lược, đứng sau hậu trường đạo diễn tất cả. Anh tổ chức lực lượng trí thức, nắm lực lượng sinh viên học sinh thanh niên, lũng đoạn Câu lạc bộ những người Kháng chiến cũ, chỉ phối thượng tướng Trần Văn Trà, ảnh hưởng cả Hội cựu chiến binh, tác động một bộ phận quân đội nhân dân. Bên ngoài, anh quan hệ chặt chẽ với Mike Morrow.... Như vậy là bên trong bên ngoài anh đều chuẩn bị và phối hợp nhịp nhàng. Anh rút kinh nghiệm sự cố ở Thiên An Môn để áp dụng vào Việt Nam. Nếu chúng tôi không kịp ra tay, chẳng biết tình hình sẽ ra sao khi anh đã khuấy động và đẩy quần chúng đi vào con đường bạo loạn. Lúc đó tất nhiên vì nhân dân, vì bảo vệ Tổ quốc bảo vệ sự nghiệp cách mạng, chúng tôi phải làm nhiệm vụ của một công cụ chuyên chính của Đảng. Anh thủ nghĩ bao nhiêu người phải chịu chết oan ? Máu ở thành phố này và ở Việt Nam sẽ nhuộm đỏ bao nhiêu đường phố ? Như vậy anh thấy tội của anh đến mức nào chưa ? hả ?

Ông ta nhìn tôi chăm chăm, mắt gườm gườm như muốn nuốt chửng. Tay ông ta vừa lật từng trang giấy hồ sơ. Mỗi trang bay qua, mắt ông ta liếc theo lanh lẹ. Tay ông ta hơi run, có lẽ vì tức giận. Thấy tôi vẫn im lặng, ngồi tĩnh bơ, mặt bình thản, không tỏ ra bối rối lo lắng hay sợ sệt gì. Ông ta càng bức dọc. Ông ta gần từng tiếng một :

– Anh ghê gớm lắm. Vợ anh nữa, cũng chẳng vừa gì. Năm 1960, vợ anh bị địch bắt, đã đầu hàng hợp tác với chúng. Như thế làm sao bọn CIA lại không ưa thích và quý trọng anh ? Bạn thân nhất của anh, Hồ Hiếu cũng đầu hàng, chịu làm việc cho địch bất cứ nơi đâu, việc gì. Đúng mà,

ngưu tầm ngưu, mã tầm mã.

Tôi có gọi vợ anh lên đây hỏi và động viên thật thà khai báo. Vợ anh cứng đầu, nói trớt lớt. Bạn anh cũng vậy, hỏi mãi, cứ chối bai bãi. Khi chúng tôi đưa chứng cứ ra còn viện lý lẽ để bào bác. Tôi lục hồ sơ đưa cho anh xem, để anh suy nghĩ và thành thật khai báo.

Hèn chi ông ta vừa nói, tay vừa lật đồng hồ sơ dày cộm tìm cái gì đó. Cái ông tìm té ra là hồ sơ ở tù của vợ tôi và bạn thân tôi. Chuyện 30 năm về trước. Tôi nhớ lại những gì tôi thường đọc trong các chuyện cảnh giác của ngành công an xã hội chủ nghĩa. Khi họ nghi điều gì, họ lục lại hết tất cả mọi việc, thẩm tra lý lịch tận ba đời. Có lẽ tôi cũng đang bị mổ xẻ khá tỉ mỉ, kể cả phân chất luôn bên vợ và mối quan hệ bạn bè nữa. Thật vàng chẳng sợ gì lửa, tôi vẫn im lặng, thản nhiên nghe kỹ từng lời, từng tiếng, theo dõi từng thái độ của ông ta.

Bất chợt ông ta ngồi xuống, đối diện với tôi, châm nước mời tôi uống và hất hàm hỏi :

– Sao, anh nghĩ thế nào ?

– Tôi muốn biết rõ chuyện của vợ tôi và bạn tôi.

– Hồ sơ lạc ở đâu, hoặc cán bộ đang sử dụng sưu tra thêm, nên tôi không tìm thấy. Nội dung đại khái là thế. Bây giờ tôi muốn nghe anh nói.

(...) Tôi phải chuẩn bị chịu cuộc thẩm vấn khắc nghiệt, phải hết sức thận trọng, chỉ sơ sẩy một chút là đi vào đường hầm không lối thoát. Ăn uống, sinh hoạt thường ngày tôi đều phải khéo léo và xem xét cụ thể chi li, chú ý xem có gì khác thường, tránh việc nguy hiểm.

Anh Tô không tò mò hỏi tôi những việc thẩm vấn như anh Thịnh. Có thể họ thay đổi chiến thuật, chỉ đạo những đặc tình (1) trong tù làm cách khác đối với tôi chẳng ? Tôi tìm cách gợi ý, anh Tô vẫn không màng đến. Tôi hỏi thẳng :

– Họ gọi anh làm việc, anh báo cáo thế nào ?

– Em nói chỉ nằm yên nghe anh nói. Anh chẳng nói gì, chỉ đọc thơ.

– Họ hỏi thơ thì sao ?

– Thơ dài và nhiều quá, làm sao em nhớ được.

Tôi mạnh dạn :

– Tại sao anh nghĩ cách đối phó như vậy ?

– Em đã nói với họ rồi, em chỉ muốn ra trại đi lao động, làm cái nghề này thất đức lắm. Phải sống làm sao còn để đức cho con cháu. Hôm trước họ gọi em báo cáo về Babilac, em viết anh Hồ Hiếu, họ gạch chữ anh, chỉ gọi là Hồ Hiếu. Em phải nói sao đừng hại Hồ Hiếu. Cái nghề này chỉ thêm một chút là chết người. Tất cả các báo cáo của tụi em đều ghim vào hồ sơ lưu trữ của các anh hết. Muốn lập công để được giảm án, về sớm thì dễ thôi. Nhưng sự đau khổ mình gieo cho người khác gánh chịu thì sao ? Chẳng lẽ mình mua tự do bằng chồng chất sự đau khổ, chết chóc trong nhà tù cho người khác. Thất đức lắm. Mình không trả kiếp này thì kiếp sau sẽ trả. Mình trả không hết, con cháu mình phải trả. Oán oán chấp chồng.

(...) Ngày (7.9), tôi được gọi đi làm việc. Anh đại úy

Minh, phó phòng an ninh điều tra nhìn tôi cười :

– Anh thừa biết đó, mọi việc ở thành phố do Thành uỷ quyết định. Chúng tôi chỉ thừa hành. Các thủ tục hành chính chỉ làm cho đủ pháp lý. Còn bản chất vấn đề là nội dung kết luận của Thành uỷ. Giải quyết vấn đề cũng ở đó. Anh ký hay phản đối cũng thế thôi, chẳng đi tới đâu. Vấn đề của anh là tư tưởng. Việc đó đáng lẽ ban Tuyên huấn Thành uỷ và Thường vụ Thành uỷ làm, giao cho chúng tôi, thật chúng tôi bất lực vì không phải nghiệp vụ của mình. Nhưng hôm nay tôi muốn bàn với anh việc khác. Trung tá trưởng phòng đã cho anh biết chuyện của chị, tôi được phép cho anh xem tài liệu dịch để lại về chị.

Anh ta đưa cho tôi từng trang một. Hình vợ tôi, chữ viết vợ tôi. Nhưng sao lời lẽ thật xa lạ. Không giống chút nào lời nói và ý tứ mà vợ tôi thường nói với tôi suốt hơn hai mươi năm quen nhau và sống chung với nhau.

Từng câu từng chữ trong bản viết đó như con dao cùn đâm xuyên lồng ngực tôi, xoáy, cứa nát tim phổi. Mắt hoa, ngực đau nhói, nặng chình chịch như muốn nghẹt thở.

Họ giữ lại hai trang không đưa cho tôi đọc. Không biết chuyện bí mật gì trong đó. Bấy nhiêu đủ làm cho tôi chết đứng như Từ Hải... Họ đưa tôi về phòng. Cửa sắt đóng. Tôi không ăn cơm trưa, không ngủ trưa, nằm thiếp.

Ngực nặng mỗi lúc một nhiều...

Tôi đặt dưới lưỡi một viên risordan, rồi 2, 3, 4 viên... Hơi thở yếu dần, yếu dần... Rồi thoang thoảng nghe tiếng anh Tô gọi cấp cứu. Tiếng gọi nghe xa dần, xa dần... và tôi lịm đi trong cảnh mơ mơ màng màng như bay bổng trên không.



Hình ảnh vợ tôi hiện từ nhân hậu hiện ra. Chị sinh ra trong một gia đình nghèo, yêu nước. Mới 16 tuổi đã tham gia hoạt động trong Phong trào Học sinh Sinh viên. Người nhỏ nhắn xinh xinh, bản tính hoà nhã, không làm rách lòng một ai. Đó là sức hút lôi kéo tôi yêu tha thiết và kính trọng nhất mực, một đồng chí, một vợ hiền. Ngôn ngữ tố cộng và hứa hẹn làm việc cho dịch trong các bản viết xa lạ với bản chất của chị. Chuyện chị bị bắt năm 1960 chị có nói cho tôi biết. Một dấu hỏi tôi không giải thích được. Tại sao ảnh chị trong hồ sơ lại là ảnh thời năm 1966 ? Tất cả ảnh của chị từ lúc lên 4 đến nay tôi đều có xem và có trong album của tôi. Tại sao chị kể cho tôi nghe dịch bắt chị một ngày thả ra. Hồ sơ lại nói giữ chị đến một tháng hai mươi bảy ngày, rồi sau đó còn đặt móc đưa đi Long Hải, giả bộ đi tắm biển nghỉ mát, để làm việc với Đoàn biệt kích 4. Tôi biết vợ tôi rất chân thật với tất cả mọi người, không bao giờ nói dối. Tại sao việc này lại cách biệt quá xa. Nhưng tôi làm sao mà gặp được chị để xác minh lại. Tôi bị treo lơ lửng giữa khoảng không vừa tin vừa ngờ, và tôi giật mình kiểu này chắc chuyện chẳng lành đang xảy ra với vợ tôi. Vợ tôi bị xúc phạm, tôi bị xúc phạm. Đòn đánh này rất hiểm độc. Nổi đau ngấm nhanh và cắn xé da thịt tôi như người bị tạt át-xít. Rồi hai con tôi ai nuôi ? Chúng nương tựa vào ai ? Chúng sẽ bơ vơ ? Chúng sẽ đi về đâu ? Chúng sẽ trở thành người gì trong xã hội ? Chẳng lẽ cái chế độ mà vợ chồng tôi đã góp phần xây dựng, nay guồng máy đó đang nghiền chúng tôi, cả gia đình tôi ra từng mảnh vụn ?

Tôi chợt nhớ câu nói bất hủ của ông Lê Đức Thọ tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc ở Thủ Đức “ 95 % tù nhân chính trị có vấn đề ”. Thật đúng như lời mật vụ thời Ngô Đình Diệm “ ông sẽ cho chúng mày chết hết, không chết cũng thân tàn ma dại... không chết bây giờ thì về với Đảng chúng mày cũng chết, chết khổ chết sở, chết day chết dứt... xem ai thắng ai ? ”

Khi tỉnh dần ra, hơi thở khá hơn một tí, tôi thấy anh Tô luôn cầm quạt giấy quạt nhẹ trên mặt tôi. Chi y sĩ đang nghe và theo dõi tim mạch, vẻ mặt u sầu, chị cán bộ quản giáo trẻ tất hần nụ cười hồn nhiên hằng ngày mà tôi tặng cho danh hiệu “ đoá sen ” của trại 3C Tôn Đức Thắng, chị nhìn tôi lo lắng. Anh cán bộ quản giáo người Nam thỏ thẻ bên tai tôi “ chú yên tâm tại cháu cố gắng lo cho chú. Có thể lãnh đạo sẽ đề nghị cho chú tại ngoại ”. Cửa phòng mở toang suốt 24/24 giờ cho thoáng khí. Y sĩ đề nghị mọi người ra bớt cho tôi thêm không khí thở. Các bạn ở các phòng khu B, khu A nhả tin thăm hỏi và chúc sức khoẻ liên tục, bất chấp sự có mặt của cán bộ quản giáo đang đứng trong, đứng ngoài phòng tôi.

(...) Ngày hôm sau lệnh trên lại gọi tôi đi làm việc.

(...) Tối ngày hôm sau, họ đưa tôi lên phòng ghi âm làm cuộc phỏng vấn.

(...) Đêm ấy về phòng lại bồn thần, chấp chờn mãi không sao ngủ được. Bạn thân tôi, anh Hồ Hiếu, ông nội là liệt sĩ, cha là đảng viên tham gia cách mạng từ năm 1945 tới bây giờ. Anh đã bốn lần bị tù dưới chế độ cũ, tổng cộng hơn chín năm. Năm 1960, anh bị bắt ở Huế và bị giam tại nhà lao Thừa Phủ. Những lần sau ở quân lao Nha Trang, nhà lao Đà Lạt, nhà Đô thành, Tổng nha, Chí Hoà, Tân Hiệp, Côn Đảo. Anh giữ được khí tiết và nêu cao tinh thần cộng sản ngay trong nhà tù. Sao bây giờ họ lại gán như vậy ? Bạn tôi là người cương trực. Tôi không tin. Hơn một giờ khuya mới chợp mắt được một chút. Ba giờ đã dậy. Một mình thui thủi trong đêm đen vắng lặng, bốn bề tường rào sắt, cửa sắt và bên trong bóng đèn đỏ lèm nhèm như ma trơi. Tôi ngồi thiền mãi đến năm giờ rưỡi sáng. Buổi thiền hôm nay lâu đến hơn ba tiếng đồng hồ nhưng không đạt kết quả. Trong đầu luôn luôn bị xao xuyến vọng động bởi hình ảnh của vợ, của bạn. Không biết tai hoạ gì sẽ giáng xuống đầu vợ tôi, bạn tôi ? Thường sau buổi thiền, tôi thấy thanh thản khoan khoái hơn. Hôm nay sau buổi thiền người nặng chình chịch, bồn thần mệt mỏi đến ngất ngư và chỉ muốn ngủ. Sau buổi ăn sáng, tôi nằm trên bệ xi-măng chấp chờn trong cơn mê.



Ngày 23.9 tôi được gọi đi làm việc. Họ bảo tôi ăn mặc đàng hoàng. Tôi hỏi :

– Bộ đi dạo phố sao mà bắt diện thế ?

Cán bộ quản giáo nheo mắt :

– Có thể. (...)

Xe đến đường Nguyễn Trãi, tôi hiểu đi đâu rồi. Máy bộ đàm trên tay anh trung uý công an hoạt động và liên lạc hai đầu canh giờ chặt chẽ. Xe đến cổng Tổng nha (Cũ) rất đúng giờ. Cửa tự động mở, xe chạy nhanh khuất vào trong, rẽ sang

văn phòng bộ trưởng. Người giữ máy bộ đàm đầu kia đang đứng trước cổng gác văn phòng. Xe ngừng, tôi bước xuống hít thở một ít khí trời cho thoải mái. Hai sĩ quan công an đưa tôi lên lầu, ngồi ở phòng đợi. Lúc đó họ mới nói :

– Ông bộ trưởng (2) mời chú đến gặp.

Tôi cảm ơn, uống trà nóng, trong khi suy nghĩ những gì sẽ diễn ra. Một điều tôi khẳng định được là ông bộ trưởng tỏ ra có cảm tình với tôi. Ông tự xem mình như người anh cả. Tuổi cũng bằng tuổi anh hai tôi. Đã hai lần gặp ông việc chưa đến đâu. Nay gặp để làm gì ? Bao nhiêu suy tính chuẩn bị trong đầu. Tôi phải thận trọng lắng nghe và đo lường những gì sắp xảy đến với mình.

Cửa phòng mở, tôi bước vào. Ông mời tôi ngồi đối diện với ông. Nét mặt ông dăm chiêu. Đôi mắt hơi đỏ hình như mới có chuyện gì ? Mái tóc bạc phơ, nước da trắng trên khuôn mặt xương xương ẩn giấu một sự xúc động vừa xảy ra. Giọng ông trều mến :

– Anh có khoẻ không ? Anh có ở chung với anh Tạ Bá Tông chứ ?

– Dạ bình thường. Tôi ở riêng và không biết anh Tạ Bá Tông ở đâu.

Ông nhìn tôi quan sát và bỗng nhiên nét mặt sa sầm :

– Anh có bệnh hoạn gì không ? Sao trông có vẻ yếu, sắc diện không được khoẻ.

Giọng ông trầm trầm, lời lẽ ân cần. Tôi giữ bình tĩnh :

– Mới vừa bị cơn tim.

– Anh không ở chung với anh Tông thì ở đâu ? Ăn uống sinh hoạt ra sao ?

– Người ta đưa tôi đi đâu, tôi đi đấy. Từ làm sao có ý kiến. Thưa anh, những việc đó bình thường chẳng đáng kể. Tôi quan tâm là nội dung sự việc của tôi.

Ông bộ trưởng khó chịu, mặt nhăn nổi lên từng hằn của thời gian :

– Tôi đã chỉ thị mà họ không chấp hành nghiêm túc, không thấy ý nghĩa chính trị sâu xa gì cả. Còn Hồ Hiếu thì sao ?

– Tôi không biết hiện nay anh ấy ở đâu, nghe nói anh ấy bị cực khổ lắm.

Ông bộ trưởng bóp trán, liếc nhìn ra cửa sổ, ánh mắt ưu sầu :

– Tôi mới tiếp anh Tông. Anh ấy không thấy trách nhiệm của mình. Thật đáng buồn. Trưa rồi anh về nghỉ, chiều đầu giờ tôi sẽ làm việc với anh.

Tôi ra về. Chiếc Toyota cứ chạy, tôi không thèm nhìn đường phố cảnh quan chạy ngược lại. Tôi ngẩng đầu nhắm mắt, lòng u uất bao nỗi buồn phiền và không biết ý ông bộ trưởng muốn gì, định hỏi mình những gì. Tại sao những điều xảy ra với tôi không không hề hay biết ? Họ tự ý làm ? Ý kiến Trung ương và Thành phố khác nhau ? Trong Thành uỷ có nhiều ý kiến cự ly nhau chưa thống nhất ?

Cửa sắt mở. Cửa sắt đóng. Tôi ăn ít cơm, nằm trên bệ xi-măng nhắm nghiền mắt, nhưng không tài nào ngủ được.

Một giờ rưỡi chiều tôi đã ngồi đối diện với ông bộ trưởng. Ông hỏi tôi có thấy sai lầm của mình về tư tưởng và hành động trong thời gian qua không ? Ông giảng về đạo lý của người cộng sản và khuyên tôi “ khi nào lòng mình vô tư thì sẽ thấy mọi việc trong sáng và tâm hồn thanh thản ”.

Ông nghiêm nghị :

– Hôm nay, tôi là uỷ viên Bộ chính trị, bộ trưởng Bộ nội vụ thông báo cho anh biết : **Đây là vụ chống Đảng lần thứ hai sau vụ xét lại năm 1956 trong lịch sử Đảng ta (3).** Nhưng Bộ Chính trị đã kết luận và cho các anh tại ngoại. Anh sẽ về kiểm điểm và chịu kỷ luật với Thành uỷ.

Ông bộ trưởng thông báo tiếp :

– Anh Năm Hộ (Nguyễn Hộ) đã bị bắt tại Sông Bé. Ban đầu Bộ chính trị cử anh Sáu Dân (Võ Văn Kiệt) đến nói chuyện và mời anh về. Anh Năm Hộ không chấp nhận. Anh phát hành băng kêu gọi chống Đảng, in truyền đơn, có vũ trang, vì vậy buộc lòng phải bắt về quản thúc khỏi sinh phức tạp.

– Anh Năm Hộ có khoẻ không ? Hiện bị giam ở đâu, thưa anh ?

– Anh Năm Hộ vẫn khoẻ mạnh.

Tôi nhìn ông bộ trưởng nói chậm rãi :

– Xin cảm ơn anh, tôi hy vọng Đảng đối với anh Năm Hộ có tình dù sao anh Năm Hộ cũng là một cán bộ lão thành.

Ông bộ trưởng đứng dậy siết chặt tay tôi, tiến ra cửa dặn dò :

– Đảng đối với anh Năm Hộ đầy đủ lý tình.

– Cảm ơn anh, xin phép anh Năm (2) tôi về trại giam.

Ông động viên :

– Cố gắng giữ gìn sức khoẻ.

Giọng ông ấm gợi lại trong tôi tình cảm thân thương của những ngày kháng chiến.

Ngày hôm sau, cán bộ công an ở trại giam đối với tôi khác hẳn. Trung tá Nguyễn Hải Phận mời tôi lên phòng làm việc của ông hỏi thăm sức khoẻ, chăm sóc đủ điều. Ông tâm sự : « Các anh là những người chiến đấu trong nội thành, ngay giữa lòng địch và đã từng trải nhiều năm trong các nhà tù dã man của Mỹ-ngụy. Các anh chịu biết bao gian khổ hiểm nguy. Các anh có công lớn. Anh Nguyễn Hộ là một đồng chí lãnh đạo lão thành của thành phố suốt hai mùa kháng chiến và sau giải phóng. Trung ương và Thành uỷ rất quan tâm đến các anh. Vợ anh là người tốt. Tôi đọc kỹ tài liệu địch để lại. Hình ảnh, lời lẽ có gì ngờ ngợ không phù hợp với chị thời 18, 19 tuổi. Thôi anh hãy yên tâm. Các anh Thường vụ Thành uỷ rất tình nghĩa thuỷ chung, nhất trí với Trung ương phải có chính sách đúng đắn đối với các anh ».

ĐỒ TRUNG HIẾU

CHÚ THÍCH của DIỄN ĐÀN :

(1) Đặc tình : tình báo đặc biệt, dùng tù nhân theo dõi tù nhân.

(2) Mai Chí Thọ, tức Năm Xuân.

(3) Ở đây, ông Mai Chí Thọ, hay tác giả, nhớ lầm, đã chập làm một hai vụ việc khác nhau : vụ Nhân văn Giai phẩm (năm 1956) và vụ “ xét lại – chống Đảng ” (năm 1967).

Thân xác trong đạo Phật :

Chúc bạn thân tâm an lạc !



bùi mộng hùng

Bạn có thấy quái dị không, cái câu người Phật tử thường dùng để chúc nhau này ? Chúc an lành thì cho là phải đi. Nhưng sao lại **thân tâm** ? Mà **thân** lại trước **tâm** cơ đấy ! Một tí tí thôi, nhưng dù sao cũng là trước !

Cái trái khoáy này chính xuất phát từ một điểm căn bản trong tinh thần Phật giáo — và trong truyền thống tư tưởng phương Đông : không tách rời đối lập thân với tâm, vật chất với tinh thần. Quan điểm trái ngược với truyền thống Tây phương đã rõ nét từ thời cổ Hy Lạp với Platon, Aristote, thế kỷ thứ 4 trước công nguyên.

Một trực quan tiên thiên. Nhưng đây chỉ là một trò chơi lý trí, là chuyện trời biển đem ra bàn suông lúc trà dư tửu hậu, hay nó ảnh hưởng thực sự đến đời sống hàng ngày ? Nó ảnh hưởng gì vào cái câu hỏi mà ai ai cũng có lúc phải lòng tự vấn lòng : “ *Sống như thế nào đây ?* ”. Và nếu có, thì ảnh hưởng cách nào ? Cơ chế tác động từ đâu ra, như thế nào ?

Xét cho cùng sức sống một tinh thần, một tư tưởng tuy thuộc khả năng nó thâm nhập vào nếp sống thường ngày. Ngược lại, ngày nào tinh thần một truyền thống còn thể hiện ra sinh động trong đời sống cộng đồng thì truyền thống đó còn sống. Nếu không thì cho có cao đẹp đến đâu, nó cũng chỉ là một cái đẹp đã chết. Chôn trong ký ức, cất trong bảo tàng.

Chính vì vậy vào thời buổi dân tộc ta cần rà xét lại vốn liếng văn hoá truyền thống mà Phật giáo là một thành phần cội rễ, tìm cách hội nhập và phát huy chúng trong một nền văn hoá hiện đại, việc bạn và tôi, chúng ta cùng nhau xem lại sức sống của một nét đặc trưng tinh thần đạo Phật, tinh thần Đông phương chẳng phải là chuyện thừa.

Có điều, đặt vấn đề kiểu hiện sinh này — thể hiện tinh thần trong nếp sống hàng ngày chẳng là hiện sinh dút đuôi rồi, còn chối cái gì nữa — chúng ta vấp vào một vấn đề phương pháp. Không lẽ lại đi lục sách cũ tìm chương trích cú đem cặn bã của người xưa — dù cho là Phật là tổ — ra mà nói chuyện nơi đây và bây giờ ?

Chỉ còn cách rút từ kinh nghiệm sống thật do bản thân tập luyện một số kỹ thuật thân xác của Phật giáo và của

truyền thống phương Đông. Nhìn lại kể ra thẩm thoát cũng đã gần ba mươi năm rồi. Với ý thức rõ rệt về những giới hạn của cách làm này.

Thân trước tâm, tại sao ?

An lạc, yên vui, ai chẳng muốn. Nhưng khoan nói tới chuyện vui, chỉ mới bàn đến cách làm cho lòng yên là mắc hóc búa ngay rồi ! Xưa đã chả có người than với một nhà hiền triết : “ *Tâm tôi không sao yên được, làm thế nào đây ?* ”. Để được nghe đáp lại : “ *Chú cứ đem cái tâm của chú lại, tôi sẽ làm nó yên ngay cho chú.* ”

Làm sao tóm được cái tâm ? Một khi đã không đem tách rời tiên thiên tâm với thân thì có thể nảy ra cái ý : “ *Dựa vào tác động qua lại giữa thân xác và tâm hồn. Nắm lấy thân xác !* ”

Thật ra, vậy đã là quá phức tạp rồi. Áp dụng vào thực tế còn phải đơn giản hơn một bậc. Phương pháp nhà Phật giản dị vô cùng : thở vào thì ý thức rằng mình đang thở vào, thở ra ý thức thở ra.

Chỉ có thể thôi. Chẳng khác quả trứng của Christophe Colomb, để ột khi có người rỉ tai cho mình biết giải pháp là gì. Trong khắp thân xác, cái khâu tự động nhưng để ý thức nhất là hơi thở. Xin bạn ghi nhớ cho cái quan niệm **ý thức** này nhé ! Ý thức, ý thức và ý thức. Chỉ có thể thôi, không hơn không kém.

Trên thực tế, ý thức được hơi thở là bước đầu ý thức thân xác. Thở vào biết thở vào, thở ra biết thở ra, hơi thở đi tới biết nó đi tới đó. Người tập trong ít lâu ý thức rõ rệt rằng trong giai đoạn thở vào lồng ngực dãn ra, trong giai đoạn thở ra lồng ngực xẹp xuống. Và — điều rất quan trọng — trong giai đoạn này cơ bắp ở ngực, cột sống, vai, cổ, theo luồng hơi thở ra mà thư duỗi. Ý thức được hơi thở đi đến đâu tức là ý thức được sự thư duỗi của thân xác tới đó. Đây, bạn cứ làm thử mà coi, gồng mình rất dễ, nhưng mà thư duỗi thân mình, khó hơn nhiều !

Thân thể thư duỗi, nhịp thở chậm bớt, hơi thở sâu hơn, lòng tự nhiên yên yắng bình thản. Lòng càng yên, thân càng thư duỗi, nhịp thở càng chậm lại. Cứ thế, cứ thế, cái vòng tác động qua lại giữa hơi thở, thân, tâm, đưa toàn diện con người vào một trạng thái tĩnh lặng bình thản, mỗi ngày mỗi sâu hơn. Chú ý hơi thở rồi cuộc đua đến ý thức thân xác, tĩnh lặng thân tâm. Có phương pháp chỉ ý thức thân xác mà thôi như của phái thiền Tào động, kết quả cũng tương tự như chú ý hơi thở. Tuy nhiên, chú ý thân xác ngay bước đầu, đa số thấy khó tập hơn là ý thức hơi thở.

Đi vào nếp sống thường ngày

Anh ngồi yên bình thản, thôi thì là chuyện tốt cho anh đi. Nhưng con người, nào có được ngồi bình thản mà sống đâu ! Có trốn, cuộc sống nó cũng nắm cổ lôi anh vào trận. Cái chính là đời sống hàng ngày chứ nào phải những khoảnh khắc bình lặng, trốn sống !

Cái ý niệm không thể tìm sự thật đâu ngoài cuộc sống — nói một cách cao siêu triết học trong Phật giáo Ấn Độ như lời khẳng định của Nagarjuna (Long Thọ bồ tát) : “ *Niết bàn là*

luân hồi, luân hồi là niết bàn.” — cũng được Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam nhắc đi nhắc lại bằng cách nói là là mặt đất. Xin lấy một ví dụ Việt Nam, gần gũi với chúng ta hơn. Bài **Phật tâm ca** của Tuệ Trung thượng sĩ Trần Tung đời Trần có câu :

Đi cũng thiền

Ngồi cũng thiền (Hành diệc thiền, Tọa diệc thiền)

Nhưng mà, nói thiền thì dao to búa lớn quá mất rồi. Chúng ta trở về với ngôn ngữ dân gian, với một từ đôi mà ai ai cũng biết : **động lòng**. Tây phương cho rằng nơi cư trú của tâm thần, của tình cảm là con tim. Ta thì cho là ở **lòng**, ở **bụng**.

Người tập lâu, hơi thở sâu, thở đẳng bụng, đó là vì thở chủ yếu bằng cơ hoành — cái cơ bắp ngăn lồng ngực với bụng. Và ngay cả trong khi đi, đứng, hoạt động, người đó ý thức được trạng thái căng thẳng hay thư thái của thân xác, ý thức hơi thở phớt chạm nơi một điểm sâu trong bụng. Tôi đây mới thấy là nhận xét dân gian xác đáng làm sao ! Ta biết tìm ra sao, biết nói **trống ngực** chớ phải không đâu ! Nhưng mà đợi nghe trống ngực thùm thụp thì phải đã là giận đỏ mặt tía tai, hoặc sợ xanh mặt rồi. Trái lại, mới tí ti tham muốn, chút xíu yêu, ghét, lo, sợ, hờn, giận là đã động lòng, đã bụng dạ xốn xang ngay. Người quen ý thức hơi thở, thân xác, thì trước khi cái lo, sợ, giận, ghét, hiện rõ trong trí não đã cảm nhận thấy nơi bụng mình hơi thở gấp, ngắn, cơ thể có phần căng thẳng.

Sinh học đã biết và tìm hiểu hiện tượng này là từ khá lâu. Thân xác mà ta thừa hưởng của thú vật hoang dã phản ứng nhạy vô cùng. Một tiếng động lạ tai, một hình ảnh khác thường, một ý niệm hành động vừa chớm, là toàn cơ thể đã chuẩn bị ngay tức khắc : hơi thở gấp hơn, tim đập nhanh hơn, áp huyết cao lên, một loạt hocmon được trút vào giòng máu, trí não, cơ bắp căng thẳng. Tất cả để cho sẵn sàng lao vào hành động. Nhưng là một loại phản ứng rất đơn điệu : thú rừng không có nhiều lựa chọn, sừng sộ thủ thế để rồi hoặc sẵn sàng tấn công hoặc quay lưng vụt chạy.

Khi tôi theo thầy học võ, trong Nam có truyền thống dạy thế đánh hổ. Cọp rất sống trong ký ức cái miền “ dưới sông sấu quậy, trên bờ cọp um ” vào một thời chưa mấy gì xa xôi. Thầy nào cũng căn dặn dò : “ *Cọp dữ, mạnh, lanh lẹ vô cùng, vậy mà đánh với nó không khó lắm, ta đoán được nó tấn công thế nào. Đấu với người mới thật là khó, không lường nổi sẽ đánh ra sao* ”. Đấy, đương đầu với hổ dữ trong rừng vậy mà tương đối giản đơn, trong xã hội loài người thì khác : phải ứng phó với những cái không đoán trước được. Cần phải có thái độ cởi mở, không thành kiến.

Khốn nỗi, thân xác con người lại vẫn giữ nếp thú rừng : chỉ có một loại phản ứng đơn điệu. Hocmon, áp huyết, nhịp tim, nhịp thở, cơ bắp, trí não, tất cả chỉ biết chuẩn bị cho thái độ đã định hướng : sừng sộ, sợ hãi. Thế thôi, chấm hết. Mà chính những trạng thái cơ thể đó lại làm nền tảng ngầm cho thái độ, hành vi đời sống thường ngày. Konrad Lorenz, người sáng lập tập tính học (*éthologie*, nghiên cứu thói quen ứng xử các loài thú), giải Nobel, nhận định rằng hung hăng là bản năng của thú, của người. Tuy nhiên, có những cơ chế bẩm sinh ngăn chặn không cho thú dữ giết hại đồng loại. Riêng

con người vốn chân yếu tay mềm không được thiên nhiên phú bẩm loại cơ chế này. Tài nghệ chế tạo vũ khí ghê gớm bao nhiêu càng rõ cái hung bạo bẩm sinh đưa con người lạc xa bấy nhiêu cái chức năng nguyên thủy vốn có lợi ích của bản năng đó trong thiên nhiên (*L'agression, une histoire naturelle du mal*, Hung bạo, một vận vật học về cái ác, Flammarion, Paris 1969).

Người quen chú ý hơi thở rất nhạy với những biến chuyển về nhịp, về độ sâu hơi thở và vì vậy mà vô cùng bén nhạy với những “ động lòng ” của mình. Thấy qua hơi thở, qua thân xác mình, “ nó ” đến, trụ lại, đi qua, gần như chuyện xảy ra cho một kẻ khác. Và, chỉ điều chỉnh hơi thở cho trở lại bình thường, chậm và sâu, thư duỗi cơ bắp đang căng thẳng là đưa sợ hãi, giận giữ, tham muốn trôi theo hơi thở mà đi. Không ngăn chặn, không đè nén. Tự nhiên thân xác ở vào một trạng thái bình thản, với tiềm năng ứng phó muôn mặt muôn màu.

Phải nói rằng thư duỗi cơ thể có khác một số kỹ thuật thư giãn (*relaxation*) Tây phương. Với những kỹ thuật này, cơ bắp trong trạng thái nghỉ xả, xuôi xị gần như trong khi ngủ, không phát khởi hoạt động tức khắc được. Trái lại, cơ thể thư duỗi do chú ý hơi thở ở trong một tư thế nhạy bén, tích cực sẵn sàng. Như một bình ắc quy tích điện tràn đầy, lúc nào cũng có thể phóng điện như chớp giật. Khác hẳn thứ ắc quy xẹp điện trong thư giãn xuôi xị.

Trong trạng thái an nhiên của thân và tâm, cảm xúc có những nét “ khác ”. Không gian thân xác như không giới hạn bởi làn da mà toả rộng ra, hoà vào không gian thế giới xung quanh. Vốn quen nhận xét những biến đổi vi tế trong thân tâm bản thân mình, thân và tâm tĩnh lặng rất nhạy bén với những dấu hiệu nhỏ nhất, trong hơi thở, giọng nói, cử chỉ, thái độ của người, thành một thứ trực cảm. Như đã thú nhận qua là biết sự tử đi sẵn hay không, tức khắc báo động chạy trốn hoặc cứ nhõn nhõn bình thản. Vì vậy, trong quan hệ cái cảm thông với người cũng “ khác ”, tương tự cái mà Jean François Billeter đã mừng tượng thấy ra trong Trang Tử (*Etudes sur sept dialogues du Zhuangzi*, Nghiên cứu về bảy đối thoại trong Trang tử, *Etudes Chinoises*, Vol XIII, số 1-2, 1994, Paris, tr. 295-343). Tiềm năng mà phương pháp giáo dục nặng về lý trí hiện nay ngày càng làm thui chột mất đi.

Phương pháp nhà Phật chuyển hoá định luật truyền kiếp từ thời thú rừng, đối so đồ phản ứng định hướng bẩm sinh của thân xác con người ra tư thế an nhiên rộng mở đi đôi với tinh thần không thành kiến để tiếp nhận hiện tại, vốn là một lĩnh hướng mới lạ trong bản chất.

Đặc trưng của đạo Phật ở chỗ nào ?

Trực cảm không tách rời thân và tâm có trong nhiều hệ tư tưởng Đông phương, Ấn Độ cũng như Trung quốc, chẳng phải độc quyền của Phật giáo. Vậy thì đạo Phật khác người ở chỗ nào ?

Nhiều phái võ, nhất là các phái nội gia, áp dụng triệt để chú ý hơi thở, thân và tâm trong kỹ thuật. Thân xác thư duỗi là cơ sở của sức mạnh khi ra đòn, của sức chịu đựng khi hứng đòn. Họ biết rõ rằng duỗi cánh tay ra là có những cơ bắp chủ

vận duỗi ra nhưng đồng thời cũng phối hợp với những cơ đối kháng co giữ lại. Lên gân cứng cho cảm tưởng là đánh ra mạnh lắm, nhưng thực sự thì các cơ đối kháng thắng chậm tốc lực cánh tay, chỉ tổ phí năng lượng vì sử dụng quá nhiều cơ bắp mà lại là để cản trở. Trái lại, biết cách thu duỗi thì thấy vẻ như mềm mại đó nhưng cánh tay vung ra với tốc lực thật cao vì giảm đến tối thiểu sức thắng chậm lại của cơ bắp đối kháng. Võ thuật chưa hề bao giờ nghe đến phương trình :

$Năng\ lượng\ E = 1/2 (khối\ lượng\ m) (tốc\ độ\ v)^2$
nhưng biết tăng sức đòn tung ra bằng cách tận dụng cái quy luật năng lượng tăng theo tỷ lệ thuận với bình phương của tốc độ, thêm vào đó thay vì chỉ dùng khối lượng của riêng cánh tay họ tung theo cả khối lượng cơ thể nhờ phối hợp uyển chuyển toàn thân. Cơ sở vật lý cho câu nói ngang phè của họ “*Mềm sinh ra cứng*” là đây ! Giải thích cơ sở vật lý cho phương châm lấy mềm chịu đòn sẽ quá dài dòng đối với khuôn khổ bài này. Nhưng phải nói rằng con nhà võ có thể, chính ngay trong khi giao đấu, trải qua các trạng thái phối phối, lằng lằng, bình thản tĩnh lặng của kẻ ngồi thiền. Với xúc cảm “*khắc*” trong những trạng thái đó : đối thủ và mình là một, đó là ý nghĩa của chữ “*hiệp*” trong Hiệp khí đạo, môn phái do Morihei Uyeshiba sáng lập ra cách đây khoảng nửa thế kỷ. Và trực cảm thấy hướng tiến lui cũng như chỗ hờ của đối thủ. Quả có những võ công là một minh họa cho ý niệm “*đi cũng thiền, ngồi cũng thiền*”. Tuy nhiên, tôi chưa được thấy một môn phái võ nào có lý thuyết và phương thức đem áp dụng những cái hay của mình trong giao đấu vào cuộc sống thường ngày một cách có ý thức và có hệ thống.

Chú ý hơi thở là căn bản của mọi phương pháp dưỡng sinh. Tuy nhiên, Phật giáo có nói đến chỉ là để mỉm cười :

*Thấp căn mới hỏi “*trường sinh được*”*

*Cao trí cần gì “*bất tử phương*”*

(Tiểu căn dục vấn trường sinh được, Tác giả na cầu bất tử phương, **Hoạ huyện lệnh**, Tuệ Trung Thượng sĩ, Huệ Chi dịch)

Sức khoẻ là một phó sản của tập luyện, tự nhiên nó tới. Dem phó sản làm cứu cánh đôi khi dẫn đến những sai lầm, lệch lạc. Trung quốc học cho rằng có những vị hoàng đế đã chết vì ngộ độc thủy ngân và/hay arsenic (arsenic) mà các bài thuốc trường sinh bất tử ngoại đan thường dùng với liều lượng quá cao. Quá đam mê vào dưỡng sinh dễ quên rằng tư chất bẩm sinh là một hằng số quan trọng trong sự phát sinh của một số bệnh tật, trong việc cái già đến muộn hay đến sớm. Tập luyện chỉ giữ gìn sức khoẻ và ngăn ngừa bệnh tật một phần nào đó mà thôi. Quên rằng bệnh tật, già, chết là những cái đã được định sẵn trong cơ thể mọi sinh vật chỉ đưa đến phiên muộn và vô mộng.

Bạn thấy đó, cũng phương tiện ấy, cứu cách khác lái đi vào những ngã khác. Chẳng hạn, ý thức thân tâm để hoà mình vào vũ trụ có những thích thú lạ. Cứ tưởng đâu mình trong sạch như trăng rằm, vĩnh cửu cùng với mặt trời mặt trăng mà tĩnh lặng như mặt nước mùa thu. Quên mất rằng trạng thái đó có an lạc đến đâu cũng chỉ là ảo ảnh, rồi cũng tan đi. Và khi ấy mặt đập vào cuộc sống.

Phương pháp nhà Phật chỉ ý thức, ý thức và ý thức. Không mục đích. Không ý chí, như ý chí dẫn hơi thở chẳng hạn mà nhiều phương pháp chủ trương. Lối này có thể đưa

đến kết quả rất mau và rất tốt. Tuy nhiên, trong không ít trường hợp ý chí dẫn hơi thở làm cơ bắp co quắp thay vì thu duỗi, không dễ giải chút nào. Nhưng điểm chính là tập càng lâu càng tinh tấn, ý chí càng mạnh. Thành ra một một nhân tố đưa đến cảm nhận lệch lạc một cái “*ta*” to phình, tưởng đâu mình là trời đất như đã nói ở trên.

Ý thức và chỉ ý thức mà thôi đưa con người nhận thức một cách sâu sắc thân phận của mình trong cuộc sống : Trong sạch và bản thủ trong đầu và trong bụng, một điểm ý thức biến chuyển không ngừng, bọt bèo nhưng có tự do tác động vào cuộc sống trong lúc trôi nổi theo cái dòng tiến trình không cùng của loài người của vũ trụ. Một thân phận mong manh, phù du, đẹp những giây phút hiện tại, cái giây phút duy nhất mà con người sống thật.

Các môn phái Phật giáo đều chú trọng đến hơi thở, đến thân xác tuy rằng phương pháp tu luyện rất đa dạng. Có những phái đặt trọng tâm nơi tụng niệm, khi đi vào thực hành – rõ nhất là với các môn phái Tây Tạng và Nhật Bản – bạn sẽ thấy trong việc chọn lựa chuỗi âm thanh trong câu niệm cùng với kỹ thuật phát âm chẳng phải do ngẫu nhiên mà tiềm tàng ý tứ làm cho tụng niệm cũng là một cách luyện hơi thở. Môn phái Duy Thức, nếu nghe qua tên gọi và chỉ xét qua biểu văn mà thôi, ta có thể cho rằng phái này phủ định hoàn toàn tính hiện thực của vật chất, nhưng cái tên Duy thức thông dụng ở Việt Nam ta che lấp mất một danh xưng khác của phái, Yogacara nghĩa là tu tập yoga, Trung quốc dịch là Du già hành tông, khiến ta quên mất vị trí quan trọng của thân xác trong tổng thể phương pháp tu tập của môn phái.

Một hằng số trong phương pháp của Phật giáo bất luận môn phái nào là ý thức thân phận làm người trong đời sống thường ngày qua con người toàn diện – từ thân xác đến lý trí.

Bạn thấy chẳng, Phật giáo từ trực giác thuở ban đầu không tách rời thân xác và tinh thần, con người và vũ trụ xung quanh đã xây dựng nên một bề dày trên hai nghìn năm lý thuyết (xem **ĐĐ** số 49, tr. 26-29), phương pháp và kỹ thuật. Để cho bất cứ ai ai cũng có thể từ đó tạo ra cho mình một phong cách nhập cuộc đời sống thường ngày hồn nhiên như hơi thở. Một phong cách sống giàu cả quá khứ bản thân lẫn quá khứ loài người, sống “*hết mình*” trong giây phút hiện tại, bước vào tương lai với dự phóng phong phú những tác động đã qua và hôm nay. Một phong cách sống cái hiện tại, toàn diện – từ phần thú vật hoang dã đến phần trí tuệ riêng của loài người – và tận cùng, từng giây từng phút. Vì ý thức sâu sắc rằng hiện tại là giây phút sống thật duy nhất, mới lạ, sáng tạo.

Với cái tinh thần ấy, bạn nhìn mặt trời ban sáng huy hoàng như buổi rạng đông đầu tiên của vũ trụ. Yêu con người, kẻ cùng với mình chia sẻ quá khứ, hiện tại và tương lai của loài người. Tôn trọng con người vì bất cứ ai ai cũng tiềm tàng trí tuệ của một vị Phật. Quý con người như đoá hoa hàm tiếu trong sương sớm, lát nữa đây mặt trời lên tới đỉnh đầu đã khác đi mất rồi.

Chính vì thế mà tôi xin được chấm dứt bằng câu sáo cũ :

– *Chúc bạn thân tâm an lạc !*

bùi mộng hùng (Paris, 2.1996)

Về cung giọng và dấu trong tiếng nói thông dụng nước Annam

LTS. Tủ sách Đại Kết của Ủy ban đoàn kết công giáo TP HCM đã xuất bản trong năm 1994 hai cuốn sách song ngữ (Pháp - Việt) *Hành trình và truyền giáo*, và *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài của Alexandre de Rhodes*, bản dịch tiếng Việt của Hồng Nhuệ, nhà nghiên cứu mà bạn đọc Diễn Đàn đã có dịp làm quen qua bài *Alexandre de Rhodes và sự hình thành chữ quốc ngữ* đăng trên số 8, tháng 5.1992. Trong lời tựa cuốn *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài*, dịch giả đã nhấn mạnh tới chương nói về các dấu tiếng Việt, “khai đề cho cuốn Ngữ pháp tiếng Việt sau này của De Rhodes đi song song với cuốn Tự vị Việt Bồ La danh tiếng” (mà nxb Khoa học xã hội đã tái bản năm 1991 với bản dịch của Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt và Đỗ Quang Chính). Mặc dù chương này không đầy đủ và chặt chẽ bằng bài *Báo cáo văn tắt về tiếng An Nam hay Đông Kinh* có trong Tự vị, chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc, vì tính chất chứng từ lịch sử của nó, gọi là góp phần tưởng niệm (tuy trễ) A. de Rhodes nhân ngày ông qua đời cách đây 335 năm (5.11.1660).

Mặc dầu tiếng nói thường dân ngày nay phổ thông khắp nước Annam khác với tiếng Tàu, thế nhưng cũng đọc với những cung giọng không quá khác so với cung giọng tiếng Tàu. (1) Tiếng Tàu chỉ có năm giọng nói, còn tiếng Annam thì có những sáu, rất đáp ứng với những dấu nhạc của ta, làm cho các tiếng đều khác nhau về nghĩa, đến nỗi không có tiếng nào mà không ghi thêm một trong sáu dấu như hờn và đặc tính ý nghĩa của tiếng. Những dấu hay thanh thì không ghi trong chữ viết của họ, nhưng chỉ phô diễn trong giọng nói mà thôi : điều này làm cho chúng tôi rất khó hiểu sách vở của họ. Thế nhưng chúng tôi đã nghĩ cách ghi các giọng khác nhau đó bằng tất cả cách viết của chúng ta, làm cho chúng ta học biết sự khác biệt trong cung giọng, để hiểu ý nghĩa.

Thanh thứ nhất là thanh trầm, hạ giọng để đọc, như ta hát giọng trầm trong ca nhạc và chúng tôi ghi dấu huyền của người Hy Lạp, thí dụ *dò* có nghĩa là cái bẫy. Thanh thứ hai là thanh hờn như trầm hoặc gần như trầm, phải có chút cố gắng để đọc, như phát ra từ lồng ngực và chúng tôi ghi bằng một cái chấm dưới nguyên âm theo cách người Hy Lạp đặt chữ iota, thí dụ *rê*, có nghĩa là rễ cây. Thanh thứ ba là thanh uốn trầm, uốn giọng mà đọc và có một chút cố gắng ở ngực, và chúng tôi ghi bằng dấu uốn của người Hy Lạp, thí dụ *mĩ* là tên một gia đình quý tộc trong xứ. Thanh thứ tư là thanh bằng đọc mà không cần cung giọng, thí dụ *fa* hay đúng hơn *pha* có nghĩa là trộn, vì trong tiếng này không có chữ F bật hơi. Thanh thứ năm là thanh uốn nhưng dịu hơn, đọc như thể chúng ta đặt câu hỏi và chúng tôi cũng ghi bằng dấu hỏi của người Latinh, thí dụ *sổ* có nghĩa là danh mục, quyển ghi chép. Thanh thứ sáu là thanh sắc, đọc với giọng bản gât như

thể người nào nói khi giận dữ, và chúng tôi ghi bằng dấu sắc của người Hy Lạp, thí dụ *lá* có nghĩa là lá cây. Như vậy sáu thanh (như tôi đã nói) có thể đáp ứng với sáu nốt nhạc của ta dò, rê, mi, pha, sở, lá (2).

Có một điều rất khó trong ngôn ngữ của họ đối với những người muốn học, đó là tất cả sự khác biệt về thanh và giọng đều ở trong một tiếng hay một vần, gây thành nhiều khác biệt về nghĩa, thí dụ tiếng *ba* đọc với thanh trầm thì có nghĩa là bà : bà nội, ngoại ; nếu đọc với thanh gần như trầm thì có nghĩa là dính hay vật bỏ đi ; nếu đọc với thanh uốn trầm thì có nghĩa là cặn, chất còn lại của cây cỏ hay trái cây sau khi đã ép hết chất ngọt ; nếu không có thanh và đọc bằng phẳng thì có nghĩa là con số ba ; nếu đọc với thanh uốn dịu như hỏi thì có nghĩa là một cái tát ; nếu đọc với thanh sắc thì có nghĩa là vợ mọn của chúa. Do đó chỉ một tiếng đọc tiếp mỗi lần với những thanh khác nhau *ba*, *bà*, *bả*, *bá* có nghĩa là *ba*, *bà* và *bá* (3). Cũng vậy vần *ca* đọc với các giọng khác nhau thì thành bốn nghĩa khác nhau, vì với thanh trầm *cà* có nghĩa là thú tảo đại, với thanh bằng *ca* có nghĩa là ca hát, với thanh hỏi *cá* có nghĩa là lớn và với thanh sắc *cá* có nghĩa là con cá.

Vì thế những ai chưa thông thạo các thanh hoặc các dấu đó thì thường rất bức mình và dùng lẫn một nghĩa kỳ khôi hoặc hỗn xược với một nghĩa khác, như đã xảy ra khi một cha dòng chúng tôi muốn sai đầy tớ bản xứ đi mua cá, cha nói rõ tiếng *ca* nhưng đọc với thanh trầm, đáng ra phải đọc với thanh sắc, thế là thay vì cá cha có ý bảo mua thì người đầy tớ lại đem về cho cha một thùng đầy trái táo đại (cà) và người đầy tớ thích thú xin lỗi vì lời sai bảo anh đã nhận được. Một cha khác một lần sai người ở đi đánh mấy gốc tre, nhưng đọc với thanh hỏi lại có nghĩa là trẻ con, chứ không đọc với thanh bằng có nghĩa là tre. Thế là tất cả lũ trẻ con đang ở trong nhà nghe thấy lời sai bảo đó liền chạy trốn hết, tưởng người ta muốn đánh đập mình. Người ta chỉ bảo chúng trở lại được sau khi cho chúng biết ý người truyền khiển và sự lầm lẫn bởi chưa biết đủ giọng nói. Vì chưa biết các dấu khác nhau này nên còn có thể xảy ra ngộ nhận ý nghĩa, muốn nói sự thánh thiện lại hoá ra nói sự tục tằn ; cho nên những người rao giảng lời Thiên Chúa phải rất cẩn thận để không làm cho lời Thiên Chúa thành ngộ nghĩnh và đáng khinh bỉ trước mặt lương dân.

Alexandre De Rhodes

Chú thích của Hồng Nhuệ

(1) Coi thêm Borri (Tường trình về Đàng Trong, bằng tiếng Pháp và Ý, 1631) để biết việc nghiên cứu học tiếng Việt đã manh nha từ những giáo sĩ đầu tiên tới Việt Nam : kể từ Borri cho tới Gaspar d'Amaral, De Pina, De Rhodes, nghĩa là từ những năm 1615-1622 tại Đàng Trong trước khi được tiếp tục ở Đàng Ngoài.

(2) Tác giả muốn dùng sáu nốt nhạc để cho thí dụ, sáu nốt nhạc đó là *đô*, *rê*, *mi*, *pha*, *sol*, *la*. Nhưng thí dụ hơi ép giọng và sai lạc ở *rê*, vì chính ra là *rê*.

(3) Về thí dụ *ba*, *bà*, *bá*, *bả*, *bã*, *bạ* cũng cần phải giải thích. *Ba*, *bà*, *bá*, *bả* không có vấn đề, rất thông suốt. Còn *bạ* là một từ chuyên môn ở miền quê : *bạ* bờ, đắp bờ, nhưng *bạ* theo De Rhodes còn có nghĩa là vật bỏ rơi thuộc về người đầu tiên nhất được (*res pro derelicta quae est primo occupantis*), ai *bạ* thì lấy. Còn *bả* thì lại hiểu là *vả* vì thế mới thành câu *ba bà bả bá*.

Cổ học cho đời sống cho hôm nay

Nguyễn Thắng

CAO XUÂN HUY

Tư Tưởng Phương Đông, gợi những điểm nhìn tham chiếu

Nguyễn Huệ Chi soạn, chú, giới thiệu.

Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1995, 790 tr.

Có những quyển sách vừa trông qua liền cảm thấy có cái gì đáng quý. Cụ Cao Xuân Huy, uyên bác thì được nghe tiếng từ lâu, nhưng cho tới nay những gì đọc của cụ chỉ làm cho thấy thòm thềm, vì ít oi, phân tán; có thích thú muốn tìm hiểu thêm chẳng biết tìm đâu. Năm 1983 cụ mất. Từ ấy năm tháng trôi đi, dần dần cái mong ước được tìm hiểu con người một thời tài hoa học rộng qua tác phẩm của ông. Oái oăm là gần đây, trong tập hồi ký **Nhớ nghĩ chiều hôm** (nxb Trẻ, Tp Hồ chí Minh, 1989) của mình, cụ Đào Duy Anh dành cả chương 14 quyển sách này để trình bày những điều tâm đắc, kiến giải và chủ thuyết của cụ Cao Xuân Huy. Lại nổi lên thêm những nuối tiếc, kèm những phân vân: lời lẽ tư tưởng cụ Cao hay nhuộm pha cụ Đào?!

Nhưng nay, quyển sách nằm trong tay. Không phải một tập mong manh, kỷ niệm cho có lệ 95 năm ngày sinh của tác giả. Mà là một bộ dày 790 trang. Có ba phần: phần I từ góc nhìn phương pháp luận phân tích sự khác biệt giữa triết học Đông và Tây, phần II phác họa một vài mốc tiêu biểu tư tưởng Việt Nam từ cổ truyền đến canh tân, phần III đề cương bài giảng triết học cổ đại Trung quốc.

Ngay từ mấy trang đầu sáng ngời một đặc điểm. Sắc bén đi thẳng vào cốt lõi vấn đề. Giản dị, ngắn gọn, khúc chiết, minh bạch nhưng không vì thế mà giản lược, mà lý luận kém nghiêm túc. Vài trang (tr.75-81) đủ cho tác giả vạch trần nguyên lai cái bi kịch của tư tưởng loài người mà kết tinh là cái cấu trúc vĩ đại lôgic hình thức. Khái quát hoá sự vật cụ thể thành những khái niệm, những phạm trù là những bước đi không thể thiếu được cho phương thức vận hành lý luận, tư duy của con người. Nguyên lý đồng nhất "*A là A, A không phải là phi-A*" là tiêu chuẩn để tư tưởng, nhận định, hành động cho đúng. Lôgic sợ những cái gì là mâu thuẫn, "*mà ngay bước đầu tiên của nó là khái niệm, nó đã rơi vào những cái đó. Phản ánh những sự vật cụ thể bằng những khái niệm thì tức là phản ánh những cái gì là cụ thể, cá biệt, tương đối bằng những cái gì là trừu tượng, phổ biến, tuyệt đối. Nói một cách khác, khái niệm hoá một vật cụ thể thì (...) chẳng khác gì nói A là phi-A*" (tr. 78) Và cứ thế mà

tác giả nhấn nhá điểm ngón tay vào mâu thuẫn tiềm tàng trong những phạm trù nguyên nhân và kết quả, không gian, thời gian, v.v... Cứ thế mà sáng suốt, hàm súc và xác đáng luận về cuộc khủng hoảng trầm trọng hiện nay của tư tưởng loài người mà lối thoát vẫn chưa rõ là đâu.

Soạn giả ý nhị cho bạn đọc được phát hiện ngay từ đầu quyển sách tinh thần, phương pháp, phong cách của tác giả, những nét xuyên suốt quyển sách như một sợi chỉ đỏ. Thật ra, lật quyển sách ra đọc thẳng vào đoạn nào cũng được. Lối trình bày làm cho mỗi đề tài tự nó một mình đứng vững. Đề tài nào tác giả cũng hấp dẫn người đọc với cách đi thẳng vào cốt tủy, với tầm nhìn bao quát, với những ý kiến đặc sắc.

Sự khác biệt giữa triết học Đông và Tây tác giả lý giải từ nguồn gốc: phương thức tư tưởng. Một bên xuất phát từ toàn thể đi đến bộ phận. Tác giả gọi là **chủ toàn** dựa trên nguyên lý toàn thể quyết định bộ phận, có tính hữu cơ, năng động, liên tục. Bên kia, phương thức **chủ biệt**, từ bộ phận đi đến toàn thể, với nguyên lý bộ phận quyết định toàn thể, có tính cơ giới, cố định, gián đoạn. Tuy hai phương thức ấy quyện vào nhau trong cả hai tư tưởng Đông và Tây, nhưng tỷ trọng khác nhau, Đông chủ toàn, Tây chủ biệt (tr.84-85). Vì đó cách đặt vấn đề rẽ làm hai. Cái "**Có**" căn bản, làm điều kiện làm tiền đề cho mọi vật — cái "**Một**" trong "*Một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật*" của Lão tử — là đối tượng đầu tiên của triết học phương Đông. Đó là cái "*Bản thể (...) tồn tại, phổ biến, nó vừa ở bên ngoài vạn vật, vừa ở bên trong, nó bao trùm mọi vật nhưng nó cũng có mặt ở chỗ sâu kín nhất của mọi vật*" (tr. 159).

"**Hai**" từ "**Một**" sinh ra, vì thế mà trong mỗi cái "**Hai**" — hai phạm trù Âm và Dương — đều có "**Một**", cái còn được gọi là Đạo, là Thái Cực, là Chân Như. Chính vì thế mà trong Âm có Dương, trong Dương có Âm. Không ngăn cách, gián đoạn như giữa các phạm trù thông dụng của Tây phương: vật chất, tinh thần, thời gian, không gian, chủ thể, khách thể...

Cứ vậy mà những điểm bí ẩn, hiểm hóc nhất trong tư tưởng Đông phương sáng lên giản dị dễ hiểu dưới ngòi bút tác giả. Với phong cách ấy, tác giả lý giải khái niệm thời gian, không gian (tr. 124-126) trong tư tưởng Đông phương, cốt cách suôn sẻ hồn nhiên của tư tưởng này khi giải quyết vấn đề tri thức và thế giới. Chính vì các phạm trù không bị tuyệt vọng phân cách, tư tưởng chủ toàn không vướng mắc cái vòng luẩn quẩn không lối thoát mà tư tưởng Tây phương rơi vào từ Descartes tới Husserl (tr. 150-162).

Tác giả, như một nhà tư tưởng xứng đáng với danh nghĩa ấy, đi tới tận cùng suy luận của mình, thẳng thắn đề cập câu hỏi ý thức từ đâu mà ra? Và nghĩ rằng có chấp nhận nguyên lý cứu cánh mới lý giải được các đặc tính của sinh vật.

Không nên quên rằng tác giả viết vào những năm cuối thập kỷ 50, đầu 60. Hơn ba mươi năm đã trôi qua. Trong khoảng khắc đó, trí tuệ con người có dịp biểu lộ cái nét kỳ lạ của nó: mỗi khi bị rơi vào đường cùng tưởng như không lối thoát, nó lại bật ra những cái nhìn mới lạ, ánh lên khía cạnh bất ngờ trong cái cũ, rộng mở soi sáng những lĩnh vực tối tăm chưa từng thám hiểm. Trong thời gian ngắn ngủi ba thập kỷ trở lại đây sinh học phát triển lên gấp bội lượng kiến thức con

người tích lũy được từ cổ đại đến thời cuối thập kỷ 50.

Sinh học ngày nay quan niệm sinh vật như một hiện tượng “ngẫu nhiên và tất yếu” (Jacques Monod, giải thưởng Nobel sinh lý và y học 1965, lấy nhóm từ này làm tựa quyển *Le hasard et la nécessité*, Nxb Seuil, Paris, 1970). “Tất yếu” khi ta nhìn sinh vật sinh ra, lớn lên, sinh sản, rập theo định hướng; chó có hình thù con chó, lại sinh ra chó, thế hệ tiếp nối thế hệ. Tuy nhiên, thuở ban sơ sự hình thành loại phân tử acid amin đặc trưng cho sinh vật, mà những điều kiện thuận lợi chỉ hội đủ vào riêng một giai đoạn có giới hạn trong tiến trình của vũ trụ, là “ngẫu nhiên”, trong cái nghĩa gồm cả hai khả năng có thể xảy ra hoặc không. Cũng vậy, trong một giai đoạn nhất định của tiến trình địa cầu, những phức hợp các phân tử acid amin tập hợp nhau lại thành sinh vật nguyên thủy — một vật trao đổi năng lượng với môi trường để phát triển và tồn tại, sinh sản thế hệ khác theo khuôn mình — là một hiện tượng “ngẫu nhiên”, không tất yếu. Nếu không xảy ra trong giai đoạn thuận lợi, sau đó không còn điều kiện để cho nó xuất hiện nữa.

Mới gần đây, Gerald M. Edelman, giải Nobel y học, tổng hợp quá trình tiến hoá của bộ não với sinh học thần kinh, rồi được ánh sáng mới vào quan hệ thân xác với tâm thần, vào sự xuất hiện ý thức (xem *Biologie de la conscience*, Sinh học của ý thức, Nxb. Odile Jacob, Paris, 1992). Không cần, hay chính vì không chấp nhận nguyên lý cứu cánh, sinh học đang đem lại những chìa khóa lý giải hiện tượng ý thức.

Chân lý? Chắc chắn là không. Bi thảm và vĩ đại của tư tưởng của con người là đó. Không ngừng chuyển đổi những cấu trúc lý trí rất cao đẹp để tiếp thu lý giải được các dữ kiện mới phát hiện: chủ toàn hay chủ biệt, phương thức nào cũng phải phân tích và tổng hợp. Không xây dựng trên dữ kiện phân tích chính xác, không kiểm nghiệm liên tục, thì những lâu đài tư tưởng là lâu đài xây trên cát.

Tư tưởng Việt Nam phát triển theo một dòng liên tục suốt một thời gian dài. Nhưng không phải thiếu sáng tạo. Trong một số trang ít ỏi, tác giả bao quát hết các biến đổi trong quan niệm vũ trụ từ Khổng tử đến Chu Hy (tr.178-186) để điểm chỉ cho chúng ta những nét đặc sắc của Lê Quý Đôn trong vũ trụ luận (tr.186-192).

Với vô tư của nhà nghiên cứu, ông xác định Tự Đức là một ông vua “có tầm vóc tư tưởng và văn hoá”. Tuy nhiên, thành quả triều đại này là một sản phẩm đầy nghịch lý, sản sinh được những nhà tư tưởng có tầm vóc như Nam Sơn phu tử Nguyễn Đức Đạt (tr. 211- 216) nâng truyền thống văn hoá quá khứ hàng mấy trăm năm lên mức khuôn mẫu, nhưng cũng kéo lùi lịch sử, đưa văn hoá và tư tưởng dân tộc trở về cổ thủ ở những thành trì cũ kỹ.

Và nhà học giả đi sâu vào tìm hiểu cội nguồn mọi thất bại của ông vua Tự Đức, của cả một thời đại: cái nền tảng triết lý của tư tưởng học thuật thời đó. Người đọc lại được bao quát một phối cảnh — mà tác giả riêng có bí quyết — từ truy nguyên cái quan niệm của Nho giáo nguyên thủy đối với các hiện tượng tự nhiên, đối với các quy luật chi phối thế giới đó, đến sự diễn biến của quan niệm ấy qua các thời đại, để rồi đem so sánh nó với những những quan niệm cơ bản trong hệ thống khoa học thực nghiệm của Âu châu (tr. 232-276). Kết

luận: « Các nhà Nho Việt Nam thời bấy giờ nhìn hiện thực tư bản chủ nghĩa mới xuất hiện thông qua những khung cố định, tức là những phạm trù tư tưởng phong kiến đã có vận mệnh hơn hai nghìn năm, do đó họ thấy trong cái hiện thực mới những hiện tượng phi chính thường và quái gở, nhất là họ có những nhận định sai lầm về văn minh khoa học kỹ thuật của Tây phương. » (tr.276)

Từ đó tới nay, dân tộc ta đã trải qua một đợt biến tư tưởng bắt đầu với Nguyễn Trường Tộ — tác giả dành riêng một thiên nghiên cứu đặc sắc —, một thảm kịch mất nước, non một thế kỷ nô lệ, một cuộc đấu tranh long trời lở đất giành lại độc lập, mà những nhận định ấy vẫn không mất tính thời sự.

Phần thứ ba là những bài giảng về triết học cổ đại Trung Quốc. Đến đây không khỏi thoáng chút băn khoăn: hầu như toàn diện quyển sách nói về tư tưởng Trung quốc, thêm một ít tư tưởng Việt Nam. Không thấy phần Ấn Độ đâu, từ Phương Đông nêu ở tựa sách bỗng như rộng quá. Nhưng đó là một chi tiết vặt.

Bước vào phần ba này, người đọc ngạc nhiên. Sao mà một quyển sách soạn trong những điều kiện sơ tán thiếu thốn mọi mặt lại đáp ứng đúng một nhu cầu của ngày hôm nay đến thế! Nhu cầu của dân tộc đang cần xét lại nguồn gốc tư tưởng truyền thống của mình, chọn lọc lấy những giá trị làm nền tảng cho một xã hội mới.

Những ai có tìm hiểu tư tưởng Á Đông đều biết nó rối rắm tới mức nào, càng đọc càng thấy mình chẳng khác chim chích vào rừng, mù mịt. Giở quyển sách này ra bỗng thấy mình thông minh sáng láng lạ. Bí hiểm nhúc óc trở nên dễ hiểu. Giây mơ rề má thế nào, giống và khác làm sao giữa Khổng, Mạnh, Tuân Tử, giữa Lão, Trang, Liệt tử, Dương tử giữa Nho, Đạo, Mặc, Pháp gia rành rọt mạch lạc. Tựa sách khiêm tốn, sách chỉ có tham vọng gợi những điểm nhìn tham chiếu. Nhưng nó là cẩm nang. Bỏ nó trong túi bạn sẽ không lạc, mà thích thú đi vào giữa rừng Nho biển thánh, không điên đầu mà khoái trá dự nghe cuộc bách gia tranh minh.

Chuyện khó thành dễ, ai nghe cũng hiểu, hiểu rồi lại muốn tìm hiểu thêm, phải là bậc thầy xứng với danh nghĩa đó mới làm được. Ta không lấy làm lạ khi điểm lại thấy một số bậc thầy ngày hôm nay về văn học, ngôn ngữ học, Hán học, Việt học, trong cũng như ngoài nước đều tôn trọng, là những cao đồ của cụ Cao Xuân Huy. Những người giữ truyền thống học thuật. Tình trớ trêu với thầy của họ — một cái gì rất Việt Nam — kết tinh trong quyển sách, chú thích đầy đủ, nghiêm túc. Sách in sạch, đẹp, rất ít lỗi, tìm kỹ mới ra vài hạt sạn nho nhỏ. Trong tình trạng in ấn hiện nay của ta đó là một cố gắng gương mẫu.

Cao đồ của cụ Cao gợi lên một kích thước mà phải người có sống gần cụ mới thấy được. Kích thước một con người an nhiên thanh thản sống theo cái học của mình: đời sống của cụ là một tác phẩm nghệ thuật.

Ta chợt thấy rằng nhà học giả uyên thâm, người thầy lỗi lạc khả kính chỉ là hai trong nhiều mặt thanh cao của một người hiền phương Đông. Cụ là một minh họa phong cách học cổ cho đời sống và cho hôm nay.

Nguyễn Thắng (2.1996)

Giá trị nghệ thuật của tranh thờ Việt Nam

Văn Ngọc



Tranh thờ trước hết là một phương tiện diễn đạt bằng ngôn ngữ tạo hình những ý tưởng, tình cảm, nói lên sự tôn kính, sùng bái Trời Phật, thần thánh, các đối tượng thờ cúng, nói chung, trong một tôn giáo hay tín ngưỡng.

Không phải ngẫu nhiên mà những ngành nghệ thuật như : kiến trúc tôn giáo, điêu khắc, hội hoạ, nhất là nghệ thuật tranh thờ, lại gắn liền với lịch sử phát triển của các tôn giáo và tín ngưỡng, ít ra trong một giai đoạn lịch sử lâu dài.

Ở nhiều nước trên thế giới, tranh thờ ngoài ý nghĩa tôn giáo ra còn được coi là những tác phẩm nghệ thuật, đôi khi còn là những mẫu mực trong từng thể loại : những bức nê hoạ (fresques) cổ thờ Phật trong các hang động ở Ấn Độ, Tây Tạng, hoặc ở Trung Quốc (1), những bức icônes (tranh thờ vẽ trên gỗ) của Arménie, Byzance (2), những tác phẩm hội hoạ của Thiên chúa giáo thời Trung cổ và thời Phục Hưng ở Âu châu (3), hoặc những bức miniatures persanes (tiểu hoạ Ba Tư) của người Hồi giáo (4) vv... với thời gian đã được thừa nhận như là những di sản văn hoá nghệ thuật quý báu của nhân loại.

Ở nước ta, ngành làm tranh thờ chưa bao giờ có được một địa vị quan trọng như vậy. Cách đây không bao lâu, tranh

thờ vẫn chỉ được coi là sản phẩm của các nghệ nhân, và những người này dù tài giỏi đến đâu cũng không bao giờ được coi là những hoạ sĩ đích thực. Cho đến gần đây, tranh thờ mới được đưa vào các viện bảo tàng một cách có hệ thống (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Lịch sử Văn hoá dân tộc Việt Nam). Các bức tranh thờ cổ hoạ hoàn mới được vẽ trên nền vải, lụa, còn thường là vẽ bột màu trên giấy dó, hoặc giấy Hà Đông. Kích thước tranh có lẽ không bao giờ quá 1m20, trừ vài ba trường hợp đặc biệt như bức *Tranh Hội Hai* (27x320 cm) và bức *Tranh Hội Lòng Thông* (24x170 cm) của các dân tộc Tày, Nùng, ngoài ra kích thước trung bình chỉ là 70x30 cm.

Vậy mà trong đời sống hàng ngày, những bức tranh thờ treo hay vẽ ở các nơi thờ cúng : đình, chùa, đền, miếu, hoặc ở ngay trong nhà, nơi điện thờ Phật của các cụ bà, hoặc nơi bàn thờ tổ tiên, là những hình ảnh rất gần gũi quen thuộc đối với mọi người và chắc hẳn chúng đã ảnh hưởng ít nhiều vào tâm linh cũng như vào năng khiếu thẩm mỹ của họ.

Trong bài này, chúng tôi không bàn tới những khía cạnh xã hội học và dân tộc học của tranh thờ, mà chỉ giới hạn trong phạm vi nghệ thuật, cốt nêu lên một số vấn đề liên quan đến hình thức diễn đạt trong tranh thờ, chứ không đi vào nội dung tôn giáo hay tín ngưỡng của những bức tranh ấy.

Tranh thờ Việt Nam gồm có : **tranh thờ cổ**, là loại tranh được các nghệ nhân vẽ thẳng lên tường vách, hoặc trên giấy, vải, lụa, treo ở các đình, chùa, đền, miếu, hoặc điện thờ của tư nhân. Truyền thống này tồn tại không chỉ riêng trong nền văn hoá của người Kinh ở đồng bằng, mà còn cả trong phong tục của một số dân tộc ít người ở miền núi : Tày, Nùng, Mèo, Dao, Cao Lan, Sán Dìu, Sán Chỉ...

Ngoài ra, còn có **tranh thờ dân gian** khắc gỗ in thành nhiều bản để bán quanh năm ở các phố Hàng Mã, Hàng Trống, Mã Vĩ, hoặc đặc biệt vào dịp Tết ở phố Hàng Bồ cùng với **tranh Tết**. Loại tranh này phần lớn được sản xuất ở miền xuôi : Hàng Trống (Hà Nội), Đông Hồ (Bắc Ninh), Kim Hoàng (Hoài Đức - Hà Nội), làng Sinh (Huế), v.v... nhưng chủ yếu là ở Hàng Trống.

Khái niệm “ cổ ” ở đây cần được hiểu theo một nghĩa tương đối, trước hết là vì người ta chưa biết rõ niên đại của phần lớn những bức tranh này, sau nữa là vì so với tranh khắc gỗ dân gian, không biết loại tranh nào cổ hơn loại tranh nào ? (Xem bài *Tranh Tết*, ĐĐ số 49).

Nằm trong kho tàng tranh thờ phong phú của nhân loại, tranh thờ Việt Nam trước hết thuộc dòng tranh thờ Á đông, đậm ảnh hưởng của Phật giáo, gồm những truyền thống tranh thờ của : Ấn Độ, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, v.v... Tuy nhiên, do những cuộc chiến tranh xâm lược và sự áp đặt về văn hoá giữa dân tộc này với dân tộc khác trong lịch sử nhân loại, cũng như do giao lưu văn hoá bằng con đường thông thương buôn bán giữa các nước từ những thời xa xưa, cho nên có những yếu tố nghệ thuật cùng tồn tại trong nhiều truyền thống tranh thờ khác nhau : tranh thờ của Thiên chúa giáo cũng như tranh thờ của Hồi giáo đều có một số nét chung với tranh thờ Á đông.

Vì vậy, khi phân tích các yếu tố để đánh giá cái đẹp trong tranh thờ Việt Nam, cũng cần có một cái nhìn tổng quát về các truyền thống tranh thờ trên thế giới.

Tranh thờ cổ

Về số lượng, tranh thờ cổ ở nước ta không còn giữ lại được bao nhiêu so với ở nhiều nước Á Đông khác, đặc biệt là so với Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản... Những bức tranh thờ Việt Nam đầu tiên không biết đã xuất hiện vào thời nào? Ở thời kỳ hưng thịnh nhất của đạo Phật, thời nhà Lý, người ta cũng mới chỉ biết kỹ thuật in kinh Phật (1040), nhiều lắm là đã biết khắc hình Phật trên cùng những ván in ấy như thể những kinh sách khắc ván của Trung Quốc thời nhà Đường còn để lại (5).

Theo các tác giả Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ trong cuốn *Tranh Dân gian Việt Nam*, NXB Văn Hoá, Hà Nội 1984 (tr. 13) :

« Tranh thờ cổ... trừ một số vẽ sơn hoặc bột màu trên gỗ, phần lớn vẽ trên giấy dó có diềm rộng ở xung quanh bởi màu xanh chàm. Các màu vẽ thường là màu nguyên tươi cùng các độ. Vẽ theo mảng, chủ yếu là các màu đỏ, xanh, lam, xanh lục, trắng, có cả vàng đất, đôi khi có vàng nhũ vẽ hoa văn, đen chỉ để vẽ nét và các mảng nhỏ. Từng mảng màu được khoanh vùng riêng biệt nhưng lại hoà hợp nhau, không dùng bóng tối để tạo khối. Ở đây màu là chính, nét chỉ để phân mảng màu và phần nào cũng gây cảm giác ghim màu sáng cho khỏi bồng bềnh, các nhân vật và cảnh vật được rải ra không che khuất nhau, sắp xếp chủ yếu theo chiều cao tạo ra các lớp trước sau. Hình không được vẽ bởi một điểm nhìn cố định mà nghệ sĩ di động đến đâu vẽ đến đấy, tương quan lớn bé không phải do khoảng cách tự nhiên mà là do địa vị xã hội giữa các nhân vật, nhân vật chính được vẽ to và ở giữa, các nhân vật thấp kém thì vẽ ở chỗ phụ. Phong cách trên làm cho các bức tranh thờ cổ rất gần với tranh dân gian... ».

Đây là một số nét chung cho cả tranh thờ cổ của người Kinh và tranh thờ cổ của các dân tộc ít người. Thực ra, trên nhiều bức tranh thờ cổ của các dân tộc miền núi màu vàng đất và màu đỏ son át hẳn các màu khác.

Một số tranh thờ cổ và tranh dân gian bước đầu đã được tập hợp lại và in thành một tuyển tập khổ lớn cách đây hơn ba chục năm (6). Các bức tranh trong tuyển tập này tuy chỉ được in trên giấy báo thường, nhưng màu sắc khá tươi sáng, chính xác. Gần đây có thêm hai tuyển tập tranh khác được xuất bản năm 1995, khổ vừa, in trên giấy láng (7). Đáng tiếc là cả hai đều có những khuyết điểm lớn về mặt thẩm mỹ : tập *Tranh Dân Gian Việt Nam* (NXB Văn Hoá Dân tộc), đặc biệt trong phần *tranh dân gian*, các tác giả hơi quá dễ dãi trong sự lựa chọn các mẫu tranh. Còn tập *Tranh Cổ Việt Nam* (NXB Văn Hoá Thông Tin), mặc dù nội dung nghiêm túc, nhưng màu sắc bị tối, do không chế ngự được kỹ thuật in màu.

Qua những cuốn sách này và những cuốn sách đã dẫn trong bài *Tranh Tết*, ĐĐ số 49 (8), người ta có thể chia tranh thờ cổ Việt Nam theo truyền thống văn hoá của từng dân tộc như sau :

– tranh thờ cổ của người Kinh : *Phật Tam Thế*, *Vũ Di Tổ Sư*, *Hộ Pháp*, (Vũ Di - Vĩnh Phú, cuối thế kỷ 18) ; *Đạt Ma Tổ Sư* (Hà Bắc, cuối thế kỷ 18) ; *Thập Điện* (Vũ Di - Vĩnh Phú ; chùa Thầy, chùa Long Đầu, chùa Bến Ngọc - Hà Sơn Bình ; chùa Ngang, Nghệ An ; chùa Tây Mỗ - Hà Nội) ; *Quan Âm Thuyết Pháp* (Nam Đàn, Hà Tĩnh, cuối thế kỷ 18) ; *Tứ Phủ*, *Ngựa Bạch*, *Ngựa Hồng*, *Hạc*, (Quỳnh Lưu, Nghệ An, cuối thế kỷ 18) ; *Bàn Cổ*, *Ngọc Hoàng Thượng Đế*, *Bồ Tát*, *Tuyết Sơn*, *Tiên Sư Thần Vị*...

– tranh thờ cổ của người Dao ở Bắc Hà : *Thiên Khổ Địa Khổ* (1816), *Dương Khổ Thuỷ Khổ* (1816), *Đặng Nguyên Sư* (1816), *Triệu Nguyên Sư* (1816), *Mã Nguyên Sư*, *Đại Đường Hải Phiên* (1816), *Cúng Mặn*, *Đạo Lão Với Việc Thờ Cúng Tổ Tiên*, *Đương Kim Hoàng Đế*, *Ngọc Thanh Cung*, *Vương Tinh*, *Đặng Lôi*, *Địa Tạng Vương*, *Bồ Tát*, *Hữu Thánh*, *Tam Thanh Cung*, *Bàn Cổ Tổ Tiên Người Dao*...

– tranh thờ cổ của người Tày : *Thập Điện*, *Chạy Văn Thu*, *Nhà Trời*, *Tổ Tiên (Ca Klin)*, *Địa Tạng Vương*, *Trung Ương*, *Cầu Hoa*, *Cửu U*, *Nam Đường*, *Ngọc Hoàng Thượng Đế*, *Cung Tào*, *Thái Thanh Cung*, *Long Ngâm*...

– tranh thờ cổ của người Tày và người Nùng : *Tranh Hội Hai*, *Tranh Hội Lồng Thồng*, *Đạo Bảo*, *Kinh Bảo*, *Mã Nguyên Suý*, *Quang Nguyên Suý*, *Đặng Nguyên Suý*...

– tranh thờ cổ của người Cao Lan : *Chạy giấy (Pông Sao*,



c cuối thế kỷ 19), *Rồng Phượng (Lùng Sư)*, *Thượng Thanh (Sùng Sênh)*, *Tam Thanh (Flam Sênh)*, *Ngọc Hoàng (Lục Chình)*, *Thánh Đạo Hưng Long*, *Thần Nông*, *Địa Trạch*...

Ngoài ra, còn một số tranh khác không rõ xuất xứ như : *Chúa Sao*, *Thần Mỏ Chim*, *Quan Suý*, *Tam Bảo*, *Địa Phủ*, *Thầy Tăng*, *Thổ Phủ*, *Nam Tào*, *Gia Tiên*, ...

Về đề tài, có thể chia tranh thờ cổ ra làm nhiều loại :

- tranh thờ các vị thánh thần cai quản trời, đất, núi, sông : *Tứ Phủ*, *Thánh Đạo Hưng Long*, *Tam Thanh Cung*, *Ngọc Hoàng Thượng Đế*, *Đặng Nguyên Suý*, *Mã Nguyên Suý*, *Quang Nguyên Suý*, vv...
- tranh thờ các vị thần trong truyền thuyết : *Bàn Cổ*, *Địa Tạng Vương*, *Thần Nông*, *Thần Mưa (Tùng dừn sừi)*...
- tranh thờ Phật : *Thập Điện*, *Cửu Khổ Nạn*, *Quan Âm Thuyết Pháp*, *Đạt Ma Tổ Sư*, *Vũ Di Tổ Sư*, *Hộ Pháp*, *Ông Thiện*, *Ông Ác*...
- tranh thờ linh vật : *Ngựa Hồng*, *Ngựa Bạch*, *Rồng Phượng*, *Hạc*...
- tranh thờ tổ tiên : *Tổ Tiên (Ca Klin)*, *Đạo Lão Với Việc Thờ Cúng Tổ Tiên*, *Cúng mận*...

Riêng về bộ tranh *Thập Điện* là bộ tranh Phật giáo tương đối quan trọng nhất trong các bức tranh thờ cổ (10 bức hoạ thể hiện 10 cảnh địa ngục), người Kinh có nhiều bộ khác nhau nằm ở những ngôi chùa cách xa nhau, các dân tộc ít người như người Tày, người Nùng, người Dao, người Cao Lan, cũng có nhiều bộ với phong cách thể hiện đôi khi khác hẳn nhau và nhất là khác với phong cách của người Kinh.

Cuốn *Tranh Cổ Việt Nam* của NXB Văn Hoá Thông Tin (1995), giới thiệu hai bộ tranh *Thập Điện* của người Kinh, một ở Vũ Di (5 bức) và một ở Hà Sơn Bình (10 bức, không ghi rõ ở chùa nào). Ngoài ra cuốn sách cũng giới thiệu một bức *Thập Điện* của người Dao và 3 bức của người Tày. Cuốn *Tranh Dân Gian Việt Nam* của NXB Văn Hoá Dân Tộc (1995) cũng giới thiệu một bộ tranh *Thập Điện* khác của dân tộc Tày. Bộ này kém hẳn các bộ khác về chất lượng nghệ thuật, ít nét sáng tạo, trừ bức *Thập Điện Diêm Vương* đặt ở ngay trước bộ tranh (tr. 139), mà trong cuốn *Tranh Cổ Việt Nam* lại được gọi là *Đạo Lão Và Việc Thờ Cúng Tổ Tiên* và bức *Đệ Tử Điện Ngũ Quảng Vương* (tr.144), phong cách khác hẳn, hình như không phải cùng một bộ ?

Cuốn *Imagerie Populaire Vietnamienne* của ông Maurice Durand (1960), ở trang 467 có giới thiệu một bức tranh thuộc bộ *Thập Điện*, về đại thể giống như bức *Đệ Tử Điện* ở Vũ Di, cùng một bố cục, song các chi tiết hơi khác, nét vẽ cũng tỉ mỉ hơn. Bốn bức tranh khác thuộc bộ *Thập Điện* (tr. 468, 469), không ghi rõ xuất xứ, phong cách cũng hơi giống bộ tranh Vũ Di, song sinh động hơn về nhịp điệu. Một bộ *Thập Điện* khác (trên góc mỗi bức tranh có vẽ hình Phật nhỏ) cũng được giới thiệu ở những trang 470-479, bộ tranh này bố cục sinh động và gần với bộ tranh Hà Sơn Bình hơn là tranh Vũ Di.

Những đặc điểm nghệ thuật của tranh thờ cổ :

Tranh thờ cổ thường là những bản chính duy nhất. Trên cùng một đề tài có thể có nhiều tác phẩm khác hẳn nhau về

phong cách, bố cục, đường nét, màu sắc, tùy theo nghệ nhân, tùy theo địa phương và tùy theo thẩm mỹ của từng dân tộc.

Một điểm đáng chú ý là có những đề tài, thể loại trong đó tranh của người Kinh không phong phú bằng tranh của các dân tộc ít người, chẳng hạn như những đề tài về tổ tiên, về các nhân vật trong truyền thuyết, vv... Cũng như về mặt hình thức, có thể nói rằng có nhiều bức tranh thờ cổ của các dân tộc miền núi có giá trị nghệ thuật cao hơn tranh thờ cổ của người Kinh, và có lẽ cũng cổ hơn (*Pông Sao*, *Tranh Hội Lồng Thông*, *Thánh Đạo Hưng Long*, *Thần Nông*, *Đại Đường Hải Phiên*, vv...).

Trên những bức tranh cùng đề tài, người ta có thể thấy được những điểm chung giống nhau, nhưng cũng có những điểm khác biệt hẳn nhau về hình thức diễn đạt.

Chẳng hạn như bộ tranh *Thập Điện*. Nhìn chung, giữa những bộ tranh của người Kinh có nhiều điểm giống nhau : bố cục dày đặc, nét vẽ tỉ mỉ, màu sắc tẻ nhạt, cổ kính, giống như một loại tranh cổ điển Trung Quốc, cách thể hiện người vật to nhỏ tùy theo địa vị quan trọng hay hèn kém, thiện hay ác, cũng như cách bố trí thành từng lớp từ trên xuống dưới, không áp dụng quy tắc viễn cận (*perspective*), vv...

Tuy nhiên, nếu nhìn kỹ người ta thấy có những điểm khác nhau khá quan trọng. Chẳng hạn, nếu đem so sánh bộ tranh *Thập Điện* ở Vũ Di (Vĩnh Phú) với bộ *Thập Điện* ở Hà Sơn Bình, chúng ta thấy gì ?

Bộ tranh *Thập Điện* Vũ Di, phong cách không khác gì những bức tranh cổ điển Trung Quốc. Ngược lại, bộ tranh Hà Sơn Bình, mặc dầu nét vẽ không chau chuốt, nhưng cách diễn đạt lại có vẻ dân gian, thoải mái hơn, bố cục cũng linh động hơn, màu sắc và chất liệu cũng phong phú và tương phản hơn.

Bây giờ thử đem so sánh một bộ tranh *Thập Điện* của người Kinh, Vũ Di hoặc Hà Sơn Bình, với một bộ tranh của người Tày, chẳng hạn (*TCVN*, tr. 99-100), sự khác nhau lại càng rõ rệt hơn. Rõ ràng bộ tranh *Thập Điện* của người Tày giàu tính dân gian, giàu sức sống và giàu yếu tố thẩm mỹ "hiện đại" hơn hai bức tranh kể trên xa.

Nếu ta lại đem so sánh nó với bộ tranh *Hàng Trống* cùng tên, sự khác nhau lại còn lớn hơn nữa, vì bộ tranh *Thập Điện* *Hàng Trống*, đặc biệt trên đề tài này, đã thiếu hẳn những nét sáng tạo mà tranh thờ *Hàng Trống* thường có, ở đây nó mang đậm ảnh hưởng của một dòng tranh không lấy gì làm xuất sắc lắm của Trung Quốc thời cận đại, mà người ta thường gọi là "tranh Tàu".

Tranh thờ dân gian

Tranh thờ dân gian khắc gỗ của người Kinh chủ yếu là tranh *Hàng Trống*. Ở đây, vì khuôn khổ của bài báo, chúng tôi chỉ giới hạn ở loại tranh này.

Để dễ so sánh, chúng tôi vẫn chia tranh thờ *Hàng Trống* theo từng đề tài như ở phần trên :

- tranh thờ các vị thần thánh cai quản trời, đất, núi, sông : *Tam Phủ*, *Tứ Phủ*...

- tranh thờ các vị thần linh : Tử Vi Trấn Trạch, Vũ Đình Thiên Ất, Táo Quân, Thổ Công, Thổ Địa, Đức Thánh Trần...
- tranh thờ Phật : Phật Tam Thế, Quan Âm, Thập Điện, Tam Thanh...
- tranh thờ linh vật : Ngũ Dinh (Ngũ Hồ Thần Tướng), Hắc Hồ, Bạch Hồ Thần Tướng, Rồng Phụng...
- tranh thờ tổ tiên : Tranh Hương Chủ...
- tranh thờ “ đồng bóng ” : Ngọc Hoàng Thượng Đế, Bà Chúa Thượng Ngàn, Bà Chúa Liễu Hạnh, Tam Thánh Mẫu, Vương Quan, Châu Thoải Phủ, Châu Đệ Tam, Ông Hoàng Đệ Nhất...

Một số tranh thờ Hàng Trống có cùng đề tài với tranh thờ cổ như : Ngọc Hoàng Thượng Đế, Phật Quan Âm, Tam Thanh, Thập Điện, vv...nhưng do kỹ thuật tranh khắc gỗ, cách thể hiện có khác hơn, có bức đạt, có bức kém hơn hẳn như bộ tranh Thập Điện đã nói ở trên. Song nhìn chung, tranh thờ Hàng Trống, mặc dầu có tiếp thu một số ảnh hưởng của tranh dân gian Trung Quốc, nhưng vẫn có những khía cạnh độc đáo, giàu sáng tạo, giàu sức sống thể hiện qua những nét vẽ linh động và màu sắc tươi vui, đặc biệt với những bức tranh thờ Ngũ Hồ Tướng Quân, Hắc Hồ, Bạch Hồ, Bà Chúa Thượng Ngàn, Châu Thoải Phủ, Châu Đệ Tam, Ông Hoàng Đệ Nhất, Ông Thiện, Ông Ác, vv...

Tranh thờ cổ và tranh thờ dân gian đều có những nét nghệ thuật độc đáo, mà con mắt thẩm mỹ của người thời nay có thể nhận biết được. Đó là cả một kho tư liệu quý báu đối với những người làm nghệ thuật tạo hình, nhất là đối với các họa sĩ, không phân biệt xu hướng, hình tượng (*figuratif*) hay không hình tượng (*non figuratif*).

Tranh thờ và thẩm mỹ hiện đại

Càng nhìn sâu vào các truyền thống tranh thờ cổ trên thế giới, người ta càng thấy rõ vai trò quan trọng của chúng trong sự phát triển của nền mỹ thuật của nhân loại, nói chung, qua các thời đại.

Chỉ cần lấy một thí dụ : ở Tây-Bắc Trung Quốc, địa phận Tân-Huang, sát với biên giới Tân Cương (Sinkiang) và Vạn Lý Trường Thành, có những hang động trong đó người ta còn nhìn thấy được những bức tranh Phật vẽ từ đầu thế kỷ thứ 6 (thời nhà Đường), đậm ảnh hưởng của nghệ thuật Gupta Ấn Độ do chính các vị sư Ấn Độ và có lẽ cả các nghệ nhân Ấn Độ trực tiếp đem vào, nét vẽ rất “ hiện đại ” (1) làm cho người ta không khỏi nghĩ đến nét vẽ, nét viền trong tranh dân gian của một số dân tộc (đặc biệt trong tranh cổ của dân tộc Tày có bức Cầu Hoa (*Mẻ Bjoóc*) điển hình nhất, ngoài ra trong tranh dân gian của người Kinh cũng không thiếu gì thí dụ : từ tranh Gà, tranh Lợn, đến tranh thờ Tuyết Sơn, Tiên Sư, Thổ Địa vv...), cũng như người ta không khỏi liên hệ đến nét vẽ của nhà danh họa Giotto (1266-1337), người đã thực sự đổi mới nền hội họa Ý thời tiền Phục Hưng (3). Có thể Giotto đã chẳng bao giờ biết đến những hang động này, nhưng chắc chắn đây không phải là một sự ngẫu nhiên, mà do giao lưu văn hoá, nhờ con đường tơ lụa (Route de la soie) vẫn đi qua đây (từ Nam Trung Quốc tới Địa Trung Hải) từ thế kỷ thứ 3. Có thể những bức vẽ cổ đó đã ảnh hưởng đến những nền hội

họa trước Giotto nhiều thế kỷ, như nền nghệ thuật nê hoa (*fresques*), hoặc những bức *icônes* xuất phát từ Arménie, từ Byzance vào đầu thời Trung cổ, rồi truyền qua Nga, Bun-gari, Ý, Pháp, vv...(như đã trình bày qua ở trên), hoặc nữa, như những tranh thờ thể hiện trên khung kính nhà thờ Thiên chúa giáo thời Trung cổ (*vitreaux gothiques*), với những mảng màu được khoanh vùng bằng những đường viền đậm nét làm bằng chì.

Cũng do giao lưu văn hoá, dưới hình thức này hay hình thức khác, mà trên những bức *miniatures persanes* (thế kỷ 13-16) của người Iranians (Hồi giáo), người ta có thể thấy được một số ảnh hưởng của nghệ thuật tranh thờ Á Đông (mây, núi cách điệu hoá, cách bố trí người vật không theo quy tắc viễn cận, vv...). Cũng trên những bức *miniatures* này, người ta còn có thể nhận biết được cả ảnh hưởng của Byzance về màu sắc, đặc biệt là chất liệu óng ánh của kim nhũ, không những góp phần làm giàu cho những bức tranh về mặt thẩm mỹ, mà còn đem lại cho chúng một vẻ sang trọng, cổ kính.

Ảnh hưởng của Byzance cũng còn thấy rõ cả ở trên những tác phẩm của trường phái hội họa Ý mang tên Ecole de Sienne (thế kỷ 13,14), của trường phái hội họa Pháp mang tên Ecole Parisienne (thế kỷ 14) và những tác phẩm của Fra Angelico, Piero Della Francesca, v.v... (thời Phục Hưng Ý, nửa đầu thế kỷ 15) (9).

Trở lại những nét vẽ của Giotto. Người ta sẽ thấy rằng nhiều thế kỷ sau Giotto, những đường viền khoẻ mạnh lại xuất hiện lại, một cách hoàn toàn mới mẻ, trong những xu hướng thẩm mỹ hiện đại của nhiều trường phái hội họa khác nhau : từ Picasso, Fernand Léger, Rouault, đến Gromaire...

Tranh thờ Việt Nam, tuy chưa được thế giới biết đến nhiều (10), nhưng bản thân nó có những nét nghệ thuật dân gian giàu sức sống và có một giá trị nghệ thuật nhất định, xứng đáng là một trong những truyền thống tranh cổ của nhân loại, có khả năng cung cấp, ít ra cho nền hội họa Việt Nam hiện đại, một kho tư liệu quý về thẩm mỹ dân gian và biết đâu lại không gọi cho nó một nguồn cảm hứng mới mẻ ?

Văn Ngọc

- (1) *L'Art de la Chine*, Ed. Arthaud, Paris 1963 ; *Les Arts de l'Inde, du Tibet, du Bhoutan*, Encyclopaedia Universalis 1985
- (2) *Splendeurs de l'Orient*, Ed. Editio-Service, Genève 1974 ; *Les plus belles Icônes*, Agence Internationale d'Édition, 1981
- (3) Giotto, Ecole de Sienne, Hội họa thời Phục Hưng Ý, Bảo tàng Louvre, Encyclopaedia Universalis
- (4) *Chefs d'oeuvres de la Miniature Persane*, Paul Morand, Ed. Librairie Plon, Paris 1947
- (5) *Trung Quốc Cổ Đại Dân Tục Bản Hoạ*, Bắc Kinh 1992
- (6) *Tranh tượng dân gian Việt Nam*, NXB Mỹ Thuật, Hà Nội
- (7) *Tranh cổ Việt Nam*, NXB Văn Hoá Thông Tin, Hà Nội 1995 ; *Tranh dân gian Việt Nam*, NXB Văn Hoá Dân Tộc, Hà Nội, 1995.
- (8) Nguyễn Bá Vân - Chu Quang Trứ, *Tranh dân gian Việt Nam*, NXB Văn Hoá, Hà Nội 1984 ; Maurice Durand, *Imagerie populaire vietnamienne*, EFEO 1960.
- (9) Germain Bazin, *L'Ecole Parisienne*, Editions d'Art, Albert Skira, Genève 1942 ; *Peinture gothique*, Encyclopaedia Universalis.
- (10) Năm 1949, một cuộc triển lãm tranh dân gian Việt Nam đã được tổ chức ở Hà Nội do sáng kiến của ông Maurice Durand. Năm 1960, một cuộc triển lãm với quy mô lớn hơn đã được thực hiện tại Viện Bảo tàng Guimet, Paris, dưới sự chủ trì của Trường Viễn Đông Bác Cổ (EFEO).

Ngày Tết vui chơi, tổ tôm, xóc đĩa

Năm hết Tến đến, chợt nhớ hai bài thơ nôm đăng trong bài **Tranh Tết** của Nguyễn Bá Lãng, và trong sách **Tranh dân gian Việt Nam** của Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ. Thơ phiên ra quốc ngữ như sau :

Du Xuân

Thời bình mở hội xuân
Nô nức *quyết* xa gần
Nhạc dâng ca trong điện
Trò thưởng *vật* ngoài sân

Xóc đĩa

Bốn đồng trong chầu (1) lấy
Mua bán mãi (2) liên tay
Rượu chè *dù* thích chí
Thua, được lại càng (3) say

Trên đây là bản Nguyễn Bá Lãng. Bản Nguyễn Bá Vân, Chu Quang Trứ ghi : (1) chặn, (2) mối, (3) cùng.

Hai bài thơ không có tranh và thơ nôm in kèm theo. Đọc vậy thì biết vậy...

Bất ngờ gặp được trong bộ tranh Oger ba tấm – Du xuân, Xóc đĩa, Tổ tôm – có cả thơ nôm. Ốc tồ mò giục tôi đi mua nào là tự điển Hán Việt, tự vị chữ nôm, sách dạy chữ nôm, bảng tra chữ nôm, nghiên cứu chữ nôm v.v... Đã không thông chữ Hán, tôi lại tập tễnh... học chữ nôm ! Vợ chê là điên, con cười là mất thì giờ. Nhưng cái lí thua cái tình, biết làm sao bây giờ ? Mò mẫm học tập mãi cũng chỉ biết ngửa cổ lên trời, rút ra kinh nghiệm “chữ nôm... nôm na thật !”.

Để mua vui ngày Tết (lời người đánh máy : *tác giả quá vui ngày Tết, qua cơn mới gửi bài !*), xin giới thiệu với bạn đọc Diễn Đàn cả ba tấm tranh và ba bài thơ nôm. Luôn tiện mời bạn cùng xét lại một vài chữ nôm... có vấn đề.



I. Tranh Chơi xuân (Du xuân đồ)

Thơ nôm phiên ra quốc ngữ :

Thời bình mở hội xuân
Nô nức *khấp* xa gần
Nhạc dâng ca trong điện
Trò thưởng *cuộc* ngoài sân.

Bên dưới, phía trái ghi “ hai ta *quyết* lấy giải làng ”.

1. Câu thơ thứ nhì đáng lẽ phải đọc “ Nô nức *quyết* xa gần”. Chữ *quyết* này viết giống chữ *quyết* trong câu “ hai ta *quyết* lấy giải làng ”. Nhưng ý thơ không xuôi. Ta *quyết* định một hành động (*quyết* đánh đuổi quân thù, *quyết* lấy giải...), chứ không có chuyện *quyết*... xa gần được. Có hai chữ Hán viết gần giống nhau : chữ *quyết* và chữ *khoái*. Chữ *quyết* gồm bộ băng hoặc bộ thủy và chữ *quái*. Chữ *khoái*, gồm bộ tâm và chữ *quái*. Tôi cho rằng người viết hoặc người khắc đã nhầm bộ tâm với bộ băng, chữ *khoái* trở thành chữ *quyết*. Chữ *khoái* đọc trại âm thành chữ *khấp*. Câu thơ trở thành “ nô nức *khấp* xa gần ”. Nghĩa là ngày Tết, chỗ nào, ở đâu cũng nô nức với hội xuân.

2. Câu thơ thứ tư “ trò thưởng *cuộc* ngoài sân ”. Chữ *cục* (hán viết) đọc theo nghĩa hoặc đọc theo âm sang chữ nôm đều thành *cuộc*. Chữ *cuộc* nghĩa là cuộc chơi có nhiều người tham dự hoặc có nghĩa là một ván bài, một bàn cờ (thí dụ : cuộc thi, cuộc đen đỏ, chén rượu *cuộc* cờ). Đồng thời chữ *cuộc* ngoài Bắc còn có nghĩa là đánh cuộc (trong Nam gọi là đánh cá). Câu thơ có nghĩa là ngoài sân đang *thưởng* thức cuộc chơi có *thưởng*, có đánh *cuộc*. Xin ngả nón bái phục lối chơi chữ vừa dí dỏm, vừa nhẹ nhàng thú vị. Cặp trai gái *quyết* lấy giải làng đang chơi trò “ quăng vai bắt chạch trong chum ”.

Cần nói thêm là chữ *cục* viết khác chữ *vật*. Hơn nữa trong tranh không thấy trò *đấu vật*, cũng không có đồ *vật* gì để thưởng. Nếu có đi chăng nữa, thì ngoài Bắc cũng nói là giải thưởng chứ không nói vật thưởng. Vì vậy không thể đọc là “ Trò thưởng *vật* ngoài sân ” được.

II. Tranh Xóc đĩa (Xóc đĩa đồ)

Bài thơ nôm :

Bốn đồng trong đĩa khéo *thiêng* thay
Bán bán, mua mua suốt tháng ngày
Kẻ rượu, người chè, *giầu* mặc thích
Có thua, có được mới càng say.

1. Chữ *thiêng* trong câu thứ nhất còn có thể đọc là *linh* (linh thiêng), là *kinh* (kinh hãi) hoặc là *kính* (kính nể). Về mặt chữ, chữ *thiêng* gồm hai phần, mỗi phần là một chữ Hán : chữ *linh* (linh thiêng) + chữ *kinh* (kinh đô).

Trong bộ tranh Oger, các chữ nôm thường được viết bằng cách gọn nhất, viết tắt, viết giảm nét, chứ không viết rắc rối, rườm rà. Nếu đọc là *linh* thì không cần viết thêm chữ *kinh*.



Nếu đọc là *kính* thì không cần thêm chữ linh. Còn chữ *kính* thì không đúng vần thơ. Tôi chọn chữ *thiêng* vì đây là một chữ nôm viết theo lối hải thanh. Nó gồm chữ linh để chỉ nghĩa và chữ kiêng (chữ nôm) để chỉ âm. Chữ kính đã được dùng để phát âm chữ kiêng. Trường hợp này cũng giống như chữ *lời* (lời nói) được viết với bộ khẩu và chữ trời, trời là một chữ nôm. Thiêng là tiếng thường dùng của người Bắc, hoặc đúng một mình (sống khôn, chết thiêng) hoặc đi đôi với chữ linh thành linh thiêng. Trên chiếu bạc, khi được nước, con bạc cho là được thần thánh linh thiêng phù hộ.

2. Chữ *giầu* (giầu không, trong Nam gọi là trầu) viết nhằm thành *dầu* (dầu thắp đèn), vì người Bắc phát âm lẫn lộn gi với d. Từ chữ *dầu*, người ta tưởng phải đọc trại âm thành *dù* (dù sao, dù cho).

Trong bộ tranh Oger, có một tấm khác cũng nhằm *giầu* với *dầu*. Đó là tấm “Đưa *giầu* đám ma”. Đám ma nhà giàu (giàu nghèo) ngoài Bắc thường có một người gánh vàng mã để rắc lúc đi đường, một người gánh *giầu* cau để mời khách đi đưa đám. Và lại cụm từ “*dù* mặc thích” không có nghĩa. Câu thơ “Kẻ rượu, người chè, *giầu*, mặc thích” thật là khó hiểu. “Kẻ rượu, người chè, *giầu*, mặc thích” thì đúng là tả chiếu bạc ngày Tết. Uống rượu, uống nước chè, ăn *giầu* thả của, tha hồ, mặc thích. Có như vậy thì thua, được mới càng say. Say rượu, say nước chè, say *giầu*. Khi đã lâng lâng thì kẻ được cũng như người thua ai chả... say mê lao vào cuộc đổ đên.

Bạn đã phục lối chơi chữ của nghệ sĩ bình dân chưa ?

III Tranh Tổ tôm

Bài thơ nôm :

Ngày xuân thông thả tổ tôm chơi
Ai được, ai thua cũng chả cười

Cao cũng có bài thì *mấy thích*
Thấp mà gặp nước hoá *hơn* người.

1. Chữ *mấy* nghĩa là mới.
2. Chữ *thích* do chữ khích đọc trại âm. Chữ thích ở đây viết khác chữ thích của tranh Xóc đĩa.
3. Chữ *hơn* do chữ cái đọc theo nghĩa. Chữ cái được viết tắt (?) hoặc viết sai.

“Chữ nôm... nôm na thật !”. Cùng một chữ mà có nhiều cách đọc, cách viết. Chữ nôm của ta “vừa có tình, vừa có lí”. Giới bình dân đôi lúc viết khác, đọc khác, hiểu khác các bậc thâm nho. Ví von một tí thì nói rằng có hai luồng chữ nôm, luồng ngoài và luồng trong. Một trường hợp độc đáo gặp trong bộ tranh Oger : nghệ sĩ luồng ngoài dùng chữ long (con rồng) để chỉ cái ... nong. Không những chữ nôm... nôm na, đôi lúc còn... lôm la nữa. Thật là ... tự do quá trớn !

Nguyễn Dư

Sách tham khảo

1. Nguyễn Bá Lăng : Tranh Tết, đăng trong Phong tục Tết Việt Nam và các lân bang. Nxb Sudestasie, Paris 1986.
2. Nguyễn Bá Văn, Chu Quang Trứ: Tranh dân gian Việt Nam. Nxb Văn hoá, Hà Nội 1984.
3. Thiều Châu : Hán Việt tự điển. Nxb Thành phố HCM, 1993.
4. Lê Văn Quán : Nghiên cứu về chữ nôm. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội 1981
5. Nguyễn Ngọc San, Đặng Chí Huyền : Cơ sở ngữ văn hán nôm (tập 4). Nxb Giáo dục, 1987.
6. Đào Duy Anh : Chữ nôm. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội 1975.
7. Viện ngôn ngữ học : Bảng tra chữ nôm. Nxb Khoa học xã hội. Hà nội 1976.



MIÈNG

Ái Nguyệt

Vợ tôi và Nguyệt bắt đầu bằng chuyện nắng mưa thời tiết, những chuyện vô thưởng vô phạt nhạt nhẽo của các bà. Tôi im lặng nghe, thật ra chỉ với một tai. Gần ba mươi năm rồi, từ ngày tôi ra đi để không bao giờ trở về. Trông Nguyệt đầy đà, vẫn ít lời như ngày nào, và nhất là tránh ánh mắt nhìn làm tôi vừa tức cười vừa bực. Không dám nhìn thẳng vào mắt tôi là hãy còn xúc động hay còn giận ?

Tôi không thấy hứng thú gì. Đôi mắt với cái nhìn tẻ nhạt kia, cách Nguyệt nói chuyện mà không trông thẳng vào mặt người đối diện làm tôi khó chịu. Lẽ nào từ ngày xa nhau, Nguyệt trở về với cái nhìn sững như không thấy gì ngày cô ta còn bé ? Cả trong cử chỉ, Nguyệt cũng không tỏ vẻ gì ân cần cởi mở, hay chỉ vì có vợ tôi ngồi đó với cái nhìn xét nét ? Nên câu chuyện chỉ loanh quanh về hội từ thiện giúp cô nhi tại Việt Nam mà Nguyệt có sáng kiến chủ trương.

— Sẽ lo xây cất một căn nhà chứa khoảng một trăm em, anh chị ạ. Từ hôm đăng báo, đã có nhiều người gửi chi phiếu tới cho. Chi phí thì nhiều, lo được tới đâu hay tới đó.

Vợ tôi nhanh nhẩu :

— Nhân tiện, đưa cô cái chi phiếu kéo quên.

Lạ chưa, mới nghe nói tới tiền, Nguyệt tươi cười vội chìa tay trong khi vợ tôi chưa kịp rút chi phiếu ra. Vợ tôi hơi sững sờ trước thái độ quá sẵn sàng của Nguyệt, cứ trở mắt nhìn. Nguyệt không lấy thế làm ngượng, tay cứ chìa ra phía chúng tôi. Tôi đâm bối rối khi vợ tôi giả vờ gãi gãi chân mảy để có thể nhượng mắt nhìn tôi như ngẫm bảo chà, cô em nuôi mà anh vẫn từng ca tụng là đầy lòng từ ái nhân hậu thương người thì nay mới nghe tới tiền là sáng mắt ra. Và điều làm tôi ngượng ngùng kín đáo khép nhẹ hai đùi là Nguyệt cứ nhìn chằm chập vào chỗ hai ống quần dính lại, hơi mỉm cười, một nụ cười phiêu lãng sao sao. Ai lại thế ? Nguyệt ngày nào núp mưa dưới tàu lá chuối đã từ từ vượt khỏi tay tôi. Chờ hơi lâu mà vợ tôi vẫn chưa đưa, Nguyệt rút tay về :

— Chưa xong hả chị ? Sau đó nếu điều kiện cho phép thì sẽ cất một khu nhà nữa, gồm lớp dạy cắt may cho các cháu gái lớn, một lớp dạy thợ may cho các cháu trai, và một phòng y tế.

Rồi Nguyệt quay ra sau lấy xấp hồ sơ. Trong khi đó vợ tôi nguyền dài một cái và hí hoáy viết nhanh. Tôi thấy nhột nhột ở gáy vì “qua khỏi tai nạn này thì dù bố thí năm ngàn cũng hãy còn là quá rẻ so với cái mạng em”, bây giờ chỉ còn có một phần mười. Tôi hiểu.

— Xong chưa chị ?

Nguyệt lại đưa tay ra. Vợ tôi thở dài khe khẽ, đặt tấm chi

phiếu vào tay Nguyệt. Nhưng Nguyệt làm vẻ cao quý chẳng thèm nhìn, chỉ cầm để ở góc bàn. Cái chi phiếu suýt rơi.

Nhìn vợ tôi ngồi bất ngờ ra ghế, không sợ nhàu cái áo mà ai thấy cũng khen còn Nguyệt thì đứng đưng, tay hất đồng báo ra xa — đồng báo mà đáng lẽ phải dọn đi mới phải, sao để vậy mà Nguyệt không thấy chướng ? — , rồi cầm ly nước và nhìn Nguyệt bằng con mắt hơi nheo lại, tôi biết trong mắt vợ tôi, em không đáng giá ba xu. May là tôi không hề tâm sự gì với vợ.

Tôi nhìn sâu vào đôi mắt đẹp của Nguyệt, không giấu diếm. Nhìn để nhớ lại ngày em gái Nguyễn Thị Minh Nguyệt bị chết vì bệnh thương hàn, mẹ tôi đau khổ quá mức bởi đó là lần cuối cùng có thể sinh nở. Bố tôi đã tìm tôi liên lạc với các viện mồ côi để đem đứa con gái của chị Tư quản gia căn nhà trên Đà Lạt về nuôi. Lần cuối chúng tôi lên nghỉ mát, thấy chị hơi đầy đà và nặng nề, nhưng không để ý gì. Đến khi gia đình tôi biết được thì chị đã chết trong lần sinh nở cực kỳ khó khăn đó. Thế là em bé có tên Thơm đã trở thành Nguyễn Thị Ái Nguyệt trong một gia đình danh giá.

Vào năm đầu tiên khi Ái Nguyệt về với chúng tôi, em như một đứa bé không biết nói dù đã năm tuổi rồi. Lúc nào em cũng tròn mắt ra nhìn trần trần, cái nhìn trống vắng vô hồn với đôi mắt to hơi đục, ít sinh khí. Mỗi lúc nào cũng như cười cười vu vơ, vô tội vạ.

Phải tới năm thứ hai em mới dần dà bắt được nhịp sống bình thường và bắt đầu theo tôi đi bắt dế, đá banh. Đi đâu tôi cũng dẫn em theo và hãnh diện có cô em gái đẹp. Đến năm tôi mười tám thì Nguyệt mười sáu. Nguyệt đẹp nhất khu chúng tôi ở, là khu của dân khá giả. Em đến trường trong bộ áo dài trắng, trinh nguyên xinh đẹp như một nàng tiên nhỏ. Đôi mắt vời vọi buồn mênh mang kín đáo đã làm bố mẹ tôi vừa hài lòng vừa lo âu vô cố, bởi có nhiều cu cậu theo đến tận nhà. Còn tôi thì thường nhìn Nguyệt, tự nhiên trong đầu cứ lóe lên câu hỏi sao Nguyệt không đừng là em nuôi của mình ?

Một hôm chúng tôi về thăm bà con ở Bình Dương, mãi đi dạo chơi trong xóm, bỗng trời đổ cơn mưa. Chúng tôi vội núp dưới bụi chuối đại ngoài đường. Mưa dòn dã vội vàng. Mưa... Mưa... Tôi vít cành lá chuối xuống che cho Nguyệt. Nhưng cành lá chuối lại bật tung lên bởi bỗng nhiên, trong một giây phút bất thần, tôi ôm ghì và đặt đôi môi cuồng nhiệt vào môi Nguyệt. Tôi nóng hổi, tê điếng nồn nao. Và Nguyệt không phản đối, nếu không muốn nói là đam mê đáp ứng. Đôi mắt đẹp khép hờ, dại đi. Em run rẩy như con chim nhỏ và thở hổn hển như thể vừa chạy qua một đoạn đường thật xa. Và rồi em là người, nép sát vào vòng tay khép chặt của tôi, im lặng. Đó là lần đầu tiên tôi nếm môi con gái, và cũng từ đó tiếng mưa rơi trên lá chuối gợi cho tôi một cảm giác êm dịu khó quên. May mà tôi không hề tâm sự gì với vợ.

Chúng tôi vụng dại như vậy được sáu tháng, có lẽ bố mẹ tôi đoán thấy nên lo giấy tờ cho tôi đi Pháp khi tôi vừa đậu tú tài vào hè năm đó. Từ chối mãi không được, tôi ra điều kiện là chỉ đi khi nào làm lễ đính hôn cho chúng tôi cái đã. Bố mẹ tôi cũng tìm đủ mọi cách phản đối, nhưng mãi cũng không xong, đành làm cái lễ gọi là, chỉ trong vòng gia đình với rất ít bà con tham dự.

Thế là tôi chưa đủ khôn, yên trí ra đi. Tôi ở nhà cô ruột, với các con cô là thằng Hưng và con Hoàng Anh, tại Paris. Ban đầu Nguyệt và tôi thư từ cho nhau đều đặn một hai tuần, rồi những dịp tôi bận bịu thi cử thì một tháng. Chưa đầy một năm sau thì cô tôi lại đem con bạn của Hoàng Anh về ở chung “ cho nó trọ học ”, là vợ tôi hiện tại.

Vợ tôi lúc đó hẳn cũng thấy tôi có vẻ ra gì và nhất là bị cô tôi lúc nào cũng cố ý cho chúng tôi gần gũi nhau. Tỷ dụ hai đứa bây đi Thanh Bình mua cho cô mấy món này... Hoặc hai đứa bây đưa con Hoàng Anh ra ga hộ cô... Tại sao lúc nào cũng “ hai đứa bây ” mà hễ sai bảo gì thằng Hưng thì chỉ bảo nó một mình ? Hồi đó vợ tôi lại chơi thân với một nhóm bạn “ hoạt động cho hoà bình Việt Nam ”, thường rủ tôi đến nhóm đó mỗi cuối tuần.

Một năm, hai năm rồi ba năm trôi qua, thư Nguyệt từ từ thưa đi, hầu như không có nữa. Mỗi lần tôi tính về thăm nhà thì bố mẹ tôi vội vàng bay qua Pháp như giữ chân tôi lại. Tôi có viết thư về hỏi thì bố mẹ hoặc không trả động đến hoặc chỉ trả lời qua loa cho có chuyện. Bên cạnh tôi thì cô tôi bắt đầu công khai gán ghép vợ tôi vào.

— Mày còn chờ gì nữa ? Nó con nhà tử tế, môn đăng hộ đối. Mày lại cứ muốn về với con để hoang không cha ấy à ?

— Con lạy cô, tội nghiệp em con.

Cô tôi hơi chột dạ :

— Ừ thì tuy. Đó là cô nói vậy cho mày thôi.

Rồi cô lẩm bẩm một mình :

— Có con vợ con nhà đảng hoàng, có ăn có học như người ta cho cha mẹ nở mày nở mặt. Giòng họ nhà này chỉ có mình mày, làm gì thì cũng phải nghĩ đến gia phả nhà Nguyễn Duy một chút.

Đạo đó tôi luôn luôn buồn. Rồi lại tiếc là mình đi du học làm chi. Rồi lo là Nguyệt có phải lòng ai không. Nói là không thích vợ tôi là nói dối. Nhưng nếu bảo sẵn sàng bỏ quên Nguyệt thì quả tình tôi không muốn. Hẳn là Nguyệt còn thương và chờ đợi tôi về như trước khi đi tôi đã hứa. Một hôm

cô tôi đánh đòn tâm lý chót :

— Nè, cái thằng gì bạn con Hoàng Anh đó... à, thằng Minh. Nó có hoạt động hoạt đicđic gì đó mà xin về thăm nhà, bị toà Đại sứ từ chối đó nghe.

Cô nhìn tôi :

— Còn mày, chắc gì mày đã không bị vô số đen như nó ?

Đòn ấy hiệu nghiệm. Tôi đã dính vô những hoạt động phản lại chính quyền Sài Gòn mà đạo đó nếu ai can bảo bỏ ra, chắc chắn tôi sẽ cho là hèn.

Năm ấy trời lạnh nhiều. Suốt mùa đông u ám tôi và vợ tôi hầu như luôn luôn đi cặp với nhau. Cô tôi cứ khiến tôi phải lái xe đi học và đưa Hoàng Anh với vợ tôi đến trường. Một hôm Hoàng Anh ốm ở nhà, tôi đi đón vợ tôi. Trời mưa lất phất mà cô ấy không mang theo áo mưa. Con gái gì mà đoảng. Tôi lấy áo mưa của mình che cho hai đứa. Cái gì thơm thơm trong tóc đàn bà con gái ? ... Và không phải là tàu lá chuối nên nó không bật lên. Nó lại đồng tình che úp lên hai đôi vai xao xuyến hẳn không phải vì giá rét. Thế là mọi sự bắt đầu. Trước tiên là cô tôi tình ý thấy ngay, cô cấp tốc báo bố mẹ tôi và gia đình vợ tôi qua Pháp để xúc tiến việc cưới hỏi trong vòng chớp nhoáng. Nguyệt không cùng bố mẹ qua. Thì đã hẳn. Tôi có hỏi thăm, mẹ gạt đi :

— Thôi, con đừng nhắc tôi nữa mà phiền lòng vợ mày. Mỗi đứa có một đời riêng. Bố mẹ sẽ lo cho nó đầy đủ trọn đạo làm cha mẹ. Con không có gì phải lo.

Đến năm 1973, bố mẹ tôi qua ở hẳn bên Pháp. Tôi hỏi thăm thì biết là Nguyệt đã lấy chồng, một sĩ quan không quân. Quái, tôi nghe tim mình nhói lên, giận dữ vu vơ...

Bây giờ em ngồi đó, nửa kín đáo xa cách, nửa hững hờ kênh kiệu. Hẳn Nguyệt thấy rằng nhan sắc vợ tôi thua mình và hội từ thiện gây được nhiều cảm tình đã cho Nguyệt cái ý nghĩ tự tôn tự mãn ? Hay cô Ái Nguyệt ngày nào không ưa nghe chuyện chính trị tôi nổi khi nghe bố nói chuyện với chú Chín về “ cái gọi là Mặt trận giải phóng miền Nam ”, đã hỏi một câu xanh đờn là cái đó có ủng hộ ông Thiệu hay không,

nhật ký trước nửa đêm

1. Năm hết bằng bữa cơm chiều ba mươi — ngày chủ nhật

khi ấy hè phố Sài Gòn đầy lá khô
một con ngựa gầy xuống phố trong buổi chiều
thất nghiệp duy nhất
những hạt cỏ nảy mầm từ kẽ đá lát đường
nhắc nó một mùi tóc cũ.

2. Không gì vui bằng buổi chiều cuối cùng
không gì buồn bằng buổi chiều cuối cùng
những bến xe muộn đã thưa vắng
quán cà phê hoa tím đã đóng cửa
với dòng “ Cung chúc tân xuân ”

Là tà bụi phấn
con ngựa gầy thong thả — một mình.

3. Nó đã lặng lẽ đi qua bốn Noel
bình thản đi qua bốn Nguyên đán
dừng dừng đi qua vô vàn nhan sắc
nó đã gắn một mộ bia
lên tình sử ngắn ngủi của đời mình.

4. Bây giờ những lá me xanh non
lì ti cốm mới
vỗ về nó trong buổi chiều cuối năm — ngày chủ nhật
và hoa sao xoay chong chóng đầy trời
thả xuống bờm tóc nó chút xôn xao không báo trước
những hạt cỏ nảy mầm nhắc một mùi tóc cũ
đã từng thơm mơ hồ trong bó
ng tối
một giao thừa rất xa...

5. Tiếng trẻ con đầu đó cười từ cửa sổ
giật mình — ngựa mới...
về nhà.

ĐỖ TRUNG QUÂN

mà bây giờ lại biến thành một người chiến đấu ? Biết đâu đấy. Cứ nhìn căn phòng khách lộn xộn sách báo thì đủ hiểu là thiếu cái nhìn chăm sóc của đàn bà.

Gi thì gì, Nguyệt đã ra khỏi hẳn vòng tay che mưa của tôi rồi. Tàu lá chuối đã gãy, mưa rơi rạt rào trên nỗi thương tiếc xa xôi khúc khuỷu của tôi. Kỷ niệm êm đẹp ngày nào ướt tả tôi, vỡ vụn.

— Anh chị được mấy cháu ?

Thay vì trả lời, nhà tôi trịch thượng ra dấu bằng hai ngón tay. Nguyệt nhìn giây lâu mà không nói gì, bảo :

— Em có hai. Cháu gái lớn vừa xong tú tài, bữa nay tới chơi nhà bạn. Còn thằng út theo nhà em ra sân quần vợt, chắc cũng sắp về.

Nguyệt đưa tay dụi dụi mắt, trông mắt Nguyệt có vẻ thần thờ. Nguyệt xéo một cái, vợ tôi ngồi thẳng lên :

— Thôi mình về anh, cho cô Nguyệt nghỉ.

Nguyệt cười :

— Anh chị ngồi chơi. Em có mệt mỏi gì đâu.

Vừa lúc đó có bước chân vang lên ở cửa. Tiếng con nít liếng thoảng vọng vào làm Nguyệt tươi cười vội đứng lên :

— Bố các cháu về đấy.

Tôi hơi giật mình khi ông Lafond to lớn bước vào. Ông ta là giáo sư nhân khoa có tiếng của Pháp. Thằng nhỏ khựng lại khi thấy khách. Nguyệt vồn vã :

— Em có nói với mình rồi đấy. Anh và chị dâu của em.

Ông ta vui vẻ bắt tay chúng tôi và đến hôn vợ. Nguyệt bảo chồng :

— Anh chị có giúp cái chi phiếu.

Ông ta vội đến cầm lên xem. Hai chúng tôi đều trở mặt bực mình. Sao mà cả vợ cả chồng cứ nghe đến tiền thì nhào tới ngay. Vợ tôi lắc đầu, môi hơi mím lại. Ông ta cười :

— Ấy chết, mình lại quên dặn rồi. Anh chị viết tên mình rồi nè.

Nguyệt cũng cười, à lên một tiếng. Ông ta bảo chúng tôi :

— Xin ông bà vui lòng viết lại dùm. Thay vì đề tên vợ tôi thì xin đề tên hội cho thủ quỹ khỏi nhầm. Chúng tôi sẽ gửi giấy biên nhận để ông bà được miễn thuế.

Vợ tôi ngồi bịch xuống, rút chi phiếu ra, nói mĩa mai :

— Cô ấy có thèm xem lại và nói cho biết ngay đâu.

Ông Lafond trở mặt nhìn chúng tôi :

— Ừa, các bạn không biết sao ?

Biết gì ? Biết vợ ông ta ham tiền mà làm bộ kênh kiệu ? Ông ta cười phá ra. Nguyệt cũng cười thành tiếng. Vợ tôi ngược lên chau mày. Nhiều khi tiếng cười còn vô lễ, dễ ghét hơn ngàn lần tiếng chửi. Ông ta choàng tay qua vai vợ, nói một câu giễu diễu với vẻ hết sức âu yếm chân thành, mà thoát nghe qua, chúng tôi lạnh toát cả người :

— Tội nghiệp, vợ tôi hai lần khóc chồng. Một lần vào năm hai mươi và một lần vào tuổi hăm lăm. Khóc quá nên bị mù, mà tiếc là tôi bất tài không chữa được.

MIÈNG

Paris, février 1996

tâm sự nàng Thuý Vân

*Nghĩ thương lời chị dặn dò
Mười lăm năm đắm con đò xuân xanh
Chị yêu lệ chảy đã dành
Chú em nước mắt đâu dành chàng Kim*

*Ở kia sao chị ngồi im
Máu còn biết chảy về tim để hồng
Lấy người yêu chị làm chồng
Đời em thế thật một vòng oan khiên*

*Sút sùi ướt cỏ Đạm Tiên
Chị thương kẻ khuất đừng quên người còn
Mắp mô số phận vuông tròn
Đất không thể nhốt linh hồn đòi yêu*

*Là em nghĩ vậy thôi Kiều
Sánh sao đời chị ba chiều bão giông
Con đò đời chị về không
Chờ theo tiếng khóc đáy sông Tiền Đường*

*Chị nhiều hờn giận yêu thương
Vàng trắng còn lăm mùi hương hẹn hò
Em chưa được thế bao giờ
Tiết trinh thương chị đánh lừa trái tim*

*Em thành vợ của chàng Kim
Ngồi ru giọt máu tượng hình chị trao
Đầu đầy đêm nỗi khát khao
Kiều ơi, em đợi kiếp nào để yêu !*

Trương Nam Hương

Người đàn bà ngồi cuối toa đen

*Người đàn bà ngồi cuối toa đen
Ru con bằng bài ca thật cũ
Lời ca chẳng ai còn nhớ nữa
Giãi điệu buồn như giọt rượu rơi*

*Chị quay mặt về phía mặt trời
Nhu sợ gió cũng có ai gom nhặt
Nhu sợ nắng cũng có ai đánh cắp
Nhu sợ mây chẳng phải để riêng mình*

*Chị quay lưng về phía vãn minh
Phía người ta sột soạt đếm tiền và khu khu ca-táp
Mất lăm lét những giọt mình, cảnh giác
Cười chẳng thấy vui, khóc chẳng thấy buồn*

*Chị hồn nhiên thu vén chút đức tin
Chập chờn như ma, ốm ò như quỷ
Trong bài ca mẹ chị từng hát dở
Khép lại — mở ra thế giới người nghèo*

*Người đàn bà ngồi cuối toa đen
Chị cứ hát như chỉ mình biết hát
Nhu chẳng biết chuỗi âm thanh khắc nghiệt
Rít lên khô khốc dọc đường ray.*

Đặng Huy Giang